

Nhóm Bí Thư Giám, Cự Lộc Nam thân Ngụy Trung vâng
lệnh vua Đường Thái Tông cùng biên soạn

PHƯƠNG SÁCH TRỊ NƯỚC CỦA NGƯỜI XƯA
QUẦN THƯ TRỊ YẾU 2
(Tập 9)

Chuyển ngữ:

NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

QUẢN THƯ TRỊ YẾU

QUYỂN 20

Thiệu Dương hậu học Tiêu Tường Kiểm y theo sách Hán Thư ghi thêm

HÁN THƯ (8) bổ sung

TRUYỆN

KHUÔNG HÀNH

Khuông Hành tự Trĩ Khuê, người huyện Thừa quận Đông Hải. Khuông Hành thi giáp khoa, không hưởng ứng theo lệnh quản lý của quan Thái thường nên điều bổ làm Bình Nguyên văn học. Nhiều người trong giới có học bấy giờ dâng thư tiến cử Khuông Hành giỏi kinh điển vượt trội các nhà học giả đương thời, nên vua hạ lệnh phong Khuông Hành làm chức Văn học, làm quan nơi kinh sư. Về sau đàn hậu tiến đều muốn theo Khuông Hành đến Bình Nguyên, Khuông Hành không thích nghỉ tại miền xa, Sự việc Thái tử Thái truyền Tiêu Vọng Chi, Thiếu phủ Lương Khâu Hạ hỏi, Khuông Hành đối đáp dùng các đại nghĩa sâu xa đẹp đẽ trong kinh Thi, được Tiêu Vọng Chi tâu vua là Khuông Hành người giỏi về kinh học, lập luận học thuyết đúng chính đạo nhà Nho, rất đáng được quan tâm. Nhưng vua Hán Tuyên đế không quá tín nhiệm đạo Nho nên chỉ dùng Khuông Hành làm một viên quan lại mà thôi. Nhưng Hoàng Thái tử dự nghe cuộc đối đáp của Khuông Hành,

rất thích thú tán tụng mãi. Rồi vua Hán Tuyên đế băng hà, vua Hán Nguyên đế lên nối ngôi. Nhạc Lăng hầu Sử Cao bên ngoài thuộc chức Đại tư mã Xa kỵ tướng quân, lĩnh Thượng thư sự, tiến cử Khuông Hành làm chức Nghi Tào sử, vua bổ nhiệm Khuông Hành làm chức Lang trung, thiên chuyên Bác sĩ Cấp sự trung, Bấy giờ, xảy ra hiện tượng nhật thực, động đất. Nhà vua hỏi thiên tai có ảnh hưởng tốt xấu trong chính trị, Khuông Hành dâng sớ tâu:

“Thần nghe lễ chế năm thời Ngũ đế khác nhau, ba thời Tam vương khác nhau về tín ngưỡng, phong tục nhân dân cũng tùy theo thời vụ mà khác nhau. Bệ hạ cung kính kế thừa thánh đức, mở đường thái bình, từ quan lại mình mẫn đến người dân ngu đều cảm phạm pháp cả, năm rồi nhà vua đại xá, khiến cho bách tính được cải hạnh tự tân, thiên hạ rất là hạnh phúc. Thần trộm thấy sau khi đại xá, bọn gian tà không suy giảm, hôm nay chúng còn được đại xá, hôm sau lại phạm pháp, rũ nhau vào ngục tù, đó là cái khí vị mỗi trong công việc. Sự nghiệp bảo dân thì “phô bày ra cái nghĩa đức, chỉ rõ ra cái xấu tốt” xem cái thất bại mà làm ra cơ chế thích nghi, đó là động mà lại hòa, thông thả mà yên ổn. Ngày nay thói tục người đời là tham tài, ít nghĩa tình, háo thanh sắc; nNgười trên thì chạy theo thói xa xỉ, bất kể liêm sỉ, dâm dục phóng túng, không kể thứ tự trên dưới trước sau, gần kẻ xa lạ, tình thân thích ngày một bạc bẽo, phe cánh hôn nhân ngày một mạnh, chúng cầu hợp với nhau coi trời bằng vung, cầu kết làm lợi cho phe nhóm của chúng. Chúng không thay đổi tính, nên tuy được ân xá, hình phạt tuy có răn đe chút ít, nhưng không có mấy tác dụng. Thần ngu muội cho rằng nên nêu rõ tục lệ. Đức Khổng phu tử bảo rằng: “Nên cai trị đất nước bằng đức lễ nhượng, vì sao vậy?” Triều đình là cái cột đỡ của đất nước. Các bậc công

khanh đại phu giao thiệp với nhau bằng đức lễ nhượng, thì dân không tranh giành với nhau; người có đức nhân, siêng làm chuyện bổ thí, thì không bạo lực. Người trên cao khí tiết thì kẻ dưới giữ đức hạnh tốt, người ta đối xử khoan nhu hòa huệ với nhau thì mọi người yêu thương lẫn nhau. Bốn vấn đề này, sở dĩ các bậc minh vương không nghiêm chỉnh mà thành hóa, vì sao vậy? Vì một khi triều đình có lời dạy thay đổi thì nhân dân lo sẽ có loạn lạc đầu đá nhau; nhà vua có bậc sĩ tự tôn, thì nhân dân có kẻ không chịu nhượng; nhà vua có người phò tá thẳng thắng thì nhân dân có cái tâm thương hại; nhà vua có kẻ bày tội háo lợi, thì trong dân có kẻ trộm đạo. Đó là nói về căn bản. Ngày nay việc cai trị thông thường của giới quan lại, căn bản đều không lấy đức lễ nhượng, mà nhà vua xử bạo, hoặc hãm hại buộc người ta phải ở tù, tham tài lợi dựa vào thế lực.

Cho nên bọn phạm pháp ngày càng nhiều, không hết kẻ gian tà, tuy hình phạt nghiêm khắc, pháp chế nặng nề vẫn không thể biến đổi bọn chúng được, do bản tính tự nhiên không phải do thiên tính vậy. Thần khảo cứu kỹ thiên thư “Quốc phong” trong Kinh Thi, các thiên “Chu Nam”, “Thiệu Nam”, thấy rằng giáo hóa của các bậc hiền thánh rất sâu xa, nó đôn đốc làm việc nhiều mà tiết chế sắc dục. Ngày xưa ông Trịnh Bá thích dừng, mà dân nước Trịnh hung bạo như hổ báo; vua Tần Mục công quý tín, nên được nhiều kẻ sĩ dám chết vì vua mình, Trần phu nhân mê tín ưa bói toán, nên dân mê muội thờ cúng loạn xạ; Tần hầu tiết kiệm nên dân lo cần cù súc tích; vua Thái vương khiêm cung nhân từ, nên được các bang quốc yêu quý. Từ đó mà thấy rằng việc cai trị thiên hạ chỉ là xét kỹ các cấp trên mà thôi. Ngày nay, tục lệ bạc béo kém xưa, người ta mất hết đức tính lễ nhượng. Thần nghe rằng trào lưu giáo hóa, không do gia đình mà chỉ nghe người ta thuyết

giảng. Bậc hiền tài tại vị, người tài nắm các chức vụ quan trọng, triều đình tôn sùng đức lễ, bách liêu đều giữ đức kính nhượng, giữ đức hạnh, từ trong đến ngoài, bắt đầu từ gần rồi mới ở xa, thì sau đó dân mới thông hiểu coi pháp luật là của mình, từng ngày theo điều thiện một cách tự nhiên, không hề tự biết. Là vì sự yên ổn của bách tính, sự hài hòa âm dương, sự linh ứng của thần linh, mà tăng thêm tốt đẹp. Đó là điều mà vua Thành Thang kiến lập nên nền chính trị, bảo tồn con cháu, đồng hóa các tộc của giống người quý phương theo tục người Hoa Hạ. Ngày nay, Trường An là thủ đô của bậc thiên tử, họ hàng nhà vua được thánh hóa, nên tập tục ở các nơi xa xôi đã không còn khác mấy so với tập tục dân cư thủ đô Trường An. Các quân quốc trước đây đều chưa có phép tắc, khi thấy cách sống xa xỉ thường hay đua đòi. Đó là cái căn bản của sự nghiệp giáo hóa. nên theo nền chính trị của các đấng tiên vương. Thần nghe giữa trời và người, cái tốt, cái độc hại lẫn lộn mông mênh lắm, cái thiện cái ác đưa đẩy nhau, việc ở dưới, lại tác động đến việc ở trên, lý âm dương đề cảm ứng với nhau, âm biến thì tĩnh cũng động, dương bị che khuất, thiên tai lụt lội hạn hán tùy loại mà xảy đến. Ngày nay miền Quan Đông, nhiều năm liên tiếp nhân dân bị đói kém, khôn đốn đến nỗi phải ăn thịt nhau, phú thuế nặng nề, đạo tặc nổi dậy, ngày một nhiều, quan lại không cách nào trị an được.

Bệ hạ kính sợ các điều răn của trời, thương yêu con đồ, tự tiết chế, ít vui chơi hưởng lạc, kiến lập chương quan nha, bãi bỏ quận Châu Nhai, bớt việc võ tập trung việc văn, mong muốn trở lại yên trị hưng thịnh thời Đường Nghiêu Ngu Thuấn; dứt hết sự suy bại thời nhà Ân, nhà Chu. Các ý kiến đều đồng tình với việc chiếu thư ban ra, bãi bỏ quân Châu Nhai, không ai không vui lòng, người ta biết sẽ được sống yên bình. Nên giảm chế

độ quan thất, bớt chuyện đua đòi làm đẹp; khảo sát các chế độ có phù hợp dân tình chưa, chỉnh tu trong ngoài; gần gũi người trung chính, lánh xa bọn xảo nịnh; bỏ thứ âm nhạc dâm dật nước Trịnh nước Vệ, phổ biến thơ Nhã thơ Tung trong Kinh Thi, bổ nhiệm người tài đức ra làm quan, khuyến khích lời hay ý đẹp trong dân gian. Tín nhiệm người ôn lương, đuổi cổ hạng quan lại hà khắc; tôn vinh kẻ sĩ liêm khiết, biểu dương những quan lại không tham lam; khen ngợi những người giỏi lược nghệ, khảo sát các vụ việc về thể nước; Làm cho sáng tỏ đạo của tự nhiên, giáo hóa tính hòa mục trong nhân dân, tôn sùng đức chí nhân, đừng để mất thuần phong mỹ tục, khiến cho khắp trong nước tự nhiên thấy được chỗ hay của bản triều, đạo đức rộng khắp miền kinh sư, ảnh hưởng đến tận các sắc dân bên ngoài biên giới, thì tự nhiên cuộc đại hóa có thể thành tựu, người người sống lễ nhượng vậy”. Nhà vua khen ngợi lời tâu ấy, thiên chuyển Khuông Hành chức Quang lộc đại phu, Thái tử thiếu truyền. Bấy giờ nhà vua rất ham mê văn từ Nho thuật, cải tiến nền chính trị thời vua Hán Tuyên đế, nhiều người muốn gặp mặt vua bàn luận, ai ai cũng tự cho là lời của mình được vua lưu ý. Lại truyền cho Chiêu Nghi, Tử Định Đào vương ái hạnh, là những người được Hoàng hậu, Thái tử sủng ái.

Khuông Hành lại dâng sớ tâu rằng:

“Thần nghe cái động cơ của việc cai trị an nguy của đất nước, ở chỗ xem xét kỹ việc dụng tâm. Thánh đức của bệ hạ do trời xét, tử ái hải nội, tuy nhiên âm dương chưa hòa với nhau, bọn gian tà chưa bị cấm, chưa biểu dương đúng mức công lao to lớn của tiên đế, nên không thể dùng tranh luận, mà ở chỗ biến canh chúng, hoặc không thể làm việc biến canh, mà lại làm đi làm lại, khiến quần thần thêm lao nhao đúng sai, quan lại cùng nhân dân hết tin tưởng. thần trộm thấy ân hận

cho sự nghiệp của quốc gia giải thích lạc thành, nhưng hư ảo làm cho rối rắm vậy. Mong bề hạ tìm hiểu nắm vững toàn bộ hệ thống nghiệp vụ, lưu ý việc tuân thủ chế độ phát huy công việc, để ổn định cái tâm của quan dân bên dưới. Thiên sách “Đại Nhã” trong Kinh Thi có câu: “Không có ý niệm tổ tiên, bèn sửa lấy đức”, đức Thánh Khổng soạn sách “Hiếu kinh”, thì ngay chương đầu đưa vấn đề đạo đức làm cơ bản.

Truyện viết rằng:

“Xét đến chuyện yêu ghét, lý giải tình tính, thuộc vương đạo hết vậy”; nếu mình hết sức tận tụy, thì sau mới có thể hiểu được tính tình của người khác; mà khi hiểu được tính tình của người ta thì mới có thể giáo hóa hết mọi người trong cõi trời đất được. Đạo Trị tính, tất phải xét mình trước cho nhiều, xét mạnh đến chỗ bất túc. Cái che lấp sự thông minh ban đầu thông qua cuộc đại khảo sát, mà người ít hiểu biết lười suy nghĩ, bị ung tị làm cho hạn chế rất nhiều, còn kẻ dũng mãnh cương cường thì bị giới hạn nơi đại bạo, những người nhân ái ôn lương thì bị giới hạn ở chỗ thường thiếu cương quyết, còn người trầm tĩnh an thư thì bị giới hạn nơi thời sau, những người quảng tâm hoạt đại thì bị giới hạn ở chỗ di vong. Tất nhiên chắc chắn là việc tự xét mình bị giới hạn ở chỗ tự mình phải đương đầu với chính mình, mà dùng nghĩa như nhau, thì về sau hóa ứng trung hòa, mà bọn đệ tử của giới xảo trá không dám mơ tiến như nhà Chu. Chỉ có bề hạ bị giới hạn vì tôn sùng thánh đức. Thần lại nghe đạo tu của gia thất, thì cái lý của thiên hạ được tôn trọng. Cho nên Kinh Thi mở đầu bằng thiên thơ “Quốc phong”. Cái gốc của Kinh Lễ là “quan”, “hôn”. Mở đầu bằng thiên thơ “Quốc phong”, thì nguyên tình tính mà rõ được nhân luân vậy. Gốc là “quan” “hôn”, thì chính đáng vững chắc mà đề phòng sự việc lúc chưa xảy ra.

Hung vượng phúc đức mà không có gì căn bản về thất gia, sự suy bại của đạo không phải là không bắt đầu trong chỗ then chốt. Mọi động tĩnh vui chơi của các bậc thánh nhân, những vụ việc được sắp đặt theo thứ tự; được sắp đặt theo thứ tự, thì trong khắp đất nước người ta tự tu, bách tính tuân thủ chịu thay đổi theo tục tốt của người Hoa Hạ. Ví như đang thân thành sơ, đang tôn thành ti, thì bọn nịnh xảo nhân lúc ấy mà nổi lên, gây loạn quốc gia. Cho nên các bậc thánh nhân rất cẩn thận việc đề phòng từ cái gốc, ngăn cấm từ khi chúng chưa xuất hiện, không lấy ơn riêng làm hại nghĩa công. Bệ hạ là người dự bị đầy đủ thánh đức, không việc gì là không tu chính, nên không phải làm gì nhiều mà thiên hạ yên trị. Kinh Thi có câu: *“Bốn phương thiên hạ, quyết định ở gia đình làm gốc”*. Truyện có câu: *“Gia đình chân chính thì quốc gia an định”*. Khuông Hành mấy năm làm chức Thiếu truyền, nhiều lần dâng sớ bàn luận chuyện thời sự đương thời, khiến triều đình tổ chức họp bàn việc cai trị, lan truyền đối thoại, lời lẽ có nhiều pháp nghĩa. Nhà vua thường dùng vào việc bổ nhiệm các quan công khanh, ban thưởng cho Khuông Hành huân chương Quang lộc huân, chức Ngự sử đại phu. Vào niên hiệu Kiến Chiêu thứ ba, bổ nhiệm Huyền Thành làm chức Thừa tướng, phong tước là Lạc An hầu, hưởng thực ấp sáu trăm hộ. Vua Hán Nguyên đế băng hà, vua Hán Thành đế tức vị.

Khuông Hành dâng sớ răn vua về việc lập cung phi, khuyên vua nên khuyến khích nguyên tắc uy nghi về kinh học, rằng:

“Bệ hạ cầm quyền với bản sắc chí hiếu, thận trọng lúc chết, tri ân người xa, trong lòng thương xót nhớ nghĩ chẳng dứt, chưa từng tổ chức tụ họp bộ hạ yến tiệc rong chơi săn bắn, mong cho đời sống bách tính được vô cùng tốt đẹp vậy. Tuy thánh tính được tốt đẹp,

nhưng thần trộm mong bề hạ còn phải khôi phục thánh tâm. Kinh Thi có câu: “*Trơ trọi một mình đau khổ thương tiếc*”, vua Chu Thành vương đủ nghi thức làm lễ tang rất chu đáo nhưng ý khí chưa có thể ngang bằng. Chính vì đó là thành tựu của sự nghiệp văn, vũ, tôn sùng cái gốc của sự nghiệp khai hóa vĩ đại. Thần lại nghe thầy bảo: Lễ chính trong việc cưới xin xong, rồi sau mới tới việc tặng phẩm vật thì mới gọi “*Lập phi thất là đầu mối an sinh nguồn gốc muôn phúc*” là vẹn toàn thiên mệnh. Đức Khổng Tử bàn luận về Kinh Thi, dùng thiên thơ “*Quan thư*” trước hơn hết, lời đề cao nhất của người là “*cha mẹ của dân*”. Hành vi của các bà hậu, các bà phu nhân không thể ngang hàng với trời đất, thì không thể dùng hệ thống thờ phụng thần linh để đề ra nghi thức chung cho vạn vật được. Cho nên Kinh Thi có câu “*yếu điệu thực nữ, quân tử hảo cừ*”, ý nói rằng chính lời người trinh thực, không có hai ý, cảm xúc tình dục không bị giới hạn ở vẻ bề ngoài, ý nghĩa yển tư không lộ ở động tĩnh, phàm về sau tự nhiên có thể có khả năng phối hợp chí tôn mà làm chủ tông miếu. Đầu mối kỷ cương ấy, là đầu mối của nền giáo hóa vương đạo. Từ các đời vua thời thượng cổ đến nay, cuộc hưng phế của thời Tam đại chưa từng diễn ra khác như vậy. Mong bề hạ xem xét cho thật kỹ chuyện được mất, cuộc thịnh suy để gây dựng đại cơ cho mình, tất thấy đều có đức hạnh, xa lánh thanh sắc, gàn gửi kinh sách chân chính, viển kỹ năng, thần trộm thấy thánh đức thuần mậu, chuyên học hiểu rõ các Kinh Thi, Thư, thích nghe âm nhạc không mỏi. Thần Khuông Hành tài mọn, không phụ được gì, không quy định rõ được thiện ác, không làm sáng tỏ được ranh giới dẫn đến cát hung, không thông được chỗ chính đáng của đạo làm người, không khiến được bản tính trái lẽ. Cho nên xem xét được việc chỉ dạy “*lục nghệ*”, mà khi quy định rõ được thiện ác, làm sáng

tỏ được ranh giới dẫn đến cát hung, thông được chỗ chính đáng của đạo làm người, khiến được bản tính trái lẽ. xem xét được việc chỉ dạy “*lục nghệ*”, thì mới có thể đạt được sự hòa hợp các nguyên lý vận hành của trời, của người, mới dưỡng dục được thảo mộc, côn trùng, Đó là cái đạo lý vĩnh cửu không thay đổi. Các sách “*Luận ngữ*” “*Hiếu kinh*”, ghi lại lời nói và hành vi của các bậc thánh nhân, rất nên nghiên cứu kỹ ý nghĩa từng câu trong các sách ấy.

Thần lại được nghe rằng các bậc thánh vương tự chu toàn động tĩnh hành vi, một lòng thờ trời, nghe lời người thân, mỗi khi lâm triều được các bầy tôi bổ khuyết, vật hữu tiết văn, để biểu dương nhân luân, một lòng thờ trời; khiêm tốn cung kính ôn hòa, giữ lễ trong giao thiệp với người thân; nghiêm túc kính cẩn chính cung, thích nghi với quần chúng. Cần làm một số động tác thử thách, cho vật tuân theo thích nghi dần, sao cho tỏ ra nhân nghĩa, hành động theo phép tắc. Đức Khổng Tử bảo rằng: “*Đức nghĩa đáng tôn kính, dung mạo oai nghi đáng nhìn, tiến thoái đáng đứng mức, mang đến cho dân. Vì thế dân sợ trên mà thương, lấy đó làm phép tắc biểu tượng*”. Thiên sách “*Đại nhã*” trong Kinh Thi có câu: “*Kính cẩn thận trọng uy nghi, chỉ là phép tắc của dân*” Chư hầu triều cận thiên tử vào tháng Giêng mỗi năm, thiên tử dùng đạo đức, bảo chăm lo thờ phụng tổ tiên ông bà các đời, lại cho dự các cuộc thực hành lễ nhạc, uống rượu cúng nơi tông miếu rồi cho về. Cho nên cả vạn nước chư hầu không nước nào không được ban phước đức, việc giáo hóa vì thế mà thành phong tục. Ngày nay, mỗi tháng giêng đầu năm có chuyện viếng mộ mã đền thờ ông bà, rồi lâm triều chúc tụng nhau, bày cuộc uống rượu cúng ban thưởng cho khắp mọi chư hầu, Truyện viết: “*Quân tử thận trọng từ lúc ban đầu, mong bề hạ lưu ý đến việc tiết chế động*

tĩnh, sao cho kẻ dưới được chiêm ngưỡng ánh sáng thịnh đức, để làm cột trụ cơ bản, thì thiên hạ rất được may mắn lắm”.

Nhà vua trân trọng theo lời tâu của Khuông Hành. Con là Khuông Hàm cũng thông thạo kinh sách, từng làm chức lớn trong nhóm Cửu khanh. Dòng họ nhà Khuông Hành xuất hiện nhiều vị học giỏi đỗ Bậc sĩ.

KHÔNG QUANG

Không Quang tự Tử Hạ, cháu đời thứ 14 của đức Không Tử. Vào ngày mừng một tháng Giêng, niên hiệu Nguyên Thọ nguyên niên, xảy ra hiện tượng nhật thực, động đất, rồi hơn mười ngày sau Truyền Thái hậu qua đời. Tháng ấy, nhà vua có việc ngồi xe đi ra ngoài, có Không Quang theo hầu, vua hỏi về hiện tượng nhật thực. Không Quang trả lời:

“Thần nghe rằng mặt trời là tông tổ của mọi nguồn sáng, biểu tượng của bậc nhân quân, giữ vai chí tôn. Mỗi khi quân đức suy vi, âm đạo thịnh cường, che lấp ánh sáng, thì ứng hiện cho xảy ra hiện tượng nhật thực. Kinh Thư có câu: “Hổ thẹn dùng năm sự, xây dựng dùng hết sức của vua. Nếu như năm sự là mạo, ngôn, thị, thính, tư bị mất, không lập đạo đại trung được, thì lỗi được đưa ra, sáu thứ cực điểm thường giáng xuống, là vì không lập được đại trung, Truyện có câu: “Thời ấy có mặt trời mặt trăng vận hành loạn xạ” Lại nói: “Ông trời cao thật thông minh, nếu không có chuyện ấy”. Kinh Thư có câu: “Chỉ vì giả dối sự chính đáng của vua nên có sự ấy” là nói về tai dị sẽ xảy đến, vì khởi đầu công việc bất chính. Thần từng nghe thầy nói, trời phụ tá cho bậc vương giả, nên mấy lần xảy ra tai dị để cảnh cáo vua, muốn vua cải cách nền chính trị. Nếu nhà vua không kiêng sợ thì trời có cách loại bỏ, không thể coi nhẹ ý trời được đâu. Trời sẽ

trừng phạt nặng hơn nữa, Kinh Thi có câu: “Kính thay! Kính thay! Trời chỉ hiển bày cái suy tư, mà bản mệnh không đổi”. Còn có câu: “Sợ uy đức của trời, thì thời được bảo an”. Thấy đều có ý nói là nếu không nghe theo thì càng thêm nguy hiểm, biết kiêng sợ trời thì sẽ tốt hơn. Bệ hạ thông minh thánh đức, mạnh mẽ, thuận theo giới răn của trời, biết kính sợ tai dị, cẩn thận nghe lời mọi người không cường diệu cái tôi quá đáng, nên thường xuyên gặp gỡ tham vấn quần thần, cầu lời khuyên hữu ích, nắm đủ vạn sự, dựa vào các lời khuyên răn, sử dụng quan lại hiền lương, rồi sau đó mới quyết định sách lược cai trị, bỏ ngoài tai những lời nói xàm của phe nịnh thần, loại bỏ đám tham tàn, công bằng trong việc sử dụng hình phạt, giảm thuế cho dân, thêm ân trạch cho bách tính, là hình thành cái gốc lớn (đại bản) của chính sách cai trị, là sự ứng biến rất thực tế vậy, thì thiên hạ cực kỳ may mắn. Kinh Thư có câu: “Lời nói chính đức thì thuận với trời vậy”. Còn có câu “Lời nói có lòng tin nơi đạo thì trời sẽ phụ cho”. Làm rõ việc thừa thuận đạo trời ở chỗ sùng đức, chăm chăm làm chuyện bổ thí rộng khắp, thêm tấm lòng chí thành, những lật vật như tục tế lễ cầu tài, rốt cục chỉ vô ích mà thôi, việc đuổi họa hưng phúc ganh đua nhau, rõ là không có tác dụng gì”.

Thư tâu đến tay vua, vua ban thưởng tiền lụa, phong cho Không Quang, chức Quang lộc đại phu, trật được hưởng hai ngàn thạch, Cấp sự trung, ngang với chức Thừa tướng.

TIẾT TUYÊN

Tiết Tuyên tự Cống Quân, người xứ Đàm quận Đông Hải. Khi vua Hán Thành đế vừa tức vị, bổ nhiệm Tiết Tuyên làm chức Trung thừa, chấp pháp trong điện,

kiêm tổng bộ Thứ sử ở ngoài địa phương. Tiết Tuyên dâng sớ tâu rằng:

“Bệ hạ đức lớn nhân hậu, thương yêu trăm họ, chăm chỉ làm việc suốt ngày, quên cả nghỉ ngơi hưởng lạc thú, thành tín chấp hành thánh đạo, giữ công bằng trong hình phạt. Nhưng gia khí hãy còn ngưng trệ, âm dương không hòa, nên thần hạ mình mà chưa xưng tụng, thánh hóa đơn độc còn có người không hợp. Thần trộm nhớ lại một đầu mối, hầu như phần đông giới quan lại đều hà khắc, chính trị phiền toái, phần lớn tai hại từ giới quan lại làm Thứ sử. Hoặc vì không chịu thường xuyên đi tuần thú để điều hòa quan chức phù hợp tình hình thực tế tại chỗ, răn đe họ trong công tác, nên phần đông họ dùng cơ quan công quyền để làm việc riêng, nghe theo bọn sàm nịnh, để mong chỉ quan lại và nhân dân sai sót phạm lỗi, để trách mắng trừng phạt hòng kiếm chác, toàn chuyện trái với đạo nghĩa không xứng đáng làm cha mẹ dân. Các quận huyện cũng đều một cảnh bức xúc như vậy, truyền ảnh hưởng xấu đến nhân dân. Cho nên nơi làng thôn thiếu vắng niềm vui gia tân, người ta dễ quên ơn nghĩa tình thân họ hàng trong cử tộc, tình hình chu cấp ăn uống bị suy giảm, không còn thường xuyên thăm hỏi nhau, cả chuyện qua lại. Phàm khi nhân đạo không thông, thì âm dương cách biệt, hòa khí không còn thì vị tất không phải do chỉ như vậy. Kinh Thi có câu: “Thất đức với dân, cho lương khô gây tội ác”. Tục ngữ có câu: “Chính sách hà khắc không thân cận dân khiến phiền khổ thương hại ân đức” Thần ngu muội không nắm được đạo cai trị đất nước, mong minh chúa xem xét cho”. Nhà vua vui vẻ nghe theo.

CÓC VĨNH

Cốc Vĩnh tự Tử Vân, người Trường An. Vào niên hiệu Kiên Chiêu, quan Ngự sử đại phu Phồn Duyên Thọ nghe có đợt cử Mậu tài, để bổ sung cán bộ thuộc quyền, bèn cử Cốc Vĩnh làm Thái thường thừa, nhiều lần dâng sớ nói đến chuyện được mất. Đến mùa đông niên hiệu Kiến Thủy thứ ba, xảy ra hiện tượng nhật thực, động đất trong cùng một ngày, nhà vua ban chiếu cho tiến cử kẻ sĩ phương chính nói lên những lời can gián thẳng thắn. Quan Thái thường Dương thành hầu Lưu Khánh ngại cử Cốc Vĩnh đãi chiếu công xa, đôi viết: “Bệ hạ cầm giữ thuần đức của bậc chí thánh, vẫn lo sợ các biểu hiện khuyên răn của trời đất trên cao, cố sức tu chính, nghe lời khuyên của các vị công khanh, lại còn ra mình chiếu, cố sù những lời can gián thẳng thắn trung thực, được cho yết kiến riêng với vua nhằm bàn những vụ việc cần cấp nhằm tháo gỡ rắc rối tình hình. Để cầu được nghe những sai sót nhằm lẫn trong chính sách hiện hành, khiến bọn chúng thần được góp sức vào việc kế thừa các vấn đề cai trị đất nước. Thần ít học kém tài, không được thông đạt chính sự. Thần trộm nghe rằng khi một bậc minh vương lên ngôi vua, thì bắt tay ngay vào việc chấn chỉnh năm việc, kiến thiết đại trung, kế thừa thiên tâm, để mọi vật mọi việc từ lớn đến nhỏ đều theo một trật tự, ở trên cao có cái lý của mặt trời mặt trăng. Nếu bậc nhân quân dâm loạn nơi hậu cung, rong chơi nơi đồng nội, thì năm việc bị thất bại ngay trong trứng nước, đạo Đại Trung không được thành lập, thì tội lỗi giáng xuống mà sáu điều tiêu cực xảy ra. Phàm khi tai dị xảy ra, đồng thời có hiện tượng sai lầm mất mát để cảnh cáo cho con người, Từ tháng mười hai đến đầu tháng Giêng năm Mậu Thân, xảy ra hiện tượng nhật thực, chòm sao Vực Nữ bị chia tách, động đất, mà nội bộ thì rối loạn, Hai thiên tai cùng xảy ra trong một ngày, báo cho bệ hạ là tai họa không còn

xa, nên thật lòng cầu với các nơi các chỗ. Ý cho rằng chí hướng của bệ hạ ở khuê môn, chưa nghĩ đến việc cai trị một cách nghiêm túc, thiếu thận trọng trong việc tuyển cử rèn dạy quan lại, nên trong việc điều hành vấp phải sai sót nguy hại chẳng? Trong cung thì nhà vua quá sủng ái cung phi nên phụ nữ trong cung lơ là tu dưỡng, không tuân thủ đạo lý. Các bậc vương giả thời xưa bỏ qua năm sự việc, làm mất giềng mối vợ chồng, nên hàng thê thiếp đắc ý, là mối loạn xuất phát từ nội cung, gây rối loạn ra bên ngoài, đến nỗi rối loạn âm dương, làm nghiêng đổ quốc gia. Ngày xưa, Bao Tự lạm quyền điều hành quốc gia, làm rối loạn âm dương mà nhà Chu nghiêng đổ, sách Kinh có câu: “Vua hết mình lo dân thì xây dựng được quốc gia hết mình”. Truyện viết: “Vua không hết mình thì chẳng xây dựng được gì. Bấy giờ thì mặt trời mặt trăng chuyển động loạn xạ”.

“Bệ hạ làm chủ thiên hạ, ngồi ở vị trí chí tôn, được thừa kế giữ chức đế vương, để thống quản mọi sinh linh. Nước được yên trị hay loạn lạc đều do nơi chính sách của bệ hạ. Thành thật lưu ý ở chính bản thân nhà vua, nếu còn gượng gạo nơi hành động, còn chưa hết lòng chịu khổ cực lo chuyện thiên hạ, còn chưa bỏ được thói dâm dục, ham mê ca nhạc múa hát, chưa dứt bỏ những ham hố thấp kém vô nghĩa, chưa tiết chế vui chơi săn bắn nơi rừng núi, mà bắt đầu bằng những việc thông thường, làm theo lễ, hết lòng việc chính trị trong nước, làm việc không biết mỏi mệt, Kinh có câu: “Kế thừa vua trước từ nay không đắm say rượu, không đam mê săn bắn, thì cùng với đạo chính vậy”. Chưa từng có chuyện nhà vua đích thân điều động việc cai trị mà bày tôi gian tà dối trá. Cai trị miền xa, bắt đầu từ việc cai trị miền gần trước, tập làm việc thiện từ việc đối xử với những kẻ tả hữu gần gũi với mình. Ngày xưa Ông Long

Quản nghe theo lời tả hữu mà mạng đế vương duy trì lâu dài, có đủ bốn vị phụ tá mà vua Chu Thành vương sửa được sai sót. Mong sắc vua ban chính đôn những bầy tôi thân cận tả hữu của tiên vương, đội mũ trang sức lông chim điều biết lễ nghĩa vua tôi, đông đủ thận trọng, không đùa giỡn kiêu ngạo phóng túng, thì các bầy tôi tả hữu đều vui lòng, quần thần ngưỡng mộ, đồng hóa lưu khắp bốn phương.

Kinh có câu; “Cũng chính là trước phải nghiêm khắc bọn quan thần tả hữu mới được” Chưa từng có bầy tôi thân cận trung chính mà bá quan gian xảo. Trong việc cai trị thiên hạ, chính sách tôn hiền khảo công thì xã hội yên trị, coi nhẹ công lao của bậc hiền tài thì nước sẽ rối loạn. Thành thật mong bề hạ xem xét kỹ thuật trị nhân, vui sướng khi có phước được bậc hiền tài theo về. cùng nhau bàn luận về nhân tài, việc tuyển cử kẻ sĩ, rồi bổ nhiệm chức vụ làm việc. Đánh giá trình độ khả năng thật rõ ràng chính xác, thông qua thành tích thực tế để xác định tài đức từng vị, không nghe theo lời gièm pha vu vạ thì viên quan lại bảo công tu chức ấy không lo bị tổn thương; So với bọn tà nguy thì không được cho là có công, sao cho bọn tiểu nhân ngày càng phong tỏa, bậc tuấn ngải ngày càng hưng long. Chưa có việc thưởng cho công trạng hơn trước, nhiều người hiền bỏ làm quan mà địa phương không an trị được, thần nghe hoàng thiên ra tai dị để cảnh cáo những sai lầm thiếu sót của nhà vua, như người cha răn dạy cảnh giới con mình, Sợ mà cải tổ, thì họa bị phong tỏa mà phước được trời ban cho: thật hết sức giản dị, thì không trừ phạt tội. Kinh có câu: “hưởng dùng ngũ phúc, sợ dùng lục cực”. Đáp lời vua. Thiên tử lấy làm lạ, lệnh triệu Cốc Vĩnh vào gặp vua. Sau đó, các địa phương đều được lệnh chính đôi sách. Cốc Vĩnh nhân đó nói:

“Trước đây thần hân hạnh được điều đối hiệu ứng của tai dị, vạch ra các họa loạn nhất định của nó. Thử trình bày ấy, bệ hạ bỏ xó không nghe theo, không dùng làm phương chính đối sách để thay đổi, ngược lại với sự sợ hãi đại dị xảy ra, mà chỉ chạy theo những vấn đề thông thường không cấp bách, bỏ qua lời cảnh giới cần thiết của ông trời, đem so với những thứ hư văn vô dụng, muốn mặt sát tai dị, vu vạ cho trời, hỏi trời không nổi lỗi đình, trong năm Giáp tị ba lần phát ra bão to, nhổ gốc làm gãy cây cối. Đó là sự sáng tỏ của ông trời không để coi thường được đâu”.

Nhà vua sai quan Thượng thư đến hỏi Cốc Vĩnh là ý muốn nói lên vấn đề gì?

“Thần nghe các bậc đế vương trong thiên hạ những vì có quốc gia sở hữu của mình, họ lo lắng có sự nguy vong ở nhà vua, mà lời lẽ nguy vong không tới tai nhà vua. Nếu khiến lời lẽ nguy vong đến tai nhà vua thì nhất định nhà Thương, nhà Chu không bị họ khác thay thế. Tam chính không biến cải mà thay đổi sử dụng, thì không dẫn tới chuyện nhà Hạ, nhà Thương mất.

Người hành đạo đều biết điều đó, hiển nhiên nếu ông mặt trời vẫn chiếu sáng thì không thể nguy hại gì, vì đại mệnh có bị nghiêng lệch mà không đảo lộn. Kinh Dịch có câu: “Nguy thì có cái làm cho an, mất thì có cái làm bảo tồn”. Thần nghe rằng thời Tam đại sở dĩ bị mất xã tắc, tông miếu bị vùi lấp thấy đều do bọn đàn bà cùng bọn xấu ác say sưa li bì trong men rượu hết ngày này tới ngày nọ. Bậc đế vương phải tự mình làm cho mình tuyệt diệt, thì sau đó trời mới cho tuyệt diệt thật sự. Bậc đế vương lấy dân làm chỗ dựa cơ bản, hết tiền của thì xuống ruộng, mà chờ cho dân hết tiền của (xuống ruộng) thì vua tiêu vong. Thế nên bậc minh vương thích nuôi dưỡng cái cơ bản (dân), không dám

để cho tình hình diễn đến chỗ bất cảm cùng cực, sai biểu dân như con vật tế thần”.

Vào năm đầu niên hiệu Nguyên Duyên, Cốc Vĩnh làm chức Thái thú bắc địa, bấy giờ xảy ra nhiều tai dị. Cốc Vĩnh đang làm quan đương chức ở địa phương đó, nhà vua cử Vệ úy Thuần U Trường đến nhận ý kiến của Cốc Vĩnh. Cốc Vĩnh nói:

“Thần nghe rằng nghĩa thờ vua, có những lời tâu tròn trách nhiệm của bầy tôi tận trung, có những quan Thái thú làm tròn chức vụ. Thần Cốc Vĩnh may mắn không phải một mình tâu tròn trách nhiệm của bầy tôi, không phải một mình quan Thái thú làm tốt chức vụ, đương ra sức làm tròn chức vụ, nuôi dưỡng sự hài lòng cho bách tính mà thôi, không a dua bằng những lời nói được thua. Là viên quan trung trực với vua mình, chí hướng trung thực đôn hậu, dù ở xa vẫn không làm chi trái lời vua dạy bảo, thà chết không để nước mất. Ngày xưa ông Sở Ngư đã chết mà tiếng tôi trung vua không dứt, được khen mãi đến khi đã đầy nắp quan tài; ông Cấp Ẩm thân ở địa phương bên ngoài mà suy nghĩ đến chuyện nội bộ trong triều đình, lo rầu đến quần trí, để lại di ngôn cho Lý Túc. “Kinh” có câu: “Tuy ông ấy đang làm việc ngoài địa phương, mà tâm trí không lúc nào không nhớ đến vương thất”. Thần Cốc Vĩnh hân hạnh được vào ra ba năm chức Cấp sự trung, tuy chinh chiến giữ biên thù, một lòng nghĩ đến hoàng cung, đó là vì dám làm quan tại quận Việt. Trải qua nhiều năm lo âu liên tiếp, thần nghe trời sinh dân ấy không thể cai trị được, triều đình nên lập cho họ một ông vua của họ để cai trị họ. Cai trị một nước không thể không có một thiên tử, chịu nhận đất phong cương vực là vua chư hầu, đều là dân của thiên tử cả. Thực hiện tam thống, giữ vững chế độ tam chính, trừ khử bọn vô đạo, mở lối cho người tài đức, không cát nhất riêng cho một họ nào làm rõ thiên hạ của thiên hạ,

không phải thiên hạ của một người nào. Bậc vương giả cung kính thực hành đạo đức, thừa thuận thiên địa, có lòng nhân thứ rộng lớn, ban ơn đến loài cỏ lau, thu thuế sao cho vừa sức dân đừng vượt quá phép thường, cung thất xe cộ y phục không vượt quá cơ chế, bớt việc thì của cải đủ dùng, nhân dân hòa mục, thì mọi chuyện phát triển trong trật tự. nhân dân sống thọ, cây cỏ tươi tốt vật nuôi mau lớn, trời giáng nhiều điềm lành, để kêu gọi sự bảo hộ. Còn thất đạo vong hạnh, nghịch thiên bạo vật, dục vọng xa xỉ cùng cực, hoang dâm vô độ, nghe lời đàn bà, xua đuổi người hiền đức, xa rời bà con họ hàng, tin dùng toàn bọn tiểu nhân, hình phạt khắc nghiệt, thuế khóa thu nặng thì nhân dân sầu oán, rủ nhau làm loạn hại dân kéo dài, ông trời nổi giận giáng nhiều tai dị, trời trăng lu mờ, 5 ngôi sao không còn di chuyển, núi lở, sông tràn sông suối nổi sóng, hiện nhiều yêu nghiệt, sao chổi rực sáng, nhân dân đói kém, không sống thọ, vạn vật tiêu điều, không cứu vãng được, cái ác tràn lan, không thể phục hồi số mệnh thời có đức.

Phàm trong việc khử ác, cách chức quan lại không tái đề cao bậc hiền tài, là chuyện thường của trời đất, là chỗ giống nhau giữa trăm bậc đế vương. Bậc đế vương khi lâm vào tình trạng suy yếu khó khăn, bị lâm vào tai họa đói kém, họ không tồn dụng mà làm cuộc tự tô điểm lớn, nên rất nguy hiểm. Trong khi ấy bách tính khốn khổ không thể đáp ứng, nên bắt đầu sinh lòng họ sầu bi oán hận. Kinh Thi có câu: “Phàm dân có mắt mắt, giúp đỡ họ phục hồi”. Sách Luận ngữ có câu: “Bá tánh không đủ sống, vua lẽ nào mà đủ được?” Thần nghe rằng nhà vua chủ yếu có thể làm điều thiện mà không có thể làm chuyện xấu, còn bọn bên dưới thì chủ yếu có thể làm chuyện xấu mà không thể làm được việc tốt. Bệ hạ vốn tính tự nhiên, thông minh, hiểu hết mọi sự, nhà vua chủ yếu bận nhiều việc, ít để mắt tới lời tâu của ngu

thần, rất sợ tai dị, quyết tâm làm việc tốt, quên hết nhưng tư tưởng ý muốn gian tà, không để lặp lại những sai lầm cũ, cố gắng làm cho tinh xảo tỉ mỉ việc chính trị, chí thành đáp ứng ý trời, thì tích lũy tai dị bề tắc nơi vua, họa loạn yên dưới, hết họa loạn, còn lo lắng gì nữa? Thần trộm lo sợ công chí của bệ hạ chưa chuyên còn pha lẫn việc tư, còn vương tình cảm với đám bầy tôi, chưa khẳng định mà thôi”. Vua đọc bằng tâm, rất cảm động.

ĐỖ NGHIỆP

Đỗ Nghiệp tự Tử Hạ, gốc người Phồn Dương bản thuộc Ngụy quận. Đỗ Nghiệp mồ côi cha từ nhỏ, mẹ nuôi (kỳ mẫu) tên Trương Sướng. Khi Đỗ Nghiệp thành niên, theo học với người con của mẹ Sướng tên Cát, được tiếng nên được làng thôn cử Hiếu liêm rồi được làm chức Lang. Vào ngày mừng một tháng Giêng niên hiệu Nguyên Thọ nguyên niên, vua bổ nhiệm người cha của Hoàng hậu là Khổng huông hầu Truyền Ấn làm chức Đại tư mã vệ tướng quân, phong cho người cậu của vua là Dương An hầu Dinh Minh làm chức Đại tư mã phiêu kỵ tướng quân. Khi bổ nhiệm thì xảy ra nhật thực, vua ban chiếu mong nghe lời góp ý thẳng thắn của Phương chính. Phù dương hầu Vy Dục tiến cử Đỗ Nghiệp là Phương chính, Đỗ Nghiệp trả lời:

“Thần nghe dương được tôn cao còn âm bị coi thấp. coi thấp là tùy vào cao, tôn cao kiêm cả coi thấp, là đạo trời vậy. Là vì nam giới dù là người nghèo hèn cũng đều là gia dương còn nữ giới tuy sang quý cũng là quốc âm. Cho nên lễ định ra nghĩa tam tông, tuy có cái đức văn mẫu, nhất định cũng bị con cái trói buộc. Ngày xưa vua Trịnh bá theo ý của mẹ là Khương thị cung chịu phong cho em là Thúc Đoạn để về sau Thúc Đoạn làm chuyện phản mình, âm mưu cướp ngôi vua; vua Chu

Tương vương bị cái nạn Huệ hậu trong nội cung phải chạy lánh nạn ở nước Trịnh. Khi nhà Hán lên làm vua, Lữ Thái hậu phong cho bà con bên dòng họ Lữ nhà mình nắm nhiều quyền bính, đưa cháu ngoại làm vua nối cho vua Hiếu Huệ, gây ra nhiều chuyện mờ ám. Bấy giờ người thừa kế không rõ ràng, sớm chiều gây sự biến Đông Lô, không thể kể hết. Thần trộm thấy nền chính trị của bệ hạ không thiên lệch về một bên nào, mọi việc đều tiết kiệm, không hợp lễ thì không làm, thành thật muốn cùng thiên hạ chấn chỉnh. Nhưng điềm lành chưa ứng hiện mà xảy ra điềm xấu như hiện tượng nhật thực, động đất, nhân dân sa vào cờ bạc lừa dối nhau, toàn chuyện kinh khủng. Khảo sát các tai dị thời Xuân thu, dùng chữ tượng hình nên vào thời ấy chỉ được một loại mà thôi. Nhật thực, là cái chính dương bị cái chính âm xâm phạm, quẻ Khôn thừa quẻ Ly, là tượng minh đi vậy. Khôn lấy đất làm pháp, dùng thổ làm mẹ, lấy an tĩnh làm đức. Chấn không hiệu lực với âm. Thần nghe rằng loài chim trĩ giải quẻ được, vua Cao tông thâm động; Bão to thổi qua, vua Chu Thành vương vẫn thản nhiên. Mong bệ hạ giữ chặt lòng tinh thành, lo việc kế thừa cái gốc ban đầu, mọi việc nên tham khảo ngày xưa, tham khảo các việc ngày xưa, luôn dặn lòng mình thì lễ thứ quần sinh không ai không vui lòng, thương để bách thân hết còn nổi giận ra oai, những điềm tốt lành ban báo phước lộc nhất định sẽ xảy ra”.

VƯƠNG GIA

Vương Gia tự Công Trọng, người Bình Lăng. Vào niên hiệu Kiến Bình thứ ba, Đại Bình đương làm chức Thừa tướng. Vương Gia là người cương trực nghiêm nghị rất có oai, được nhà vua rất kính trọng. Khi vua Hán Ai đế mới lên ngôi, muốn điều chỉnh các chính

sách của vua Hán Thành đế, làm biến động rất nhiều. Vương Gia dâng sớ tâu:

“Thần nghe sự thành công của các vị thánh vương tại chỗ được lòng nhân dân. Khổng Tử nói: “Cây gỗ quý, không được nhiều là đương nhiên”. Ngày nay các vị đại phu có tài năng thì quá ít, nên đưa vào bồi dưỡng có thể có thành tựu, thì giới sĩ phu khó có ai không liều chết trong khi làm phận sự vua mình giao cho”. Vương Gia nhân tiện cử các nhà Nho Công Tôn Quang, Mãn Xương đến các viên quan có khả năng Tiêu Hàm, Tiết Tu, đều có danh tiếng, được hưởng mỗi người hai ngàn thạch. Thiên tử nghe theo sử dụng các vị ấy. Bấy giờ, quan Thị trung Đông Hiền được vua yêu quý tin dùng, vua muốn phong tước hầu cho Đông Hiền mà chưa có cơ duyên, truyền Gia khuyên vua nhân chuyện Đông Bình đề phong cho bọn Đông Hiền. Nhà vua nhớ trong bụng, gạt bỏ Tổng Hoảng, trước tiên đều được ban tước Quan nội hầu. Thời gian sau, muốn phong cho nhóm Đông Hiền, nhà vua trong bụng sợ Vương Gia, trước hết nhà vua sai cha của Hoàng hậu là Khổng Hương hầu Truyền Án mang chiếu thư gặp Thừa tướng Ngự sử. Lúc ấy Vương Gia cùng quan Ngự sử đại phu Giả Duyệt tâu vua rằng:

“Chúng thần trộm thấy việc ban tước khởi thủy cho ba vị nhóm Đông Hiền khiến mọi người xì xào, hàm ý cho rằng nhóm Đông Hiền được yêu quý đặc biệt, đến nay vẫn chưa hết tiếng xầm xì ấy, Bệ hạ vì có ý ban ơn cho nhóm Đông Hiền mà thôi. Giả Duyệt đã hỏi trong giới công khanh, đại phu, bác sĩ, nghị lang, khảo cứu tổng hợp cổ kim, làm cho ý nghĩa sáng tỏ rồi sau đó mới gia tước. Nếu không như thế, ngại sẽ bị mất lòng nhiều người, làm đầu đề bàn tán trong cả nước. Chúng thần Vương Gia, Giả Duyệt kém tài không xứng chức, dù chết vẫn chưa hết tội. Biết thuận trời thì

không ngang trái, thì có thể được yên thân một khoản thời gian. Không dám liều lĩnh làm trái ý trời là vì nghĩ đến chuyện ân báo hậu ân vậy”. Nhà vua nghe theo cho ngưng. Mấy tháng sau mới hạ chiếu phong cho nhóm Đồng Hiền. Mấy tháng sau đó, xảy ra nhật thực, ban chiếu cần nghe lời nói thẳng. Vương Gia lại làm tờ tâu, rằng:

“Thần nghe rằng ông Cao Dao răn vua Thuấn rằng: “Vong ngao diệt dục hữu quốc, cạnh cạnh nghiệp nghiệp, nhất nhật nhị nhật vạn cơ”. Ông Cơ tử răn vua Chu Vũ vương rằng: “Thần vô hữu tác uy tác phúc, vong hữu ngọc thực; hại ư nhi gia, hung ư nhi quốc, nhân dụng trắc pha tích, dân dụng tiếm nặc”. Nói như thế thì trái ngược với trật tự tôn ti, rối loạn hệ thống âm dương, hại đến vương giả, cực nguy cho đất nước.

Nhân dân bị ngã nghiêng không đường hướng chính đáng nên mạo dùng bất nhất, vua ấy không có pháp độ, trên dưới lộn xộn mất thứ tự. Vua Chu Vũ vương cung kính đi theo con đường ấy, hưng thịnh đến hai đời vua nối tiếp là Chu Thành vương và Chu Khang vương. Từ đó về sau, thì trong lòng muốn gì làm nấy phóng túng theo sự ham muốn, pháp độ thì chuyển biến chậm chạp, đến nỗi bày tôi giết vua mình, con giết cha mình, tình chí thân cha con, mất lễ thì nảy sinh xáo trộn, hướng chỉ những bày tôi khác họ? Thần Vương Gia may được vua ban cho một chức vị, trộm cảm thấy bị thương trong lòng là không có khả năng thông được chữ tín ngu trung, dù phải chết đi mà còn có lợi cho nước thì cũng không dám tiếc, chỉ một mình bệ hạ cần thận tìm hiểu mọi người. Trước đây nhóm bày tôi được ưu ái là bọn Đặng Thông, Hàn Yên, Kiều Quý hết thời, tham dự buông thả không chán, tiểu nhân không biết thắng tình thế, nên dễ bị rơi vào việc phạm tội. Nước loạn thân vong, chẳng còn lộc để hưởng, đó gọi là cái gì cũng ham

thì chỉ có hại mà thôi. Nên đọc kỹ các bài học thời trước để tiết chế tình cảm mà bảo toàn vận mệnh của mình”. Bấy giờ nhà vua ngủ chưa thức dậy nên không nói gì, mà lại càng sủng ái bọn Đông Hiền, không thể tự thắng. Ban đầu, quan Đình úy Lương Tương cùng với Thừa tướng Trương Sở, Ngự sử Trung thừa và các vị quan to những vị được hưởng hai ngàn thạch lúa đã xử bậy, cho hạ ngục Đông Bình vương Vân. Bấy giờ chưa qua 2 tuần (tức hưa qua ngày 20 tháng 12 mùa đông, trong bụng Đình úy Lương Tương ngờ là Đông Bình vương Vân bị oan, quan coi ngục có bảng tâu thôi thúc các công khanh ở Trường An xử lại. Quan Thượng thư lệnh Cúc Đàm, quan Bộc Xạ Tông Bá Phượng nhận được bảng tâu ấy có hứa sẽ xử lại. Thiên tử nghe lời bọn Lương Tương thấy đều có vấn đề, trong ngoài hai ý, nhà vua ban chiếu miễn tội, chỉ đày bọn họ làm dân thường. Rồi mấy tháng sau ban chiếu đại xá, Vương Gia cho rằng nhóm Lương Tương xử như vậy là đúng, ông dâng sớ tâu rằng:

“Lương Tương mưu kế sâu hiểm, Cúc Đàm thì khá nho nhã văn học, Tông Bá Phượng tu học hiểu rõ kinh sách, các bậc thánh vương đều có kế sách loại trừ sai lầm, thần trộm cho rằng triều đình nên thưởng công cho ba vị ấy”.

Đọc thư nhà vua không nói gì, hơn hai mươi ngày sau, Vương Gia dâng bảng tâu đề nghị phong cho Đông Hiền chức Hộ sự, nhà vua nổi giận, cho triệu Vương Gia, hạ chỉ sai quan Thượng thư trách vấn:

“Bọn Trương Tương trước đây khi còn tại vị đã không dốc lòng trung thành, dựa vào chư hầu bên ngoài, bất nghĩa ăn ở hai lòng, quay lưng với người cũ. Ngày nay cho rằng bọn Trương Tương có tài đức, đủ dùng mưu kế của Trương Tương để chuộc tội. Nhà vua

lấy đạo đức, lấy địa vị Tam công, làm phương lược tổng thể để thống nhất vạn loại phân rõ thiện ác bổ từng chức vụ, biết trị tội ác của bọn Trương Tương bị phơi bày cho thiên hạ ai cũng biết, thì phải tự kiểm điểm ngay chứ. Ngày nay mà còn đòi khen thưởng bọn Trương Tương, thì triều đình càng sinh lòng tiếc thương Đông Bình vương Vân. Làm quan đại thần phải rèn dũa bách quan, sao lại làm cho mê hoặc đất nước coi thường vua mình, gần thì bắt đầu từ vua, còn xa thì ai?

Vương Gia gỡ mũ tạ tội, quan Quang lộc đại phu Không Quang, quan Tả tướng quân Công Tôn Lộc, quan Hữu tướng quân Vương An, quan có huân chương Quang lộc huân Mã Cung, quan Quang lộc đại phu Cung Thắng phê phán Vương Gia là bất đạo, tội mê hoặc nước, lừa dối vua, xin giao cho quan Đình úy trị tội. riêng chỉ một mình Cung Thắng đề cử Vương Gia làm Tể tướng, nên mọi chuyện bị bỏ qua. Lỗi phát sinh từ Vương Gia. Vương Gia tiến cử bọn Trương Tương, là sai, là bất đạo vì coi thường vua mình, mê hoặc nước mình, sợ không có thể chỉ thị cho thiên hạ. Liền bị bọn Không Quang tâu hạch Vương Gia. Vua lại ban chiếu chỉ thị cho quan Đình úy bắt giam Thừa tướng. Sứ giả đã đến phủ Thừa tướng, thấy quan lại khóc lóc, bưng bát thuốc đưa cho Vương Gia, mà Vương Gia không chịu uống. Viên Chủ bạ nói:

“Tướng quân không thể giải bày nỗi oan khuất, nên mới nảy sinh việc này, quân hầu nên dẫn quyết”.

Sứ giả ngồi lì nơi cổng phủ Thừa tướng, quan Chủ bạ lại tiến lên đưa bát thuốc, Vương Gia hất bát thuốc xuống đất, nói với thuộc cấp rằng:

“Chức Thừa tướng được xếp vào hàng Tam công (ba quan đầu triều), phụng chức phụ quốc, đương phục hình đô thị để chỉ thị cho vạn dân chúng. Thừa tướng há như nhi nữ, mà bắt uống thuốc để chết?

Vương Gia bèn xuất hiện, gặp sứ giả làm lễ thụ chiếu, cưỡi ngời xe con của quan lại, không đội mũ ra đi, theo sứ giả đến phủ Đình úy. Đình úy nhận Thừa tướng Vương Gia, cùng chiếc ấn Tân phủ hầu, bắt trói Vương Gia cho giam vào ngục. Nhà vua nghe Vương Gia làm vậy thì rất giận, sai tù trưởng quân trở xuống, sai các quan từ năm ngàn thạch xuống hai ngàn thạch tra vấn Vương Gia.

Vương Gia trả lời: “việc làm án nên theo đúng sự thực. Ta trộm thấy giống với vụ tù tội của Đông Bình vương, không là Vân thì không đáng phải bị chết; bố trí ngựa trạm chở tù nhân, thế không qua được mùa đông, chắc không thấy, ta trộm vì nước mà tiếc cho người. hiên tài ngày nay không có ai ngoài ba người ấy”.

Quan coi ngục nói: “Nếu như thế thì sao vua lại khép tội? do vì phản quốc, không bị nhốt tù sao được”.

Quan ngục cho tra khảo đánh đập làm nhục Vương Gia, Vương Gia ngửng mặt nhìn trời than rằng: “May được cho làm Tể tướng, không có khả năng tiến cử bậc hiền tài, thoái thì nhục, là phụ ơn nhà nước, chết cũng chưa hết tội”. Viên quan coi ngục hỏi ai là người hiền, Vương Gia nói: “Người hiền tài có Thừa tướng Không Quang, Đại tư không Hà Vũ, không thể tiến được. Kẻ ác, có cha con Cao An hầu Đổng Hiền, nịnh tà làm rối loạn triều đình, chưa biết bao giờ bị cho lui. Tội chúng đáng chết, chết không có hận”.

Vương Gia bị nhốt tù hơn hai mươi ngày, bỏ ăn uống, thổ huyết mà chết. Vương Gia làm tướng ba năm, quốc gia được sửa sang. Sau khi qua đời, nhà vua xem qua biên bản hỏi đáp mà suy nghĩ, phục hồi Không Quang làm Tể tướng thay chỗ của Vương Gia, bổ nhiệm Hà Vũ làm chức Ngự sử đại phu. Vào niên hiệu Nguyên Thủy thứ tư, chiếu thư truy lục công thần, phong Vương

Gia tử Sùng vì Tân Phủ hầu, truy ban tên thụy cho Vương Gia vì “Trung hầu”. Táng viết: “Ôi! Vương Gia đi xa rồi”. Nên nói: “theo đời thì phế đạo, trái lệ tục thì lâm nguy”. Chính vì thế mà người xưa ít chịu nhận tước vị vậy.

Các nhà Nho xưa kia, kiến thức văn chương bác học “lục nghệ”, là các nhà “lục nghệ”, nắm vững điển tịch nền vương giáo, hiểu rõ thiên đạo của tiên thánh, mỗi nhân luân chân chính, đến các thành pháp của nền chính trị. Khi đạo nhà Chu suy tàn, thời hai vua Chu U vương, Chu Lệ vương lễ nhạc bị hủy hoại, các chư hầu nổi ra những cuộc chinh phạt lẫn nhau. Sự suy yếu kéo dài hơn 200 năm, thì xuất hiện đức Khổng Tử làm cho Lễ Nhạc hưng vượng, phán quyết thánh đức cho đúng thời; thì biết lời nói không dùng được nên đạo không được thi hành.

Khổng Tử bèn than rằng:

“Chim phượng hoàng không bay đến, rùa xuất đồ không hiện trên sông Hà, ta biết dựa vào đâu chứ! Vua Văn vương đã qua đời từ lâu, thì hỏi sao văn không tùy thuộc vào chuyện ấy?”.

Khổng Tử được các vua chư hầu mời đón, nên đi đáp lễ bàn chuyện chính trị với họ. Phía tây Khổng Tử đến nước Chu, phía nam đến nước Sở, bị nạn ở nước Trần cùng bảy mươi học trò. Ông thích nghe nhạc “Thiệu” ba tháng không biết hương vị thịt động vật, rồi từ nước Vệ Ngài dẫn môn đệ trở về nước Lỗ, sau đó Ngài chỉnh lý Kinh Nhạc, hiệu khảo các thiên “Nhã”, “Tụng” trong Kinh Thi đều đến độ hoàn chỉnh. Ngài nghiên cứu khảo sát các tư liệu cổ kim, rồi tán tụng:

“Vĩ đại thay! Đế Nghiêu xứng đáng là một vị vua, chỉ có ông trời vĩ đại, chỉ có Đế Nghiêu thay được ông trời. Thành tựu nguy nga thay, nhờ tôi luyện mà có văn chương”.

Ngài còn nói: “Khảo sát hai thời nhà Chu, văn học phồn thịnh thay, ta theo nhà Chu”.

Rồi Ngài viết Lời Tựa cho sách Kinh Thư, bỏ phần “Nghieu điển”, ca tụng Kinh Nhạc thì theo pháp “Thiền Vũ”, luận về Kinh Thi thì giữ “Chu Nam”. Nổi với lễ nhà Chu vì kinh “Xuân thu”, ghi chép công việc mười hai đời vua nước Lỗ, kết dây thừng thành chữ ghi chép đạo của vua Văn, vua Vũ, thành một vương pháp, đến khi thu hoạch được từ dấu chân của con kỳ lân, thì mới hiểu được kinh Dịch, mà viết thành “truyện” là những truyện cận thánh, để hình thành nên nền giáo hóa của tiên vương, cho nên mới bảo là: “Thuật mà không sáng tác”

Hoảng làm chức học quan, đau lòng thấy đạo Nho bị uất trệ, bèn xin có ý kiến rằng:

“Lời nói của quan Thừa tướng, quan Ngự sử, ngăn vua bảo: ‘Người ta cho rằng lấy lễ dạy dân, giáo hóa thuần phong mỹ tục thì dùng nhạc. Hôn nhân tức là đại luân của một gia đình. Ngày nay lễ nhạc bị bỏ phế, ngày càng suy đồi, trăm rất lo lắng cho nên mỗi buổi sáng sớm trăm muốn nghe bậc sĩ danh tiếng trong thiên hạ bàn chuyện cai trị thiên hạ. trước hơn hết ra lệnh cho quan bộ Lễ tổ chức khuyến học, giảng nghĩa hiệp văn, ra sức hưng lễ, tôn vinh đề cao việc giáo hóa nơi hương lý, để khích lệ nhân tài”.

Nói: “Nghe rằng đạo ở thời Tam đại, nơi hương lý có nền giáo hóa, thời nhà Hạ gọi là hiệu, thời nhà Ân gọi là tường, thời nhà Chu gọi là tự. Việc khuyến thiện, là chuyện của triều đình; việc trừng ác, dùng hình phạt. Cho nên nền giáo hóa được thực thi, xây dựng việc thiện bắt đầu từ kinh sư, từ trong ra ngoài”. Nay bệ hạ khuyến khích đức hạnh, mở ra nên đại minh, phối hợp với trời đất, lấy bản luân làm cơ bản, khuyến học hưng

lễ, tôn sùng giáo hóa khích lệ hiền tài để phong hóa bốn phương, là nguồn gốc của nền thái bình vậy”.

Vua bảo: “Nên”. Từ đó về sau, các quan công khanh đại phu vui vẻ tham gia văn học.

THÂN CÔNG

Thân công, người nước Lỗ. Yết kiến nhà vua, nhà vua hỏi về việc trị loạn, bấy giờ Thân công đã hơn 80 tuổi trả lời vua rằng: “Nước yên trị không vì nói nhiều, cố lực hành động còn gì hơn?”

NGHIÊM BÀNH TỔ

Nghiêm Bành Tổ, tự Công Tử, người Đông Hải Hạ Bì. Bành Tổ là Bác sĩ triều vua Hán Tuyên đế, làm Thái thú quận Hà Nam, rồi được tuyển vào chức Tả Phùng Dục, chuyển qua làm chức Thái tử thái truyền. Ông là người thanh liêm ngay thẳng không hòa theo giới quyền quý.

Có người nói: “Thiên thời không thắng người làm. Làm vua vì không tu sửa, lễ bạc, ý quanh co, bỏ người quý nhân bên cạnh trợ giúp. Nguyên tự mình cố gắng hơn”.

Nghiêm Bành Tổ nói:

“Phàm người thông kinh thuật, nên hành đạo của tiên vương, còn quanh co cầu cạnh làm gì?” Nghiêm Bành Tổ làm chức Thái truyền mãi đến khi về nghỉ.

TUẦN LẠI TRUYỆN

HOÀNG BÁ

Hoàng Bá tự Thứ Công, người huyện Dương Hạ quận Hoài Dương, được làng thôn đề cử Hiếu liêm, được bổ làm chức Quân thủ trưởng quận Hà Đông, được khảo sát lần nữa rồi được bổ nhiệm chức quan phụ tá cho quan Thái thú quận Hà Nam. Hoàng Bá là người sáng suốt tài giỏi, lại có trình độ văn học, nên là người ôn lương chừng mực, biết kính trọng người khác, đa mưu túc trí có tài cai trị, làm chức phụ tá quan đầu quận nên làm việc theo luật pháp, phù hợp nhân tâm, được quan Thái thú rất tín nhiệm, tin tưởng, được các quan và nhân dân trong quận yêu mến. Bấy giờ, nhà vua cai trị nhân dân theo ý riêng của mình, vua ra nhiều chiếu thư ban ơn, các quan dưới quyền không chấp hành báo ra. Quan Thái thú sai Hoàng Bá tổ chức tuyển chọn quan lại tốt, chia ra tổ chức tuyên bố lệnh chiếu thư của vua, để cho nhân dân biết ý của nhà vua, khiến quan nhà trạm nơi làng thôn đều nuôi dưỡng heo gà, để giúp đỡ những người quan quản cô đơn nghèo khó, rồi sau đó làm việc giáo hóa, ban bố khắp trong dân gian, với ý khuyên làm việc thiện, đề phòng gian tà, cho đến chuyện cày cấy lúa, trồng dâu nuôi tằm, tiết kiệm trong sinh hoạt, chăm lo trông tọt nuôi dưỡng gia súc gia cầm, kể cả lúa cho ngựa ăn no, lúa muối trữ thật đầy đủ, sao cho không còn bị chạy lo từng bữa, nhưng tinh lực của Hoàng Bá có khả năng đốc thúc làm tốt. Quan dân thấy vậy, đến hỏi ông có cách riêng đặc biệt gì, để cùng tham khảo. Thường mong có sở tư sát, chọn người thanh liêm cao tuổi nhất đứng ra điều khiển thực hành, Hôm sau viên quan tìm đến ra mắt Hoàng Bá, Hoàng Bá thấy nghinh tiếp vất vả, nói rằng:

“Khô cực quá! Ăn bên cạnh đường là làm con chim quạ mổ trộm thịt”.

Viên quan hoảng kinh, thấy Hoàng Bá biết rõ

chuyện của mình từng chút rất chi li không dám che giấu. Những người quan quả cô độc chết đi có đất chôn, Hoàng Bá khu xử cẩn thận đầy đủ, cây to đều có thể làm cái quách, con heo con nào đó có thể dùng để cúng tế, quan lại đến đều như ông nói. Ông thông minh rành chuyện như thế thì những quan dân không biết nguồn gốc phát xuất, cho là chuyện thần minh. Kẻ gian không dám mò vào quận này, trộm cắp ít dần. Hoàng Bá ra sức giáo hóa, trước khi áp dụng hình phạt, chú trọng kết quả an toàn cho quan trường. Lão ông Hứa Thừa bị chứng điếc, quan Đốc bưu bảo muốn cho nghỉ việc, Hoàng Bá nói:

“Hứa Thừa là ông quan thanh liêm, tuy đã cao tuổi, nhưng còn có khả năng công tác, đang hồi phục trở lại, sao lại cho nghỉ việc? Vả lại, giúp ông ta hơn là mất một người tài đức”.

Có người hỏi nguyên do, Hoàng Bá nói: “Có nhiều vị quan trường lãng phí trong việc tống cổ nghinh tân cũng như bọn quan lại gian tà, làm hao phí nhiều lần lộn công tư, đều đáng bị đuổi cổ về vườn làm dân, tuy nhiên quan mới chưa chắc là người tài đức, hoặc không được như người cũ, có mà loạn. Phàm trong đạo cai trị đó là việc đáng trách nhất”. Từ khi nhà Hán hưng thịnh, nói về việc sử dụng quan thì Hoàng Bá chiếm vị trí hạng nhất.

CHU ÁP

Chu Áp tự Trọng Khanh, người huyện Thư quận Lô Giang. Thời thiếu niên làm thư đồng cho Hương tường phu, Chu Áp là người liêm chính, công bằng không gây chuyện khác nghịệt với dân, không vì háo lợi, chưa từng làm khó một người nào, thường thăm hỏi người cô quả, các vị kỳ lão, hay làm ơn cho người có duyên tao ngộ, nên được nhân dân yêu quý kính trọng.

Chu Ấp được chuyển là Thái thú quận Tốt Sử, tại đây ông cử người hiền lương, được vua bổ nhiệm làm chức phụ tá quan Đại tư nông, rồi được chuyển làm Thái thú quận Bắc Hải, Ở đó ông nổi tiếng là ông quan làm Đại tư nông hàng đầu. Chu Ấp là người thuần nhân hậu, dốc lòng với những người cố cựu, nhưng tính công chính, không vì việc giao tế lấy làm riêng tư. Vua ái mộ, triều đình kính phục. Thân phận có địa vị như một bậc công khanh, mà cư xử khiêm tốn tiết kiệm, bổng lộc được hưởng đều chia cho họ hàng cử tộc và bà con chòm xóm. Ban sơ, bị bệnh nghẹn hơi rồi qua đời., bảo người con rằng: “Ta vốn làm một chức lại ở đồng hương, dân yêu mến ta, thì nên chôn ta ở đồng hương. Con cháu đời sau sẽ thờ phụng ta, không như dân Đồng hương”.

Khi Chu Ấp qua đời, người con chôn cha mình tại phía tây bờ thành ngoài thành Đồng hương; quả dân ở đó dựng đền thờ, hàng năm đều làm lễ cúng tế, đến nay vẫn còn.

CUNG TOẠI

Cung Toại tự Thiếu Khanh, người huyện Nam Bình quận Sơn Dương, đỗ kỳ thi Minh Kinh được bổ làm quan. Vua Hán Tuyên đế tức vị. Chẳng bao lâu sau hai bên quận Bột Hải lâm nạn đói, trộm cướp nổi lên, các ông quan lãnh bổng lộc hai ngàn thạch không dẹp được. Nhà vua cho tuyển người có năng lực dẹp loạn. Quan Thừa tướng, quan Ngự sử tiến cử Cung Toại làm được, vua liền phong cho Cung Toại chức Thái thú Bột Hải. Bấy giờ, Cung Toại tuổi đã quá bảy mươi. Khi Cung Toại vào ra mắt vua, từ xa, vua thấy Cung Toại dáng người thấp nhỏ, trong bụng coi thường, Vua hỏi Cung Toại:

“Bột Hải phê loạn, trăm rất lấy làm lo nghĩ. Muốn

ông làm cách nào dẹp yên trộm cướp, là vừa ý của trẫm?”.

Cung Toại thưa: “Chốn duyên hải xa xôi, dân ở đó chưa được thấm nhuần thánh hóa, dân ở đó đói cơm khổ khổ chịu cảnh cơ hàn mà quan lại không thương dân, còn xúi giục đám con đồ của bệ hạ nổi lên quậy phá bệ hạ nơi Hoàng trì. Nay muốn sai bảo thần đánh họ, đem lại bình an phải chăng? Nhà vua nghe Cung Toại nói rất hài lòng, Vua nói: “Tuyển dụng hiền lương, vì muốn có người dẹp loạn”.

Cung Toại nói: “Thần nghe rằng trị dân làm loạn từ nơi sửa đổi chính sách cho hợp lòng dân, không thể vội làm mà nên được. Chỉ cách làm từ từ, thì sau mới an dân được. Thần mong các quan Thừa tướng, Ngự sử đừng lấy văn pháp để bó buộc thần, mà để thần được tự do thoải mái làm việc”.

Nhà vua hứa được, thưởng vàng ròng. Cung Toại thấy tục người nước Tề xa xỉ, ưa chuyện văn nghệ, không siêng năng việc nông tang, bèn khuyên dân nên cần kiệm, chăm việc nông tang. Mùa xuân mùa hạ phải tập trung cày cấy gieo trồng, đến mùa thu, mùa đông tổ chức thu hoạch lưu trữ các loại củ ấu củ sừng. Lao động xoay vần theo mùa vụ nông nghiệp, kho đụn của quận súc tích đầy đủ, quan dân đều khá giả, hết chuyện kiện tụng nhau. Nhà vua rất quý trọng Cung Toại, Cung Toại làm quan cho đến khi qua đời.

KHỐC LẠI TRUYỆN

Đức Không Tử có câu: “Dẫn dắt dùng chính sách, hàng phục dùng hình phạt, dân tránh khỏi tội nhưng không liêm sĩ; dẫn dắt dùng đức, hàng phục dùng lễ, dân vừa có liêm sĩ vừa chuẩn mực”. Ông họ Lão khen: “Đức ở trên không mất ấy là có đức; đức ở dưới không mất, ấy là vô đức. Pháp lệnh chương sách, làm đạo tắc thêm nhiều” Lời nói cần người nghe tín tưởng! Pháp lệnh là công cụ để cai trị nhưng không thể cho biết nguồn gốc trong đục. Ngày xưa cương thường của thiên hạ được giữ nghiêm mật, nhưng bọn gian nổi lên ngày một nhiều, đến khi cao nhất thì trên dưới nhường nhau không để gây chấn động đột ngột. Thời bấy giờ, quan lại làm việc như làm chuyện tưới nước sôi để dập ngọn lửa đang cháy bùng, chẳng nên hiệu quả gì, cái ác có thể thắng? Người nói đạo đức, bị chìm ngập trong chức vụ. Cho nên nói: “Nhận xét ta do nhân dân, tất nhiên chẳng chính xác bao nhiêu! Người tối tăm dốt nát nghe người ta giảng về đạo thì cười lớn”. Nói vậy cũng có lý.

Thời kỳ nhà Hán hưng thịnh, bỏ vuông mà theo tròn, bỏ những chạm trở tinh xảo mà ưa ngang ngay sỗ thẳng đơn giản, cho rằng lưới lỗ to cũng để lọt cá lớn, không phải kẻ gian, lê dân hết yên lành. Từ đó cho thấy, tại ở cái đức, lễ không phải cái hình phạt, chương sách mà được.

NGHIÊM DIÊN NIÊN

Nghiêm Diên Niên tự Thứ Khanh, người huyện Hạ Bì quận Đông Hải. Nghiêm Diên Niên là người thấp lùn nhưng tinh tế và mạnh mẽ, rất nhạy bén trong công việc tuy hai học trò của Đức Không tử là Tử Cống,

Nhiễm Hữu nổi tiếng giỏi nghề chính trị, cũng không giỏi hơn Nghiêm Diên Niên. Ông làm quan trung thực tận tiết với vua mình, tình cảm sâu nặng như tình anh em cùng chung cốt nhục, thân thiết như bà con đồng hương, không kể nguồn gốc xuất thân.

Ban sơ, mẹ của Nghiêm Diên Niên từ Đông Hải đến, muốn theo con Nghiêm Duyên Niên làm lễ chạp, nhưng khi đến Lạc Dương, chợt thấy báo tù. Bà mẹ Nghiêm Diên Niên hoảng sợ, bèn ghé nhà khách, không chịu vào công phủ. Nghiêm Diên Niên liền đến nhà khách thăm mẹ, bà mẹ đóng cửa không cho gặp mặt. Nghiêm Diên Niên gõ mũ quỳ lạy dưới lầu. Rất lâu sau bà mẹ mới cho vào gặp.

Bà quả trách Nghiêm Diên Niên:

“Con may mắn được cho làm chức Quận thú, làm chủ cả ngàn dặm mà không ra sức lấy lòng nhân ái giáo hóa nhân dân mà chỉ toàn làm chuyện ngu dân, dùng nhiều hình phạt giết người, muốn làm oai sao không làm những việc chứng tỏ mình là cha mẹ dân?”.

Nghiêm Diên Niên cúi đầu xin chịu tội, cảm ơn lời mẹ dạy, rồi đưa mẹ về phủ Thái thú. Bà mẹ dự lễ cúng chạp ông bà xong bảo Nghiêm Duyên Niên rằng:

“Đạo trời thần minh, không nên giết người. Ta già rồi, không muốn thấy cảnh người ta còn trẻ trai tráng tử mà phải bị tội tử hình! Nên cho họ khỏi chết mà bắt buộc họ lao động như tảo mộ chẳng hạn”

Rồi trở về quận kể chuyện cho người em họ của Nghiêm Diên Niên. Hơn một năm sau, quả nhiên thất bại. Người Đông Hải không ai hiền đức như bà mẹ của Nghiêm Diên Niên.

TRUYỆN HÓA THỰC

Quan ở trên dân thì dùng đạo đức, dùng lễ để cai trị thì nhân dân đều có sĩ diện và đều tôn kính quan trên. Thời Tam đại sở dĩ trực đạo mà làm, đại khái cai trị không nghiêm chỉnh. Ông Tần Dương dùng việc làm ruộng mà ổn định được một châu, ông Ông Bá dùng nghề buôn bán mà làm nghiêng đảo huyện ấp, bà Trương thị làm nghề bán tương giàu có dư giả, bà Chất thị làm nghề chữa sách mà ổn định đời sống, Bà Trọc thị làm nem mà đông khách hàng, Ông Trương Lý có tài chữa bệnh cho ngựa mà được cho làm việc đánh chuông. Họ đều làm những công việc ngoài pháp chế nhà nước. Nhưng thường xuyên giữ sự nghiệp, tích lũy lợi nhuận làm ra được, dần dần tạo được sự khởi nghiệp ổn định lâu dài, nói chi đến tính toán cân nhắc của những người có nghề nghiệp,

Lớp trên tranh nhau cái lợi vương giả, lớp dưới lo sự nghiệp cai trị nhân dân, đều là kiếm hãm cái xấu, không để sa vào nếp xa xỉ, lẩn hiếp.

TRUYỆN DU HIẾP

Đức Khổng Tử bảo: “Thiên hạ hữu đạo, chính bất tại đại phu”. Các quan có cơ quan để phụng pháp thừa lệnh, để tu rèn chức nghiệp, làm không được việc theo chức phận thì bị phạt, bị truất, thậm chí bị giết. phù nhiên, cho nên trên dưới cùng thuận hòa phối hợp trong công việc mà xử lý vậy.

LÂU HỘ

Lâu Hộ tự Quân Khanh, người nước Tề. Cha là một vị thầy thuốc, nên từ nhỏ Lâu Hộ thiếu theo cha làm nghề thuốc ở kinh đô Trường An, được giao thiệp với

giới hoàng thân quốc thích quý tộc. Lâu Hộ học thông y kinh, ghi chép các phương thuật đến mấy vạn chữ, được giới trưởng giả yêu mến kính trọng.

Nhiều người bảo rằng: “Với tài năng của ông, sao không theo sở học làm quan?”

Do vậy, Lâu Hộ từ bỏ nghề thuốc từ già người ta theo học kinh truyện, rồi làm chức Kinh triệu doãn mấy năm, rất có tiếng thơm. Ban đầu, Lâu Hộ có người quen thân lâu năm là Lã công, không có con, Lưu Hộ chơi thân với Lã công, người vợ Lã công thường ăn chung với hai người. Đến khi Lưu Hộ có nhà ở, vợ con Lưu Hộ không thích Lã công. Lưu Hộ biết được khóc trách người vợ nói: “Lã công là bạn cố cựu, già muốn nương nhờ ta, ta phải phụng dưỡng vì tình nghĩa”. Rồi phụng dưỡng Lã công đến cuối đời.

TRUYỆN NINH HẠNH

THẠCH HIỂN

Thạch Hiển tự Quân Phòng, người Tế Nam. Thời nhỏ tọa pháp hủ hình, làm chức Trung hoàng môn, rồi được tuyển làm Trung thượng thư. Thạch Hiển là người trí xảo, có tài đoán trước được ý vua, nội thâm tặc, mưu mô quỷ quyết biện luận hạ gục người ta, ngỗ ngược dòm ngó nói xấu người khác. Trong niên hiệu Sơ Nguyên, Tiền tướng quân Tiêu Vọng Chi cùng Quang lộc đại phu Châu Kham, Tông chính Lưu Canh Sinh đều là Cấp sự trung, Tiêu Vọng Chi lĩnh chức Thượng thư sự, biết Thạch Hiển chuyên quyền làm chuyêngian tà dối vua, đến gặp vua tâu rằng:

“Chức Thượng thư là nền móng của bách quan, là quan điều khiển cả guồng máy đất nước, nên bổ nhiệm người thông minh công chính làm việc ấy. Vua Hán Vũ

để cho mở tiệc nơi hậu đình, sử dụng kẻ bị thiến. Không có trong cổ chế, nên bỏ chức Trung thư của hoạn quan”.

Vua Hán Nguyên đế không nghe theo lời khuyên can ấy, mà làm theo xúi dục ủa Thạch Hiễn, nên về sau mọi chuyện đều tai hại, Tiêu Vọng Chi tự sát, còn Châu Kham, Lưu Canh Sinh bị bắt giam tù cấm cố, không được sử dụng trở lại. Ban đầu Thạch Hiễn nghe tiếng một danh Nho nổi tiếng, Thạch Hiễn sợ học sĩ trong thiên hạ chê cười mình, nên đổ bệnh. Bấy giờ, tiết sĩ minh kinh Cống Võ người Lang Da làm chức Giám đại phu, Thạch Hiễn sai người dò nghe ông ấy động tĩnh ra sao về vụ này, trong bụng có ý lập phe nhóm với người này. Thạch Hiễn thừa dịp tâu vua tiến cử Cống Võ với vua, được ngồi trong hàng cửu khanh, đến Ngự sử đại phu, làm lễ phong rất rầm rộ chu đáo. Khách dự lễ đều ca tụng Thạch Hiễn, không nói gì đến tội tiềm vọng. Hiễn tự bày cách biến trá.

Vua Hán Nguyên đế già sinh tật, định cho Đào cung vương được mình sủng nãi ngôi, nhưng Thạch Hiễn ủng hộ Thái tử đang có thế lực. Vua Hán Nguyên đế qua đời, Vua Hán Thành đế tức vị, chuyển Thạch Hiễn làm chức Trường tín trung Thái bộc, được hưởng hai ngàn thạch. Thạch Hiễn mất chỗ dựa, rời khỏi quyền lực nơi cũ mấy tháng, quan Thừa tướng cùng quan Ngự sử tâu những việc xấu ác trước kia của Thạch Hiễn, nên bị cách hết chức quan. Thạch Hiễn cùng vợ con về quê, buồn rầu không ăn uống được, lâm bệnh qua đời. Các người tiến cử Thạch Hiễn làm quan đều bị bãi chức.

TRUYỆN NGOẠI THÍCH

Nhà Hạ hưng từ Đồ sơn, mà vua Kiệt làm mất đi vì nạp dụng nàng Mạt Hỉ; Nhà Ân hưng từ Hữu

Nhưng đến Hữu li thì vua Trụ làm mất nước vì nạp dụng nàng Đát Kỷ; nhà Chu hưng, rồi nạp dụng nàng Khương Nguyên cũng như nạp dụng các nàng Thái Nhiễm, Thái Tự, mà vua Chu U vương mê nàng Bao Tự để mất nước. Cho nên Kinh Dịch lấy càn khôn làm nền, Kinh Thi” dùng thiên quan thư làm đầu, Kinh Thư Mỹ ly giảng, kinh “Xuân Thu” ky bất thân nghinh.

Phàm việc đối xử với phụ nữ được cho là đại luân của đạo đức con người. Chỗ dụng của lễ, chỉ trong hôn nhân là sát sao nhất. Phàm âm nhạc điều hòa bốn mùa, điều hòa sự biến động âm dương, thống nhất của vạn vật, không cần thận sao được? Đức Khổng Tử ít nói về mệnh, vì khó biết được mệnh, không thể thông hiểu hết chỗ của côi u minh, làm sao biết rõ tính mệnh chứ?

BAN TIỆP DƯ HIẾU THÀNH

Bà Tiệp Dư Hiếu Thành họ Ban được tuyển vào hậu cung khi vua vừa lên ngôi. Ban đầu là Thiếu sử, chưa bao lâu lên Đại hạnh, rồi Tiệp dư. Vua Hán Thành đế đi dạo chơi nơi hậu đình, thường muốn cùng Ban Tiệp ngồi chung một ghế trong xe, Ban Tiệp dư từ chối nói:

“Thấy trong tranh vẽ ngày xưa, các vua hiền thánh đều có các vị danh thần bên cạnh, các vua cuối thời Tam đại mới yêu thương hạng đàn bà hèn hạ, đưa họ lên địa vị cao sang. Nay thiếp sao có thể đồng bối với bề hạ, được chứ? “.

Nhà vua khen câu nói này. Thái hậu nghe được thì vui lắm, nói: “Ngày xưa có Phàn Cơ, ngày nay có Ban Tiệp dư”.

Tiếp dư đọc Kinh Thi đến các thiên thơ “Yêu điệu” “Đức tượng” “Nữ sư” nên mỗi lần dâng sớ lên vua,

thì làm đúng theo cổ lễ. Vào niên hiệu Hồng Gia thứ ba, Triệu Phi Yến vu vạ tố cáo Hoàng hậu, Hứa Hoàng hậu bị phế. Ban Tiếp dư mắng chưởi hậu cung là dựa vào sắc đẹp lung lạc chúa thượng. Vua Hán Hiến Văn hỏi Ban Tiếp dư, Tiếp dư đáp lời:

Thiếp nghe rằng: “Tử sinh hữu mệnh, phú quý tại thiên”. Làm tốt việc chính trị còn mong nơi phước trời, còn theo tà dục thì còn mong gì chứ? Khiến quỷ thần biết đến. Nếu như không biết, thì có ích gì? Cho nên không nên làm gì hết”.

Nhà vua thích lời đối đáp này, thương yêu Ban Tiếp dư hơn, thưởng trăm cân vàng ròng.

Tán tụng rằng: Kinh Dịch nói chuyện lành dữ mà lời lẽ khiêm tốn nhẹ nhàng hiệu quả trời đất quỷ thần chí ư nhân đạo không theo cùng được. Phàm phụ nữ được quý sủng mà hưng thịnh chỉ vì làm vừa lòng bậc chí tôn, được cung phụng phú quý mà không nhờ lập được công lao với quốc gia. Đó là điều mà các vị đạo gia vẫn rất ngại, là cái gốc sinh ra họa phước.

QUẢN THƯ TRỊ YẾU

QUYỂN 21

*Nhóm Bí Thư Giám, Cự Lộc Nam Thần Ngự Trung vâng lệnh vua
Đường Thái Tông biên soạn.*

HẠU HÁN THƯ (1)

BẢN KỶ

Vua Hán Thế tổ, hoàng đế Quang Vũ, tên húy là Tú - Lưu Tú, người Nam Dương, là cháu 9 đời của vua Hán Cao tổ Lưu Bang. Vào niên hiệu Canh Thủy nguyên niên nhà Tân, Vương Mãng bố trí Lưu Tú làm công việc của quan Đại tư mã, chức võ quan của một châu quận tại Bắc đạo hà. Bảy giờ, con của vua Triệu Mục vương tên Lâm, dựng tên thầy bói Vương Lang (Vương Mãng) làm thiên tử, đóng đô ở Hàm Đan. Năm thứ hai niên hiệu Canh Thủy nhà Tân, Lưu Tú tiến quân vây Hàm Đan, hạ thành Hàm Đan, giết Vương Lang (Vương Mãng), thu văn thư, Vương Lang (Vương Mãng) cùng quan dân nhà Tân soạn thành mấy ngàn chương phỉ báng nhà Hán. Lưu Tú hội chư tướng cho đốt hết nói: “Ra lệnh cho bọn làm phản tự trấn an”.

Vào niên hiệu Canh Thủy lập Lưu Tú làm Tiêu vương. Lưu Tú đánh Đồng Mã, Cao Hồ, Trùng Liên đều buộc hàng, phong cho các thủ lĩnh kiệt kiệt tước liệt hầu. Những tay quy hàng đều không tự an, Lưu Tú sắc lệnh tuyển quân ở các trại lính quy hàng. Lính quy hàng nói: “Tiêu vương khêu gọi chỗ tốt trong lòng người, sao lại không thể nhào vào chỗ chết?”.

Do đó đều tâm phục Lưu Tú. Khi lên làm hoàng đế,

ông phong các công thần đều tước liệt hầu, cả nước phân thành 4 huyện, ngoài ra là các tên gọi khác nhau. Các viên Bác sĩ là nhóm Dinh Cung kiến nghị rằng:

“Các vị đế vương ngày xưa phong chư hầu, mỗi nước không rộng hơn một trăm dặm, không nước nào đủ mạnh nên đều được an trị. Nay phong 4 huyện cho các tướng, không hợp pháp chế”.

Vua Thế tổ Lưu Tú nói:

”Các nước bị mất thời xưa đều ví vua vô đạo, ta chưa từng nghe việc phong cho công thần phần đất rộng lớn mà thiên tử bị mất nước”.

Rồi triệu tập các tướng quân đến nhận ấn huyện lệnh. Vào niên hiệu Kiến Vũ thứ mười ba, vua ban chiếu rằng: “Năm qua đã có sắc cho các quận quốc, nay do chưa dùng, đến nỗi gây phiền nhiễu trên đường đi, lệnh cho các đại quan không nhận lại. Nay ban sắc tuyên bố xuống, nếu thực là người phương xa, có thể đem dâng lên tông miếu, giống như cựu chế”.

Bấy giờ đã hết tình trạng chiến tranh, thiên hạ ít việc, văn thư điều dịch, vụ việc từ đó mà đơn giản, đến mười còn một mà thôi.

Năm thứ mười bảy, yêu văn học, lưu trữ văn bản, tu bổ tông miếu, thờ cúng các cơ sở cũ của dòng họ, ông bà, thăm nom ruộng vườn nhà cửa, mở tiệc rượu ca hát, ban thưởng cho những người lập được thành tích. Bấy giờ, các bà mẹ trong tông thất, nhân rượu vào, lên tiếng:

“Vua mình hồi nhỏ là người cẩn thận đáng tin, thật thà, hay nói thẳng, không quanh co với mọi người, không biết ngày nay còn giữ được như cũ không?”

Nhà vua nghe được, cất tiếng cười lớn nói: “Ta cai trị thiên hạ cũng muốn nhẹ nhàng mà thôi”.

Năm thứ hai mốt, sáu vua nước Thiện hiện, nước Xa

Sư..., cho các Thái tử nước mình vào kinh đô nước Hán xin được nước Hán đô hộ. Nhà vua cho rằng nước Hán vừa mới yên ổn chưa được bao lâu, chưa thể với đến các nước khác, bèn cho các Thái tử ngoại quốc trở về sau khi ban thưởng hậu hĩ.

Vào niên hiệu Trung Nguyên thứ hai, vua qua đời, di chiếu viết: “Trẫm chưa làm gì có lợi cho bách tính, đều theo chế độ của vua Hán Hiếu Văn hoàng đế, chỉ giữ được tính cần kiệm mà thôi”.

Ban đầu, nhà vua ở trong quân đội thời gian quá lâu quen cách sống nhà binh, ngài hiểu nhân dân cực khô chán ghét chiến tranh, ai cũng mong trút bỏ gánh nặng chiến tranh. Sau khi bình định xong xứ Lũng, xứ Ba Thục, chưa nghe ngài nhắc lại chuyện thời trong quân đội. Hoàng Thái tử thường hỏi về chiến sự, vua nói:

“Ngày xưa vua Vệ Linh công hỏi chuyện khi ở nước Trần, Khổng Tử không trả lời, vì việc ấy nhà vua không nên biết làm gì”. Mỗi ngày họp triều đình, đến chiều muộn mới nghỉ. Nhiều lần vua dẫn các quan công khanh lang tướng, đi nghe giảng kinh luận về cai trị, đến nửa đêm mới đi ngủ. Hoàng Thái tử thấy vua cha lao lực không nghỉ ngơi, thừa dịp can vua rằng:

“Bệ hạ có sự sáng suốt của vua Võ, vua Thang, nhưng không có phúc dưỡng sinh của Hoàng, Lão, xin vua nên chú ý di dưỡng tinh thần, thông thả tự an”.

Vua nói: “Ta tự thấy như vậy là vui, chẳng thấy mệt mỏi”.

Tuy thân ôm cơ nghiệp to lớn, canh cánh nhưng làm chưa xong. Cho nên có thể sáng suốt cẩn trọng chính thể quốc gia, nắm chung quyền hành cương lĩnh, lượng thời gian, điều độ sức, làm không đề qua đi, cho công thân hưu, tiền cử quan văn, thu lại cung tên, giải tán trâu ngựa. Tuy đường lối chưa sánh bằng xưa, mà cũng giúp an dùng chiến sự vậy.

HIẾU MINH HOÀNG ĐẾ

Hiếu Minh hoàng đế tên húy là Lưu Trang, con thứ tư của vua Thế tổ Lưu Tú. Vào mùa Xuân niên hiệu Vĩnh Bình thứ hai, làm tế lễ hoàng đế Quang Vũ nơi nhà Minh đường. Lễ xong, lên linh đài, ban chiếu rằng: “Trẫm vì âm mưu, phụng thừa đại nghiệp, thân giữ hoàng triều, thờ phụng thiên địa. Ngưỡng trông tiên đế mà thụ mệnh trung hưng, phá trừ loạn phản để yên thiên hạ, phong Thái sơn, xây Minh đường, lập Tích Ung, dựng Linh đài, khôi phục đại đạo.

Năm thứ mười hai, chiếu vua ban rằng: “Ngày xưa Tăng Mẫn phụng dưỡng cha mẹ, luôn giữ tinh thần vui vẻ. Thầy Không Trọng Ni an táng đứa con thì có áo quan mà không có quách. Lễ tang chủ yếu là buồn đau thương nhớ, còn tang lễ nên tiết kiệm. Nhưng ngày nay người ta làm lễ tang rất tốn kém xa xỉ, Khi còn sống không phụng dưỡng thật tốt, đến khi qua đời rồi thì đồ tiền của làm tang lễ rầm rộ, xây dựng mồ mã hoành tráng. Ngày giỗ không có cả rượu cặn, không có chén cơm dâng lên bàn thờ để cúng, con cháu thì cơ hàn, lam lũ suốt cả đời, có phải đó là mong muốn của người chết! Lại còn tang phục cho gia đình người qua đời cũng vượt quá yêu cầu cơ bản, phóng túng xa xỉ cùng cực; bỏ phế ruộng rẫy.

Năm thứ mười tám, vua qua đời. Di chiếu rằng: “Không xây nhà mồ, chôn nơi biệt thất của Quang liệt hoàng hậu”.

Nhà vua tuân theo chế độ Kiến Vũ, việc thờ cúng không làm trái. Thời vua tại vị, gia đình của tất cả các bà trong hậu cung, không ai được phong tước hầu và tham gia chính sự. Có lần công chúa Quán Đào xin cho con trai chức Lang, vua không hứa, mà ban thưởng ngàn vạn tiền, Nhà vua bảo quần thần rằng: “Quan lang đều là những viên quan lão luyện giúp vua, phải có những người xuất sắc, không được như thế thì khổ dân, nên chọn tuyển rất khó”. Cho nên, quan lại xứng với chức vụ thì nhân dân an nghiệp, xa gần đều theo về, sinh sôi

ngày thêm đông đúc.

HIẾU CHƯƠNG HOÀNG ĐẾ

Hiếu Chương hoàng đế tên húy là Đản, là con thứ năm của vua Minh đế. Thời niên thiếu là người có đức tính khoan dung, thích học theo nhà Nho, Vua Hiến tông rất tin tưởng coi trọng Lưu Đán. Vào niên hiệu Kiến Sơ nguyên niên, vua ban chiếu rằng:

“Trẫm vốn thiếu đức, được cho thừa kế đại nghiệp, đêm ngày lo sợ, giữ mình không dám sai phạm một điều gì, nhưng tai dị vẫn xảy ra. Trẫm đã không biết rõ, khiến cho đạo thánh hiền ngày một nghèo đi, lại ít thực tế trong việc tuyển cử, để cho bọn quan lại kém cỏi làm hại dân. Quan chức ngu tối, hình phạt không đúng, quả thật đáng lo! Ngày xưa, đám gia thần của ông Trọng Cung, Quý thị, bọn tiêu tể của ông Tử Du, Vũ Thành, đức Khổng Tử vẫn dạy dỗ các bậc hiền tài, chú trọng đến con người. Nền chính trị sáng suốt thì từ việc lớn đến việc nhỏ, đều lấy con người làm gốc; thôn cử, lắng tuyển, nhất định tích lũy được nhiều ý kiến hữu ích. Ngày nay quan Thích sử, Thủ tướng, không rõ thực giả, Mậu tài, Hiếu liêm mỗi năm có hàng trăm vị đang nắm giữ chính sự đã không chứng tỏ được tài năng, thật là khó nói. Mỗi lần tham khảo thời trước các ông Cử nhân, Cống sĩ, hoặc những người khai khẩn đất đai thành ruộng vườn, không liên hệ gì với các nhà thế phiệt. Lời tâu bày thì văn chương đáng để chọn; văn chất lịch thiệp thì trẫm rất tán thưởng. Hạ lệnh cho các quan Thái truyền, Tam công, các vị được hưởng hai ngàn thạch lúa, các vị đứng đầu quận quốc tiến cử người hiền lương phương chính có khả năng can gián vua mạnh mẽ, thẳng thắn”.

Năm thứ tư, vua ban chiếu cho các quan Thái thường, Tướng, Đại phu, Bác sĩ, Nghị lang, Lang quan cho đến các học trò, nho sĩ đến dự hội tại Bạch Hổ quán, cùng nhau bình luận ngũ kinh, mà chính nhà vua đích thân chủ trì.

Năm thứ bảy, vua ban chiếu rằng: “Xa giá đưa ta đi thăm đồng mùa thu, tham quan nhân dân gặt lúa, nhân đó vượt qua ranh giới các quận, đều cỡi ngựa gọn nhẹ, không dùng xe bất tiện nặng nề. Cầu đường chưa được bảo dưỡng kịp, rời xa thành quách, quan lại đón rước, đưa đến chỗ nghỉ ngơi, ra vào trước sau, quấy nhiễu quan dân. Khuyên nên tiết kiệm, song không thể không tốn kém vì chuyện ăn uống của cả đoàn, chẳng qua vì muốn kẻ nghèo được lợi, không trái với chiếu ban”.

Vào niên hiệu Nguyên Hòa thứ hai, vua ban chiếu rằng: “Có lệnh rằng; tài sản của dân có thể khôi phục, chưa đầy ba năm”.

Ngày nay, thưởng cho các bà bầu, mỗi người ba học lúa để dưỡng thai, giúp cho người chống không phải lo trong một năm.

Vua còn ban chiếu rằng:

“Sang mùa xuân là thời kỳ sinh dưỡng, vạn vật có lớp màng bao, giúp cho mầm cây khỏe, để nuôi dưỡng cây cỏ. Hạ lệnh các ty có liên quan, các loại tội không đáng tử hình, hãy dừng kết án tử; mong để an lòng dân, kính theo khí trời. Lập mùa Thu như cũ. Phàm quan lại thì kiêu căng, hào nhoáng vẻ bề ngoài, tưởng như đúng mà sai, đo lường việc, người thì vui đầy, luận bàn về âm dương thì thương tôn phong hóa, trầm rất chán nản, khổ tâm. Các viên quan ăn không ngồi rồi, thực thà không miệng lưỡi tính theo ngày thì không đủ, tính theo tháng thì có dư, quan dân đồng thanh, gọi là không gây phiền nhiễu, tuy chưa có tai dị xảy ra, nhưng cũng không lâu nữa đâu, sắc ban hai ngàn thạch, rõ ràng đều rất là rộng rãi. Mà ngày nay bọn trọc phú gian tà ăn hối lộ cấp dưới. bọn tham quan thì dối gạt vua mình, để lọt kẻ có tội, còn người không liên can thì bị khép tội hình, quá là đại nghịch. Phàm việc dò xét, việc cai trị hà khắc, coi nhẹ đức hạnh, coi trọng việc làm oai, bốn việc trên mà được làm mạnh thì người dân sẽ oán hận. Chiếu thư của ta ban ra nhiều lần, cấp dưới tổ chức lễ lạc

tiếp chiếu rộn ràng mà quan lại không đổi mới trong việc cai trị, lỗi ấy chưa biết kéo dài đến khi nào? Bỏ qua các lệnh cũ, chú trọng ý này của trẫm”.

Lại có chiếu rằng:

“Theo luật thì tháng mười hai, từ tiết lập xuân trở đi, không xử nhốt tù ai. Sách “Nguyệt lệnh” viết rằng: “Sau tiết đông chí, làm bài văn ‘thuận dương trợ sinh’, thì nên có chính sách ‘xét tra cho kỹ hình phạt nặng’, trẫm tính phỏng nho nhã, kê cứu điển tịch, việc sinh sát của các bậc vương giả, nên thuận thời khí, thì không xử ngời tù vào tháng mười một, tháng mười hai.

Mùa xuân năm thứ ba, vua dẫn đoàn quan chức đi tuần thú về hướng bắc, ban sắc cho quan Thị ngự sử, Tư Không rằng:

“trong mùa xuân, không nên xử tội tử hình. Xe có thể đem giấu thì cứ giấu đi; ngựa kéo xe mệt thì cho nghỉ”. Theo Kinh Lễ thì “Vua không chặt phá cỏ cây không đúng thời, như thế là bất hiếu. Theo thường thuận với người, mà không biết thuận lẽ trời. Đó mới rõ là xứng ý Trẫm. Luận rằng: “Vua Ngụy Văn đế bảo: “Vua Minh đế xét nét, vua Chương đế làm phát triển. Vua Hán Chương đế biết người dân oán ghét vua Hán Minh đế tàn ác như thế nào, nên trong công việc ông theo cách khoan hậu; cảm thông những lời trình bày thật tình, trừ đi những khoa ngục hình thảm thiết, yêu thương sâu sắc trăm họ, lệnh cho ưu đãi với các bà mẹ dưỡng thai. Dứt bỏ các danh tiếng hào nhoáng, tôn sùng xây dựng mối tình thân Công bằng trong huy động công ích, giảm bớt thuế khóa cho dân, thì quan dân hân hoan vui mừng. Lại quy chế dựa trên đức trung thứ, văn thì dụng theo lễ nhạc, cho nên các nước phiên thuộc nhất định rất hài lòng, các bà phi nơi hậu cung đều có đức nhượng, nên gọi là trưởng giả, không cũng là thích nghi đó sao!

Nhà vua tại vị mười ba năm, được các quận quốc khen

ngợi nói tốt, hợp với tiên liệu trong đồ thư, nhiều trăm ngàn sở. Ôi rất cố gắng thay!

HIẾU HÒA HOÀNG ĐẾ

Hiếu Hòa hoàng đế tên húy Triệu - Lưu Triệu, con trai thứ tư của vua Hán Chương đế, tại vị mười bảy năm thì qua đời. Dân số tăng hàng năm, đất đai khai khẩn ngày một rộng lớn hơn. Mỗi khi xảy ra tai dị, nhà vua liền hỏi han tham khảo các quan công khanh, là sẽ được gì mất gì. Trước sau tám mươi một sở phù thủy, nhà vua tự cho mình ít đức, đều được giấu không nói ra. Chuyện xứ Nam Hải dâng trái long nhãn, vải thiều, cứ mười dặm một trí, năm dặm một hầu, trèo đèo vượt sông từ xa xôi hiểm trở, người chết dọc đường đi. Bảy giờ huyện Đường Khương tiếp giáp với Nam Hải, bèn viết thư trình bày tình trạng. Nhà vua ban chiếu rằng: “Các món trân tu của các nước ở xa, vốn dùng dâng biểu tông triều. Nếu vì thương hại, sao không bắt đầu bằng việc yêu dân mình làm gốc? Nhà vua ban sắc ra lệnh cho quan thái giám không tiếp tục nhận đồ vật dâng biểu nữa. Đó là một cách tiết kiệm.

LỜI TỰA CỦA HOÀNG HẬU PHI

Ngày xưa từ nhà Hạ, nhà Thương Ân trở về trước, chế độ hậu, phi văn tóm lược. Theo Chu Lễ, vua lập hậu, 3 phu nhân, 9 Tần chế độ hậu phi, 27 bà Thế phụ, 81 bà Nữ ngự, là đủ sử dụng trong nội cung. Hậu, là chính vị trong cung vi, đồng thể thiên vương, phu nhân ngồi luận về lễ của phụ nữ, 9 bà Tần nắm việc dạy tứ đức, Các bà Thế phụ chủ trì đón tiễn khách mời. Các cô Nữ ngự ở bên vua mỗi cuộc tiệc để vua sai biểu cũng như phục vụ việc ngủ nghỉ cho vua. Tuyên người phân công việc đều có ghi chép cụ thể. Nữ sử giữ quản bút màu đỏ để ghi công chép tội. Tiến cử bậc hiền tài để phụ tá nhà vua, yếu

điều thực nữ mà không có sắc dâm ô. Vì vậy, quy tắc nội cung được biên soạn chu đáo, khuê phòng nghiêm túc, hòa nhã, người không có trách nhiệm không được vào ra. Cho nên khi văn triều vua Chu Khang vương làm thơ lấy thiên thơ “Quan thư”; Tuyên hậu vui mừng, Khương thị thỉnh nói lỗi mình. Đến khi nhà Chu dời kinh đô về phía đông, nghi lễ thiếu sót, chư hầu tự tung tự tác, không ai làm việc giữ đúng qui chế. Vua Tề Hoàn công cưới sáu bà phu nhân. Vua Tấn Hiến công thăng chức vợ là rợ Nhung lên chức nguyên phi, để năm cậu con trai làm loạn, Từ đó mà làm ra loạn thời Chiến quốc, khiến phong hiến bị mất thế thống soái như trước, buông tình thả dục, lộn xộn y thường, đến nỗi những cảnh nước mất nhà tan thân vong nhiều không kể hết. Đó là do việc coi thường lễ nghi, buông bỏ phòng vệ, sắc dục trước, đạo đức sau vậy. Khi nhà Tần thôn tính thiên hạ, chúng rất tự kiêu, gồm thu bảy nước, phong tước cho vua các nước ấy hàm bát phẩm. Khi nhà Hán vươn lên, nhân theo dấu hiệu trước đây, mà chế độ cho các bà trong hậu cung không sửa sang.

Vua Hán Cao tổ không cho thay bức màn che cũ, vua Hiếu Hiếu Văn không cho thay chiếu nằm, tà áo, nhưng tuyển nạp nàng Thượng Giản, nàng Thiếu Hoa. Sau thời vua Hán Vũ đế, Hán Nguyên đế, người đời làm gia tăng chi phí dâm dục, đến việc dựng ba ngàn nhà dịch đình, tặng mười bốn cấp, người ta lấy nhau ngoài hôn thú loạn xạ. Đến khi vua Quang Vũ trung hưng nhà Hán, chuộng đơn giản chất phác bỏ chạm trổ tinh vi, thì lục cung khen ngợi, chỉ riêng Hoàng hậu, và Quý nhân, được ban kim ấn dây đeo màu tía, được hưởng bổng không quá mười học lúa. Lại không cho tước trật ba hạng Mỹ nhân, Cung nhân, thái nữ, chỉ thỉnh thoảng nhằm những ngày lễ thì ban thưởng sung cấp mà thôi. Vua Hán Minh đế thì tuân thủ các chỉ thị đời trước, có điều chỉnh một ít việc giáo dục hậu cung, trình lên Tần hậu, trước là đức hạnh, không ăn nói buông tuồng nơi hậu cung, không được giành lấy sự sủng ái cho riêng mình, là những chuyện bị cho là tồi tệ vậy. Tuy chế độ phòng ngự đã có, nhưng chưa số giám sát, cho nên từ thời vua Hán Hiếu Chương trở về sau, dần dần ưa sắc đẹp, vợ chồng hảo hợp, quên chế độ khắt

khe. Từ xưa tuy thời kỳ vua còn nhỏ, khi vua cha bận việc thì nhờ đến quan Trùng tể, giản cầu trung hiền, chưa có người chuyên trách nhiệm phụ nữ trong cung. Chỉ có Thái hậu Tần Can khi nhiếp chính, đã để cho Nhuộng hầu quyền lực lấn cả vua Hán Chiêu vương, tài sản nhà ông ta giàu hơn tài sản quốc gia, là chuyện nguy cơ cho nhà Hán, biết nhà nước gặp hoạn nạn mà không tiến hành cải chính, truyền thống triều Đông Hán bị tuyệt diệt, vì quyền hành lọt vào tay phụ nữ, bên ngoài thì lập bốn đế, trong triều thì sáu bà cùng lúc lâm triều, không gì là không định phương sách, công việc thì giao cho cha, anh trai, con nít thành chính sách dài lâu, ức chế hiền tài, để chuyên làm oai, càng háms lợi thì họa đến càng nhanh. Thân mình bị sương móc xâm nhập trên vân đài, tôi trung thì bị trói giam trong nhà tù. Thuyền bị chìm xuống nước, xe bị xô ngã bên vệ đường. Là những việc mà Kinh Thi, Kinh Thư than thở, Cho nên khảo sát hết các hành tích, để làm bản kỷ Hoàng hậu.

MINH ĐỨC MÃ HOÀNG HẬU

Minh Đức Mã hoàng hậu, là con gái Phục Ba tướng quân Mã Viện. Vào niên hiệu Vĩnh Bình thứ ba, bà được lập làm Hoàng hậu. Bà nắm quyền chính vị cả lục cung thì càng tỏ ra khiêm tốn, bà có thể nghiên cứu Kinh Dịch, thích đọc các sách Xuân thu, Sở từ, rất thích sách “Chu quan”. Bà thường mặc y phục may bằng thứ lụa trắng nõn, quần không may đường viền. Các bà phi, công chúa những lần họp mặt thấy vậy đều cho là Hoàng hậu ăn mặc quê mùa, khác với bọn họ mặc toàn vải lụa gó hoa, được thêu chỉ 5 màu hoa lệ. Họ đều cười chê Hoàng hậu. Mã Hoàng hậu từ tạ nói: “Loại chỉ thêu 5 màu trông thì đẹp nhưng dễ bị nhiễm bệnh”.

Các bà trong cung không ai là không than thở. Bây giờ, người bị bắt giam nhiều, liên nhiều năm không dứt, tù nhân ngày một đông. Hoàng hậu thương hại suy nghĩ có khi quan lại quá lạm dụng uy quyền làm khổ dân đen. Thừa lúc vua

vui Mã Hoàng hậu tâu xin cho tù nhân. Nhà vua nghe ra, hạ lệnh nói lỏng nên phần đông tù nhân được tha. Tính sung kính ngày càng tốt lên, thì lòng thủy chung không bị suy bại. Hoàng hậu tự soạn sách “Hiển tông khởi cư chú”, tham gia về y dược.

Nhà vua nói: “Các cậu trong hoàng môn ngày đêm cung dưỡng đã một năm, không được khen thưởng lại không được ghi công tích vất vả, như vậy có quá đáng hay không?”.

Thái hậu nói: “Ta không muốn để các đời sau nói tiên đế chỉ lo riêng cho gia đình bên ngoại, là chuyện không nên”.

Nhà vua muốn phong tước cho các cậu, Thái hậu cũng không nghe theo. Mùa hạ năm sau, xảy ra hạn hán lớn, người ta xầm xì cho là do việc không phong cho các vị bên ngoại vua mà ra. Vì thế có ty tâu lên vua, nên làm theo cừu điển. Thái hậu ban chiếu rằng:

“Thông thường người ta xầm xì bàn tán đều muốn nịnh ta mà thôi. Ngày xưa 5 người họ Vương được phong tước hầu cùng trong một ngày, bấy giờ, sương mù dày đặc, chẳng nghe nói có chuyện trời cảm ứng đổ cơn mưa tưới gội hết. Còn cái họa sủng quý Điền Giới, Đậu Anh phong thưởng lung tung như lời truyền ở đời. Cho nên tiên đế đã cẩn thận đề phòng người phía bên vợ, không cho giữ các chức vụ then chốt ở triều đình. Các người anh em phía ngoại chỉ được phong ở những địa phương xa xôi hẻo lánh, bà thường nói: “Anh em nhà ta không sánh được với các người nhà của tiên đế”.

Ngày nay sao lại đem họ Mã ta so với họ Âm? Ta làm mẹ thiên hạ, phải tính toán làm chuyện lớn, ăn không cầu ngon, mặc y phục đơn sắc mà thôi không làm ra vẻ với làng xóm, muốn mình ở dưới người ta. Làm sao cho người bên ngoại vua thấy, nói rằng Thái hậu là người tiết kiệm.

Trước đây trên Trắc Long môn, Hoàng hậu thấy ngoại gia hỏi những người cư trú ở đó, xe ra vào tấp nập như nước chảy, ngựa chạy vùn vụt như rồng bơi, đầy tớ đầu vắn khăn màu xanh

đậm, mặc đồ màu xanh lục, ống tay áo thì trắng, đứng chờ không đi đâu xa. Cho nên vua và Hoàng hậu cần người là có mặt ngay, không để họ nổi giận, suốt cả năm đều như vậy, Trong bụng thâm hổ thẹn, nhưng vì để trễ, không phải lo chuyện mất nước tan nhà. Ai là người biết rõ bề tôi hơn nhà vua, mà bề tôi lại là người thân thuộc?

Nhà vua ban chiếu cho các địa phương lại trùng thỉnh than rằng: “Khi nhà Hán lên cầm quyền, các cậu bên ngoại đều được phong tước hầu, còn các hoàng tử đều được phong tước vương. Thái hậu thành thực khiêm tốn, tại lễ nào còn đòi phải phong riêng cho ba ông cậu? Vả lại quan Vệ úy tuổi đã cao, hai quan Hiệu úy lại đang lâm bệnh nặng, nếu lệnh không thi hành được, khiến bày tôi ôm mối hận khắc cốt lâu dài, nên chờ đến giờ tốt, không nên kê lưu”.

Thái hậu nói: “Ta trần trở trong bụng, suy nghĩ sao cho cả hai đều tốt. muốn được tiếng khiêm nhượng, là muốn cho nhà vua khỏi bị mang tiếng là ghét bên ngoại đấy thôi! Ngày xưa Đâu Thái hậu muốn phong người anh của Vương Hoàng hậu, quan Thừa tướng bảo là vua Cao tổ có chỉ đạo là người không phải họ Lưu hoàng tộc, người không có quân công thì không được phong tước hầu. Ngày nay họ Mã không có công trạng gì với nước, há lại ngang vai với các Hoàng hậu họ Âm, họ Quách thời Trung hưng hay sao? Xem các nhà phú quý thường được hưởng nhiều lộc vì do họ lập được nhiều công tích cho đất nước như cây to có rễ ăn sâu trong đất. Vả lại, người muốn được phong hầu, muốn trên thì phụng tế tự, dưới thì cầu âm no mà thôi. Ngày nay chuyện tế tự nhận đồ quý báu tứ phương, ăn uống y phục thì ngự phủ có dư, không khi nào không đủ cung cấp, một huyện thì sá gì? Ta suy tính thật chín, không còn chút hồ nghi nào nữa. Phàm thực hiện sự chí hiếu thì trên hết là an thân. Ngày nay xảy ra nhiều biến dị, lúa lên cao giá gấp mấy lần, ngày đêm lo lắng, đứng ngồi không yên, mà muốn phong tước cho bên ngoại vua trước, có bà từ mẫu làm như vậy chứ! Nếu âm dương điều hòa, biên cảnh thanh tĩnh, sau đó mới nuôi

dưỡng chí khí cho con.

Xe cộ y phục rực rỡ, không theo đúng với pháp tắc, lại cũng không theo một sách nào cả, biểu về quê làm nông. Lạc Thành vương ở Cự Lộc, Quảng Bình xe ngựa đơn sơ, không trang trí gì, không trang điểm vàng bạc, được Thái hậu thưởng tiền năm trăm vạn. Bảy giờ trong ngoài đều bắt chước theo, y phục đều giống nhau, các nhà khùng hoảng, gấp mấy thời niên hiệu Vĩnh Bình. Hoàng hậu vui với việc bố trí xưởng dệt, xưởng nuôi tằm trong Trạc Long, tiện cho việc chăm sóc thường xuyên, bà cũng thường chuyện trò bàn luận chuyện chính sự với nhà vua, cũng như việc giáo dục các tiểu vương, bàn luận về kinh sách, nói lên những điều mình sở đắc không biết mỗi. Nhân dân được mùa lúa hoa màu, bốn phương yên vui, nhà vua bèn sắc phong cho ba ông cậu vợ đều tước liệt hầu là Mã Liêu, Mã Phòng và Mã Quang. Họ đều khiêm tốn tạ từ chỉ làm Quan nội hầu như cũ. Thái hậu nghe tin nói:

“Thánh nhân lập giáo, đều có phương sách, biết tính tình mỗi con người thấy không giống nhau. Ngày đêm ta cần thận suy tính được mất, ở không cầu được yên, ăn không cầu no, làm sao giữ được đạo của tiên đế, cho nên giáo hóa anh em, cùng nhau một chí hướng, muốn sao cho đến khi ta nhắm mắt xuôi tay, không có điều chi ân hận, chí hướng của lão này đã thỏa mãn rồi vậy!”

Ba anh em Mã Liêu bắt đắc dĩ nhận tước nhưng lui về nhà.

HÒA HI ĐẶNG HOÀNG HẬU

Hòa Hi Đặng Hoàng hậu tên húy là Tuy, là con gái của quan Thái truyền Võ. Bà được tuyển vào cung làm làm Quý nhân, là người siêng năng và chu đáo, hành động có pháp độ. Nhà vua rất yêu quý. Đến khi hậu bị bệnh, vua hạ lệnh đặc biệt cho mẹ, anh em của bà vào ở trong cung đích thân lo chuyện thuốc men chữa bệnh cho bà, không kể là bao nhiêu ngày.

Bà nói với vua:

“Cung cấm là nơi rất quan trọng, mà để người ngoài ở lâu trong nội cung thì bị người trên cho là bệ hạ vì động cơ riêng tư, kẻ dưới phỉ báng là tiện thiếp không biết giữ thân phận, trên dưới đều chê, thật lòng thiếp không mong muốn”.

Vua nói:

“Con người mấy ai được vinh, Quý nhân đừng vì thế mà lơ đãng có hại cho sức khỏe thì bệnh khó lành phục”.

Mỗi khi có hội họp tiệc tùng, các bà Quý nhân, tranh nhau tự làm đẹp làm tốt, nào trâm cài, hoa tai đeo tỏa sáng lấp lánh, nào áo cánh áo choàng sáng sủa thơm tho, nhưng riêng Đặng Hoàng hậu không xum xoe lượt là mà đơn giản trang phục sạch sẽ. không trang điểm. Âm hậu bị phế vì tin bói toán dùng độc hại người, Quý nhân Đặng thị được lập làm Hoàng hậu. Bây giờ, người Phiên dâng cống, nhiều cống phẩm quý giá đẹp đẽ, từ khi bà lên ngôi Hoàng hậu, hạ lệnh cấm tuyệt, hàng năm vào dịp Tết dâng thư chúc mừng mà thôi.

LIỆT TRUYỆN

PHÙNG DỊ

Phùng Dị tự Công Tôn, người Dĩnh Châu. Vào niên hiệu Kiến Vũ thứ ba, làm chức Chinh Tây Đại tướng quân, đại phá quân Xích My, đóng quân nơi vườn Thượng Lâm, oai trấn khắp miền Quan Trung. Vào niên hiệu Kiên Vũ thứ sáu, Phùng Dị về kinh sư họp triều đình, nhà vua bảo các vị công khanh rằng: “Khi ta khởi binh thì vị này giúp ta rất nhiều, dẹp biết bao chông gai, bình định miền đất Quan Trung màu mỡ”. Rồi nhà vua sai quan Trung hoàng môn thưởng cho Phùng Dị trân bảo, y phục, tiền và lụa.

Phùng Dị cúi rạp mình lạy nói:

“Thần nghe ông Quản Trọng nói với vua Tề Hoàn công rằng; mong vua không quên bắn, câu, thì thần không quên xe tù”. Nước Tề lại nhờ đó mà mạnh lên làm bá chủ chư hầu. Ngày nay thần cũng muốn quốc gia không quên cái nạn của miền Hà Bắc, thần không dám quên công ơn của bệ hạ.

SÂM BÀNH

Sâm Bành tự Quân Nhiên, người Nam Dương, được phong chức Đình úy làm việc của một Đại tướng quân.

Cùng nhóm quan Đại tư mã Ngô Hán, bao vây thành Lạc Dương suốt mấy tháng, phe của Chu Vị ở trong thành kiên trì cố thủ không chịu đầu hàng. Nhà vua bảo Sâm Bành nên thuyết phục Chu Vị đầu hàng.

Chu Vị nói:

“Khi quan Đại tư đồ bị hại thì Vị này có tham gia. Vị còn can gián Canh Thủy, đừng cử Tiêu vương Bắc phạt. tự thấy mình có tội rất nặng ”.

Sâm Bành trở về thuật lại cho vua nghe. Nhà vua nói:

“Phàm người làm chuyện đại sự không để ý đến các chuyện vụn vặt, nay Chu Vị đầu hàng, thì quan tước được giữ như trước, kể chi đến chuyện bị phạt, bị giết? Nước sông Hà còn đólẽ nào ta nói mà không giữ lời?”.

Sâm Bành trở lại báo cho Chu Vị, Chu Vị bèn cho người trối mình lại rồi đi theo Sâm Bành đến Hà Dương xin ra mắt vua. Nhà vua lập tức cử trối cho Chu Vị phong Chu Vị chức Bình Định tướng quân, tước Phù Câu hầu. Vào niên hiệu Kiến Vũ thứ tám, Sâm Bành cùng với Ngô Hán bao vây Quỷ hiêu ở Tây thành, tướng của Công Tôn Thuật là Lý Dục giữ thủ Thượng Khuê, Cái Duyên, bị tướng Cảnh Yểm bao vây.

Vua sắc lệnh cho Sầm Bành rằng:

“Nếu hạ hai thành ấy thì thừa thế đem quân tiến về nam, đánh giặc Thục. Người khổ không bao giờ thấy đủ, bình định được xứ Lũng, thì không chế bôn người Thục, mỗi một lần phát quân đi đánh Thục thì râu tóc bạc trắng.

TẠNG CUNG

Tạng Cung tự Quân Ông, người Dĩnh Xuyên. Khi dân Hung Nô bị nạn đói thì họ đánh lẫn nhau.

Nhà vua hỏi Tạng Cung, Tạng Cung nói:

“Xin cấp cho thần năm ngàn quân kỵ, thần hứa sẽ lập công dâng lên bệ hạ”..

Nhà vua cười nói:

“Các nhà làm nên chiến thắng thường tìm hiểu địch rất kỹ, chứ không phải chỉ biết có ta”.

Vào niên hiệu Kiến Vũ thứ hai mươi bảy, Cung nói với Dương Hư hầu Mã Võ Thượng Thư: Nước Hung Nô bị ôn dịch người và gia súc chết nhiều, lại bị nạn hạn hán, sâu bọ hoành trùng hại lúa, ruộng đồng chỉ toàn đất đỏ, nhân dân rất là khốn khổ, không đương nổi một quận của Trung Quốc. quân tướng đi xa hàng vạn dặm như đi vào cõi chết mạng của họ do nơi bệ hạ, phước không tái lại, thời cơ thì dễ mất, há phải ráng giữ nền văn đức, mà để sa sút việc võ?”.

Chiếu vua rằng:

“Sách ‘Hoàng Thạch công ký’ có câu: “Mềm có thể thắng cứng, yếu có thể thắng mạnh”. Mềm mỏng là đức; cứng chính là giặc; yếu đuối thì người ta hỗ trợ; mạnh thì thu về sự oán giận; gần nhà tính toán chuyện ở xa, thì mệt mà chẳng thu được gì; nhà ở xa mà tính chuyện gần thì nhàn nhã mà có kết quả. Chính sách nhàn thì có nhiều trung thần, chính sách nặng nề thì loạn dân. Cho nên có câu: “Làm cho đất rộng thì hoang

tàn; làm cho đức rộng thì vững mạnh”. Biết đủ thì an, không biết đủ mà tham của người ta thì tàn lụi. Nền chính trị tàn diệt, tuy thành công một thời rồi nhất định sẽ thất bại. Nước nhà ngày nay không thể gọi là thiện chính, tai biến không biết ập tới ngày nào, bách tính kinh hoàng, người ta không tự bảo vệ mình được, sao lại tính chuyện ngoài biên cương? Đức Khổng Tử nói: “Ta sợ nỗi lo của ông Quý Tôn, không phải ở Chuyên Du”. Vả lại, việc đồn đãi, thường phần lớn không đúng sự thực. Nếu không đúng thời, thì không như để dân nghỉ yên”.

Từ đó về sau, chư tướng, không ai nhắc đến chuyện gây chiến với nước Hung Nô nữa.

TẾ TUÂN

Tế Tuân tự Đệ Tôn, người Dĩnh Xuyên. Từng từng chinh chiến đấu trong quân đội ở Hà Bắc, với chức

Quân thị lệnh. Một đứa cháu của vua Hán Thế tổ phạm pháp, Tế Tuân xử giết chết. Hán Thế tổ nổi giận, hạ lệnh cho bắt Tế Tuân. Bảy giờ quan Chủ bạ Trần Phó can vua tâu: “Minh công thường muốn mọi người chỉnh tề, nay Tế Tuân phụng pháp không kiêng kỵ, là làm đúng giáo lệnh”. Vua Thế tổ bèn tha, bổ nhiệm chức Thứ gian tướng quân, bảo các tướng rằng:

“Vị Tế Tuân này rất đáng khen! Người cháu của ta phạm tội làm chết người, Tế Tuân đã xử nó tội tử hình, đến ta đây mà không tư tình, nói chỉ các khanh”.

Sau khi bình định Hà Bắc, Tế Tuân được phong làm Chinh lỗ tướng quân. Tế Tuân vốn người thanh liêm tiết kiệm, chu đáo, khắc kỷ hết lòng thờ vua, đồ vật được ban

thường chia đều hết cho sĩ tốt dưới quyền, nhà ông không có của riêng, mặc y phục may bằng vải thường, vợ con cũng vậy nên được nhà vua kính trọng. Khi chết nhiều người thương xót. Tể Tuân được đưa về chôn tận huyện Hà Nam, chiếu vua bảo bách quan đều đến dự lễ táng, xa giá tang phục đến tận nơi, khóc kể thảm thiết bi ai, khắp các cổng thành, nhân dân quan lại và quân đội người ta khóc kể tưởng khó dứt. Tang lễ xong xuôi, rước bàn thờ về thờ chung với các tiên đế nơi nhà Thái lao, như chuyện vua Hán Tuyên đế làm lễ táng cho Đại tướng Hoắc Quang ngày xưa, Đến khi cải táng, xa giá nhà vua lại về táng ần tướng quân, xe chu luân, ban tên thụy là Thành hầu, Chôn cất xong xa giá nhà vua lại đến tận mộ phần, thăm hỏi phu nhân cùng gia đình. Sau đó trong cuộc họp triều đình, nhà vua than thở rằng:

“Làm sao có được bề tôi ưu quốc thờ vua như Tể Chính lỗ?” Tể Tuân được coi trọng đến như thế.

MÃ VŨ

Mã Vũ tự Tử Trương, người Nam Dương, được phong tước Dương Hư hầu. Ông là người nghiện rượu, tính tình rộng rãi khoáng đạt dám ăn dám nói, khi ông say, dù đang trước mặt vua, ông phát ngôn cùng một cách, dù dài dù ngắn, ông không tránh né kiêng kỵ gì hết, nhà vua nghe theo, xem như chuyện vui. Tuy nhà vua luôn chế ngự công thần, nhưng mỗi lần xét lại, thường tha hết các lỗi nhỏ. Các nước Phiên cống thức ăn ngon, nhà vua cho đem biếu các vị tước hầu, các vị quan to không để lại gì. Người có công liền được thưởng tăng ấp hưởng lộc, chứ không bỏ nhiệm chức quan, nên đều giữ được phúc lộc, không ai chết bị tru khiển.

Luận rằng:

Vua Hán Quang Vũ trung hưng, có hai mươi tám vị tướng bảo là 28 ngôi sao trên trời ứng xuống, thì chưa rõ. Nhưng đúng là vua tôi họ đã trở thành hội rồng mây, là nhóm 28

người ấy đủ cả trí dũng, xứng đáng gọi là những kẻ sĩ có chí khí “tá mệnh” nhà Hán, mà cụ thể là vua Hán Quang Vũ. Các nhà bình luận phần đông cho rằng vua Hán Quang Vũ đã không tín nhiệm các vị công thần trong việc phong chức sau khi trung hưng nhà Hán, đến nỗi khiến có người trốn về ở ẩn nơi rừng mai danh ẩn tích, thành người vô dụng. Từ thời Tần, Hán, từ sức chiến đấu mà nên thế, đến việc phù trì khí vận đế vương đều có tác dụng cổ vũ con người quật khởi. Cũng có bọn người giáo hoạt hoặc vì quá ham phần thưởng liên thành, hoặc vì nghĩ mình sẽ được bổ nhiệm một địa vị béo bở, nên nghi ngờ nhau dễ sinh hiềm khích, mâu thuẫn quyền lực sinh ra loạn lạc, Tiêu Hà, Phan Khoái bị trói buộc, Hàn Tín, Bành Việt cuối cùng chịu chết; chẳng phải là điều hiển nhiên sao! Từ đó trở đi, đến triều vua Hiếu Vũ, năm đời quan Tể phụ, chẳng ai không được phong tước công tước hầu. Sái Ung, là người hiền năng hơn cả. Người có đạo mà vô văn, gửi thân nơi rừng rú, thì lời nói ai thềm nghe cho chứ! Thế cho nên vua Hán Quang Vũ khảo sát hết các việc làm sai trái trước kia, rồi chỉnh lại cho đúng, phân cấp đất đai không lớn hơn 4 đại huyện, gia thêm đặc tiến triều đình mà thôi. Quan sát việc họ cai trị, đem cái gọi là: Dẫn dắt họ dùng pháp, hàng phục họ dùng hình”. Nghĩa là thế nào? Thẳng tay quá thì thiếu tình nghĩa cổ cự, mà chỉ theo tình cảm thì trái với sách xưa cấm đoán; tuyển theo đức thì công ắt hãn không dày, đề cao công lao thì hoặc là người chưa được hiền, tham nhiệm thì khó làm vừa lòng nhiều người, phân bổ địa vị thì điều tòi tệ chưa xa. Cho nên trật quan cao, lễ hậu hĩ mới đáp trả đủ công lao, văn hóa cao và lễ luật sâu sắc, sẽ hoàn chỉnh các chức quan lại, Trong niên hiệu Kiến Vũ, số lượng quan được phong tước hầu hơn trăm vị, Với số vị ấy họ bàn chuyện quốc gia thì chuyện đại sự hết còn sai sót, tiêu cực, mà mọi việc đều tốt đẹp, cuối cùng không ai là không được công danh, sự nghiệp vẻ vang lâu dài về sau. Ngày xưa ông Lưu hầu Trương Lương nhắc chuyện vua Hán Cao tổ đặc biệt tin dùng hai cố nhân là Tiêu Hà và Tào Tham, nước Trịnh hưng thịnh còn răn bảo các công thần chăm

lo trách nhiệm. Phàm người làm ơn to cho riêng một ai thì người ấy rất dễ bị chìm đắm; giữ được tính chí công cho đều khắp là mở rộng con đường chiêu hiền, chuyện đời tự nhiên như thế đó! Trong niên hiệu Vĩnh Bình, vua Hiến tông xét lại các vị công thần đời trước, rồi cho họa hình hai mươi tám viên tướng nơi Vân đài của Nam cung, ngoài ra còn có họa hình bốn người nữa là Vương Thường, Lý Thông, Bảo Dung, Trác Mậu, cộng ba mươi hai vị. Cho nên dựa theo hồ sơ gốc, theo thứ tự trước-sau trên dưới các vị công thần như vậy.

Quan Thái truyền Cao Mật hầu Đặng Võ, quan Thái thú Trung Sơn Toàn Thức hầu Mã Thành, quan Đại tư mã Quảng Bình hầu Ngô Hán, quan Hà Nam doãn Phụ Thành hầu Vương Lương, quan Tả tướng quân Giao Đông hầu Giả Phục, quan Thái thú Lang Da Chúc A hầu Trần Tuấn, quan Kiến Uy Đại tướng quân Hiếu hầu Cảnh Yểm, quan Phiêu kỵ Đại tướng quân Tham Cự hầu Đỗ Mậu, quan Cháp Kim ngô Ứng Nô hầu Khấu Tuân, quan Tích Nỗ tướng quân Côn Dương hầu Truyền Tuấn, quan Chinh Nam Đại tướng quân Vũ Dương hầu Sầm Bành, quan Tả Tào Hợp Phì hầu Kiên Đặc, quan Chinh Tây Đại tướng quân Dương Hạ hầu Phùng Di, quan Tiượng Cốc hái thú Hoài Dương hầu Vương Bá, quan Kiến Nghĩa Đại tướng quân Cách hầu Chu Hựu, quan Thái thú Tín Đô A Lăng hầu Nhậm Quang, quan Chinh Lỗ tướng quân Dĩnh Dương hầu Tế Tuân. quan Dự Thái thú Chương Trung Thủy hầu Lý Trung. quan Phiêu Kỵ Đại tướng quân Lạc Dương hầu Cảnh Dẫn, quan Hữu tướng quân Hòe Lý hầu Vạn Tu, quan Hồ Nha Đại tướng quân An Bình hầu Cái Duyên, quan Thái Thường Linh Thọ hầu Bửu Điều, quan Vệ úy An Thành hầu Diêu Kỳ, quan Kiêu Kỵ tướng quân Xương Thành hầu Lưu Thực, quan Thái thú Đông Quận Đông Quang hầu Cảnh Thuần, quan Hoàng Dã Đại tướng quân Sơn Tầm hầu Vương Thường, quan Thành Môn Hiệu úy Lang Lăng hầu Tang Cung, quan Đại tư không Cố Thủy hầu Lý Thông, quan Bô Lỗ tướng quân Dương Hư hầu Mã Vũ, quan Đại tư không An

Phong hầu Đâu Dung, quan Phiêu Kỵ tướng quân Thận hầu Lưu Long, quan Đại truyền Tuyên Đức hầu Trác Mậu.

MÃ VIỆN

Mã Viện tự Văn Uyên, người Phù Phong. Vào niên hiệu Kiến Vũ thứ chín, Mã Viện được phong làm quan Thái trung đại phu. Vào niên hiệu Kiến Vũ thứ mười bảy, người phụ nữ quận Giao Chỉ là Trưng Trắc cặp cùng em gái là Trưng Nhị nổi lên chống triều đình nhà Hán, tấn công bốn quận là Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam và Hợp Phố, người man di bốn quận ấy đều hưởng ứng Hai Bà Trưng, chiếm hơn sáu mươi thành bên ngoài xứ Lĩnh Nam, Trưng Trắc tự lập làm vua. Bấy giờ triều đình nhà Hán phong Mã Viện là Phục Ba tướng quân, chỉ huy các Lâu Thuyền tướng quân như Đoàn Chí, tiến về phía nam bình định Giao Chỉ. Mã Viện được tấn phong là Tân Túc hầu. Mã Viện thường ngã bệnh, Lương Tùng đến thăm, quỳ lạy dưới giường hỏi thăm bệnh tình, nhưng Mã Viện không trả lời. Khi trở về, các đệ tử hỏi thăm rồi nói:

“Lương Tùng là cháu rể của vua, trong triều đình từ các quan công khanh trở xuống ai cũng quý trọng ông ấy, không ai không kiêng sợ ông ấy, đại nhân sao lại thất lễ coi thường ông ấy vậy?”

Mã Viện nói:

“Cha của Lương Tùng là bạn của ta. Tuy Tùng sang quý, sao ta có thể để mất trật tự vai trò bác cháu cho được?”.

Vì vậy Lương Tùng oán giận Mã Viện. Vào niên hiệu Kiến Vũ thứ hai mươi bốn, quan Vũ Uy tướng quân Lưu Thượng tiến đánh năm động người man ở Vũ Lăng, bị họ đánh tan, Mã Viện được giao chỉ huy đánh tiếp. Mã Viện suất lĩnh hai quan Trung lang tướng Mã Vũ, Cảnh Thư dẫn quân sĩ đánh năm động người man ở Vũ Lăng. Ban đêm Mã Viện cùng người dẫn đường khuyết, nói với người bạn Đỗ Ám rằng: “Ta

thọ ơn vua rất nặng, luôn ghi tạc trong lòng, cứ lo không được chết vì nước đề đền đáp, nay đạt được sở nguyện, ta nhắm mắt được rồi. Nhưng ta lo con ta lớn lên trong khi nhà ta khá giả, nên hoặc vì kẻ hầu, hoặc với bọn tùng sự, khó giữ bản lĩnh, thành kẻ độc ác”.

Ban đầu, quân ta thắng thế, chia làm hai đạo quân tiến theo đường thủy, vào vùng ao hồ, đường gần nhưng thủy đạo hiểm trở, quân ta bị rơi vào mai phục của địch dựa vào đường thủy hiểm trở. Ban đầu vua hơi nghi ngờ, đến khi quân kéo đến nơi thì tướng Cảnh Thư muốn tiến theo đường bộ, Mã Viện vì chuyện quân lương hao phí hàng ngày, tiến bằng đường bộ không lợi bằng đường thủy, quân giặc chốt giữ các nơi hiểm yếu, các chỗ sông con thuyền quân ta không thể tiến tới được. Lại thêm khí hậu nóng nực, nhiều lính bị ngã bệnh chết, Mã Viện cũng bị bệnh, tình thế khôn đốn. Mã Viện cho lính lên bờ che lều tránh nóng. Quân giặc cho đánh trống la hét, Mã Viện gượng dậy quan sát tình hình, lính hầu, ai cũng rơi lệ lo cho chủ tướng. Tướng Cảnh Thư lén gửi thư cho người anh đang là Hảo tự hầu Cảnh Yểm rằng: “Trước đây Cảnh Thư đã từng tâu lên vua, tiến theo đường bộ, lương thảo tuy khó vận chuyển nhưng người ngựa đi lại tiện lợi, quân ta đông đến cả vạn người, đều hưng phấn chiến đấu rất hăng”. Ngày nay tiến theo đường thủy bị tắt, quân lính lại bị chết dần, thật là đáng tiếc”.

Cảnh Yểm đem thư của Cảnh Thư tâu vua, nhà vua bèn cử quan Hồ Bí Trung lang tướng Lương Tùng, thừa dịch trách vấn Mã Viện, nhân đó thay Mã Viện chỉ huy quân đội. Mã Viện qua đời, Lương Tùng vẫn ôm mối hận cũ nên tâu vua vạch tội của Mã Viện. Nhà vua nổi giận tước ấn Tân Túc hầu của Mã Viện.

Ban đầu, khi ở Giao Chỉ, Mã Viện thường ăn hột trái ý dĩ để chữa bệnh, lại ngăn được chương khí, Ở đây nhiều cây cho trái ý dĩ, Mã Viện muốn gây giống ý dĩ, nên chở theo về cả một xe ý dĩ. Người bấy giờ cho là Mã Viện chở cả xe châu

báu về, nên được các nhà quyền quý đều ngưỡng mộ. Khi Mã Viện được vua sủng ái thì không ai có ý kiến gì, nhưng sau khi Mã Viện qua đời, có người dâng thư tố cáo khi đánh Giao Chỉ, Mã Viện cướp châu báu vàng bạc sùng tề chở về cả xe. Bọn Mã Vũ cũng xác nhận xe ấy, nhà vua càng thêm giận. Vợ con Mã Viện hoảng sợ, không dám đưa vào táng nơi nghĩa trang họ tộc, mua khu đất ngoài cổng thành tây chôn Mã Viện. Bạn hữu, con cháu cũng chẳng dám đến phúng điếu. Người anh Mã Viện là Tử Nghiêm, cùng vợ con Mã Viện cũng bị liên quan, cũng phải chịu tội. Nhà vua công bố thư của Lương Tùng đề trấn áp các người binh vực Mã Viện. Gia đình Mã Viện dâng thư lên vua kêu oan, trước sau đến sáu thư, lời lẽ tha thiết bi ai, sau đó mới được chôn cất. Lại có thư của quan Vân Dương lệnh Chu Bột một người đồng quận, thư rằng: “Thần nghe nền chính trị đạo đức của các bậc thánh vương, không bao giờ quên công lao ơn của nhân dân, lấy một điều tốt đẹp không cầu đủ hết mọi điều. Cho nên vua Hán Cao tổ tha cho Khoái Thông, làm lễ của vua an táng tướng Điền Hoành, mà các đại thần đều cho là rộng rãi, đúng đắn không thắc mắc gì. Phàm khi Đại tướng đi đánh giặc ngoài xa, thì đều bị những lời xì xầm nói xấu trong triều, mà thường không nói đến công to vì nước của đại tướng, Cho nên thời nhà Tần, Đại tướng Chương Hàm vì sợ miệng lưỡi mà trốn khỏi nước Tần chạy sang nước Sở, lời xảo ngôn êm tai rất có hại cho nước nhà. Thần trộm cho rằng trước đây Phục Ba tướng quân Mã Viện, được đề bạt nhờ chiến công ở Tây Châu, một lòng khâm mộ thánh nghĩa, phải vào sinh ra tử tiếp xúc với vạn lần chết, không có những dịp gần gũi với giới quý tộc nơi triều đình, nên nhà vua không thường nghe một lời nói giúp nào. Ông ta đã từng lặn xuống nơi đầm sâu, vào tận miệng cọp, làm sao kể cho hết! Nên nhờ 7 quận mới mà ông ta đã lập nên cho nhà Hán, ông xứng đáng được phong tước hầu?

Trước kia, vào năm thứ tám, nhà vua đích thân đem quân đánh rợ Quỷ Hiêu, các doanh trại chưa kéo về hội quân đầy đủ. Mã Viện kiến nghị sách lược tiến quân, phá nhanh từ Tây Châu, đến Ngô Hán chia tách xứ Lũng, xứ Ký, chỉ riêng

đường đi xứ Địch, quân Địch vì nước kiên trì chống giữ, sĩ dân đói kém khốn khổ, thí mạng từng giờ từng khắc.

Mã Viện phụng chiếu vua đi sứ miền Tây, trấn an người dân miền biên cảnh, cùng là chiêu tập hào kiệt, tìm hiểu thật kỹ người rợ Khương, mưu kế đa dạng thế như suối nước vọt, như chẻ tre, nên cứu vãn được tình thế cấp bách, lấy lại được nhiều thành vừa bị mất, mà quân lính được bảo toàn, chỉ huy đều hăng hái, nhờ chặn đường vận lương của quân địch, quân ta đã bình định hai xứ Lũng, Ký. Binh lính lập công, tướng tiến liền theo, tru diệt quân địch, đuổi chúng vào hang núi, dừng cảm chiến đấu, tên bay xuyên cổ. Mã Viện lại đem quân đánh dẹp quân Giao Chỉ, nơi đất đai nhiều chướng khí. Viện cùng vợ con từ biệt quyết chí một đi không về, không chút hối hận, rồi ông ta bình định toàn cõi xứ ấy. Trong thời gian chinh xứ nam ông có công lập ra Hãm Lâm hương, đưa dân ở đó làm ăn sinh sống bằng nghề nông nghiệp, chưa xong thì qua đời. Quan lính tuy đổ bệnh dịch, nhưng Mã Viện không riêng mình tồn tại. Phàm thâm nhập chưa chắc là thắng, không tiến chưa chắc là sai. Lòng người phải chỉ một mình Mã Viện đi làm việc triều đình hai mươi hai năm, phía bắc thì vượt biên giới vào tận sa mạc hoang vu, miền nam thì vượt sông vượt biển, vào nơi đầy lam sơn chướng khí, hiểm nguy mười chết chín, chỉ còn một, mất danh tiếng, mất hết tước hàm, nơi quê người xa lạ, khác với nước mình, người trong nước không biết gì về mình, nhân dân không ai nhắc đến nữa. nên tin tức thất thiệt, trong ba câu nhắc đến thì ít nhất có một câu xỏ xiên nói xấu, khi chết không được chôn vào nghĩa trang họ tộc của mình, người ta oán giận mà chỉ biết nói thầm với nhau, họ hàng sợ bị liên lụy, người chết rồi còn biện minh sao được. người sống cũng không cách tâu bày. Thần trộm thấy cảm thương. Mong nhà vua minh chủ cho tế lễ như là khen thưởng, thay vì dùng hình phạt. Ngày xưa vua Hán Cao tổ ban thưởng cho Trần Bình bốn cân vàng để ngăn cản quân Sở mua chuộc Trần Bình. Còn coi thường sức mạnh của tiền của hay không? Phàm nắm được chữ

trung của thầy Không, thì không thể tự tránh khỏi phải nghe những lời dùa nịnh nói xấu. đó là điều mà Sô Dương lấy làm khổ tâm nhất. Nay bệ hạ suy nghĩ những điều dạy bảo của nhà Nmho, không để bậc công thần nơi hoàng tuyền. còn phải ôm mối hận lòng. Thần nghe nghĩa sách “Xuân thu” cho rằng:

“Lấy công trừ tội; thờ tự bậc thánh vương, bề tôi có 5 nghĩa. Nếu Mã Viện nói rằng lấy cái chết ra phục vụ vua. Xin bệ hạ hợp công khanh bình luận công tội của Mã Viện, để hoặc là dẹp đi hoặc là nên biểu dương, nhằm an lòng người trong nước. Thần đã sáu mươi tuổi, thường thấy không xa hơn thôn làng, trộm thấy thương cảm khóc cái nghĩa của Bành Việt, buồn thương cho Mạo Trần, có công to chiến trận mà vắng tên nơi triều đình”.

Thư tới tay vua, vua buộc nghỉ việc, cho về làm ruộng.

TỬ LIÊU

Tử Liêu tự Kính Bình, thời nhỏ theo cha làm chức Lang, được vua Hán Túc tông rất tôn trọng. Bảy giờ Hoàng Thái hậu là người quản lý tiết kiệm (giản ước) mọi việc trong cung. Tử Liêu nghĩ chuyện mỹ nghiệp khó xong, bèn dâng sớ tâu lên Thái hậu ở cung Trường Lạc để khuyên chính sách thành đức, tâu rằng:

“Thần căn cứ vào các chiếu lệnh của các đời trước, khi bách tính thiếu đói đều bắt nguồn từ việc người ta đua nhau xa xỉ. Cho nên vua Hán Nguyên để bãi bỏ việc tu bổ cung thất, vua Hán Thành để phải đích thân giặt quần áo, vua Hán Ai đế giải tán ban nhạc cung đình. Nhưng chi phí xa xỉ không dứt, đến nỗi xã hội bị rơi vào cảnh loạn lạc, bách tính chạy theo hành động không làm theo lời nói nữa. Phàm việc cải tổ chính sách, và việc làm thay đổi phong tục, nhất định phải bắt đầu từ gốc. Truyện có câu: “Vua Ngô thích kiếm khách, bách tính bị nhiều vết sẹo; vua Sở thích nữ có eo thon (nhỏ), nên trong cung nhiều cung nữ chết vì nhịn đói”. Tục ngữ nói kinh đô

Trường An có câu: “Trong thành người ta thích búi tóc cao, bốn phương người ta búi tóc cao một thước; trong thành thích my dài, bốn phương để dài gần nửa trán; trong thành thích áo xiêm rộng, bốn phương dùng bốn khúc vải”.

Lời ấy như đùa, nhưng có phần nào gần đúng sự thực. trước thì giảm chế độ vị kỷ, sau thì có một ít không làm theo, tuy có viên quan không phụng pháp, cũng có thể do họ coi thường kinh sư. Ngày nay bệ hạ mình mặc vải dày, bỏ sự xa hoa, cần cầu tối giản, phát từ thánh tình, đây thật là trên hợp với lòng trời, dưới được lòng dân, phước lộc to lớn, chẳng có gì sánh được. Bệ hạ đã tự nhiên có được, thì nên cố gắng. Kinh Dịch có câu: “Nếu không thường giữ đức, thì chỉ kế thừa trong hồ thẹn”. Thật chỉ làm cho một điều này xong thì người khắp nước ca ngợi đức độ, tiếng thơm lan tỏa mọi nơi trong trời đất, thông đến thần minh, nặng hơn vàng đá, sá gì nhân tâm? Sá gì hành lệnh? Xin mời Chương ngồi bên cạnh, để thường nghe được tiếng. Thái hậu rất nghe theo.

TRÁC MẬU

Trác Mậu tự Tự Khang, người Nam Dương, được giới nhà Nho tiến cử, sau được thiên chuyển làm chức Mật lệnh.

Ông xem dân như con mình, làm việc tốt như giáo dục, chưa từng thốt lời ác xấu, thân tình với hầu hết với các quan và với dân chúng, không nỡ xem thường bất cứ ai. Dân thường có người nói Đình trưởng thường nhận gạo thịt dư thừa của họ. Mậu đuổi mọi người ra, hỏi riêng: Đình trưởng theo đòi các người à? Hay là người có việc nhờ vả mà phải nhận? Hay vì để bình định an cư cho dân mà Đình trưởng tự thi ân đòi hỏi? Dân nói: Chúng tôi thường cho đó mà! Mậu nói: Cho thì nhận, có gì nói sai? Dân nói: Trộm nghe minh vương hiền đức, là khiến cho dân không sợ quan, quan không lấy của dân. Nay chúng tôi vì sợ quan nên phải cho, quan đã nhận, cho nên chúng tôi mới nói! Mậu nói: Người là dân xấu vậy. Phàm người sở dĩ quý hơn loài

cầm thú ở chỗ có lòng nhân ái biết tương kính nhau. Nay đòi người già trong làng xóm, còn biếu tặng quà, đây chính là đạo làm người vì thể tương thân, hưởng chi quan lại cho dân ư? Quan chăm sóc dân không nên dựa vào uy quyền mà cưỡng ép cầu xin vậy. Phàm người sống ở chung chỗ lẫn lộn, nên có kính kỷ lễ nghĩa để mà giao tiếp. Người một mình không muốn tu sửa, sao có thể cao chạy xa bay, trốn tránh thể gian ư? Đình trưởng đòi hỏi làm tốt cho quan, hàng năm biếu tặng là giữ lễ. Dân nói: Nếu thế, có sao luật cấm? Mậu cười nói: Luật lập ra pháp chung, Lễ thuận ở tình người. Nay ta dùng lễ dạy người, chắc chắn không có oán ác, lấy luật trị người liệu người không có sai lầm chăng? Trong cánh cửa quan, 1 điều nhỏ cũng đáng bàn, lớn thì phải giết. Người hãy về suy nghĩ đi! Thế là người dân nghe lời; quan thì mang ân. Mật trị dân vài năm, giáo hóa đại đạo, ngoài đường không nhặt của rơi. Thời vua Bình đế, thiên hạ bị nạn châu chấu, hơn hai mươi huyện Hà Nam đều bị tai họa này.

LỖ CUNG

Lỗ Cung tự Trọng Khang, người Phù Phong Ông được quan Thái truyền Triệu Hi tiên cử. Lỗ Cung là người trực ngôn, được phong làm chức Trung Mâu lệnh. Lỗ Cung làm việc thường dùng đức hóa trong cai trị, không tin nhiệm các loại hình phạt. Người dân như nhóm Hứa Bá, tranh chấp ruộng đất nhiều năm không xong, vì quan không thể quyết định được, Lỗ Cung phân tích khúc chiết, ngay thẳng, họ nghe ra xin rút đơn về tự thu xếp, việc cho mượn trâu bò cày bừa ruộng đất rồi không đem trả cho người chủ, nhưng vị Đình trưởng dung túng bên người mượn, không chịu trả, người chủ trâu bò kiện lên quan Lỗ Cung. Lỗ Cung cho đòi viên Đình trưởng, ra lệnh trả trâu bò; vì ra lệnh mà người ta không làm theo, Lỗ Cung cất tiếng than thở: “Dân không tuân theo giáo hóa”, rồi tính trả án quan xin về nhà. Các viên phụ tá đều khóc lóc ra sức khuyên can giữ ông lại, Viên Đình trưởng dần cảm thấy hối hận, cho trả trâu bò lại nơi cũ. Rồi đến xin thú tội.

Được tha cho không hỏi tội, Từ đó Lỗ Cung được quan dân tin tưởng nghe lời. Vào niên hiệu Kiến Sơ thứ bảy, quan Hà Nam Doãn là Viên An nghe thế, trong bụng còn hoài nghi là không có thực, cử quan phụ tá mình Phì Thân đi xem xét thực tế. Lỗ Cung đi theo bờ ruộng, ngồi dưới tàng cây dâu.

Có con gà đi tới đứng bên cạnh, cạnh gà có cháu bé. Phì Thân hỏi:

“Sao cháu không bắt con gà?”

Cháu bé nói rằng gà còn nhỏ, đột nhiên Phì Thân đứng lên, nói với Lỗ Cung:

“Đến đây là để xem xét thành tích việc trị dân. Nay điều lạ thứ nhất là kẻ ngu xuẩn không phạm cảnh; điều lạ thứ hai việc giáo hóa đến loài chim thú, điều lạ thứ ba là trẻ thơ đã có đức nhân từ, Ba điều lạ ấy, là nơi coi trọng người hiền tài”.

Khi trở về phủ Hà Nam, Phì Thân báo lại cho Viên An. Năm ấy được mùa lúa, Viên An dâng thư tâu vua, Nhà vua lấy làm lạ.

QUẢN THU' TRỊ YẾU

QUYỂN 22

*Nhóm Bí Thư Giám, Cự Lộc Nam Thần Ngụy Trưng vâng lệnh vua
Đường Thái Tông biên soạn.*

HẬU HÁN THU' (2)

TỔNG HOÀNG

Tổng Hoàng tự Trọng Tử, người Trường An, ông là người nổi tiếng thông bác nên thường được vua Hán Thế tổ hỏi chuyện, Tổng Hoàng tiến cử Hoàn Đàm người nước Bái, biết nhiều và có tài học, tài năng sánh với các nhà nổi tiếng bấy giờ như Dương Hùng, cha con Lưu Hưong. Bấy giờ, vua vời Hoàn Đàm, phong chức Nghị lang Cấp sự trung. Mỗi khi hội họp tiệc tùng nhà vua đều đòi có ban nhạc, ham nghe nhiều loại âm thanh, Tổng Hoàng biết thế không vui, hỏi hận đã tiến cử Hoàn Đàm lên vua. Nhìn Hoàn Đàm từ trong đi ra, mặc triều phục, ngồi nơi làm việc, bảo quan phụ tá triệu tập. Đàm đến, khiêm nhượng không dám ngồi.

Tổng Hoàng nói:

“Ta tiến cử ông là muốn ông đem đạo đức phụ giúp quốc gia. Nhưng ông lại đem âm nhạc đòi trụ của nước Trịnh, về triều làm loạn thơ Nhã, thơ Tụng, không trung chính chút nào cả. Có thể tự cải tiến sao?

Hoàn Đàm cúi đầu từ tạ, Lâu sau, vua tổ chức họp đại hội quần thần, vua sai Hoàn Đàm tấu nhạc, Hoàn Đàm tìm gặp Tổng Hoàng, lúng túng khác với phong cách thông thường. Nhà vua lấy làm lạ mới hỏi, Tổng Hoàng gỡ mũ thưa rằng:

“Việc thần tiên cử Hoàn Đàm, mong có thể dùng tính trung chính giúp vua, nhưng lại du nhập âm nhạc đòi truy từ nước Trịnh vào triều đình, là tội của thần”.

Sắc mặt nhà vua trở lại hòa hoãn nói lời cảm tạ, khiến tình hình dịu lại.

Sau đó Hoàn Đàm không làm Cấp sự trung nữa. Tống Hoảng lại tiếp tục tiến cử tới hơn ba mươi vị hiền sĩ, có người về sau làm chức công khanh. Có lần vua ngồi bên bức bình phong thì đòi Tống Hoảng vào làm việc vừa ăn uống cùng vua. Bình phong vẽ các vị phụ nữ đẹp, vua mấy lần ghé sát nhìn.

Tống Hoảng nghiêm chỉnh nói:

“Chưa thấy có ông vua nào háo đức như háo sắc cả”.

Nhà vua tức thì cho xóa các tấm hình nữ sắc ấy, cười bảo Tống Hoảng rằng:

“Văn nghĩa rất tốt, chứa đựng đức khí, quần thần không ai theo kịp”.

Nhà vua còn nói:

“Vẽ các hình ấy làm gì”.

Tống Hoảng được gọi đến, vua giới thiệu Tống Hoảng chủ tọa bữa tiệc phía sau bức bình phong, nhân đó bảo Tống Hoảng rằng:

“Ngạn ngữ có câu: ‘Sang quý dễ giao tiếp, giàu có dễ lấy vợ’, nhân tình đó sao?’. Tống Hoảng nói: “Thần nghe rằng ‘cai trị dân nghèo không bị rút chức, cưới người vợ nhà nghèo không sợ bị phản bội’”.

Nhà vua bảo công chúa rằng:

“Sự đời không phải chuyện đùa vậy”.

Vi Bưu tự Mạnh Đạt, người Phù Phong, được phong chức Đại Hồng lô, Bấy giờ việc trình bày công việc, phần lớn các quận quốc đề ra, không theo một thứ tự nào nên việc xử lý thường trễ nải, mà việc quan cũng rất sơ sài, lỗi do ở địa phương châu quận.

Trong các cuộc họp triều đình Vi Bưu nói:

“Đức Khổng Tử bảo: “Người phụng dưỡng cha mẹ chí hiếu thì thờ vua cũng rất trung nghĩa”. Có nghĩa là tìm trung thần ở trong các gia đình có con cháu hiếu đễ. Kẻ sĩ nên trước hết dùng tài năng điều hành đất nước, không thể sống giàu sang nhà cao cửa rộng, không vì được hưởng hai ngàn thạch lúa...”.

Nhà vua nghe theo. Vi Bưu thờ hai đời vua, người đời sau cho là ông đã quá khắc khe trong việc dùng người, ông lại tuyển người bổ trí chức quan, không nhất thiết chọn người có tài năng, ông dâng sớ can vua, sớ rằng:

“Người nông dân vì mùa màng nên việc thời vụ rất bức thiết gấp gáp, mà giới quan lại hà khắc lại cướp lấy thời giờ của họ, huy động nhân lực không đúng lúc; phú thuế cho công khổ đã cao mà bọn quan tham lại còn vơ vét vĩnh, cắt bớt tài sản của họ. Đó là chỗ lo nhất của thần. Lại nữa, muốn giao nhiệm vụ cho ai thì trước hết thường nên bỏ qua hết những gì khiến người ấy lo lắng. Điều chủ yếu nhất ở chỗ quan Thượng thư, mà lẽ nào không coi trọng việc tuyển quan Thượng thư? Xưa nay phần đông các vị ấy thường được đề bạt từ các vị làm chức Lang, Họ tuy hiểu thông văn pháp, từng ứng xử, quen với các việc lặt vặt, hoàn toàn không thuộc những việc quốc gia đại sự, tuy tiến thoái có vẻ thông thả, chậm chạp, nhưng không bị trễ, làm việc chu đáo cẩn thận đúng chức vụ, vì lòng thành hướng đến cái chung. Thời xưa, nước Sở làm nhà ngục to, bổ trí quan lệnh sử để phụ giúp cho các quan Lang, mà toàn là loại tiểu nhân, ham lợi nên gian tà. Người ngày nay chuyên làm cho gọn vụ việc. Lại còn có chức quan Giám nghị, theo cách sử dụng bậc sĩ ngay thẳng chí công, chính trực, có đóng góp

củng cố triều đình. Ngày nay, hoặc theo chế độ khảo thí, hoặc khảo sát trong hàng ngũ các quan Đại phu, hoặc các quan Ngự sử đã từng thuyên chuyển làm việc nơi các quận quốc, các châu quận tự động đề cử, đều nên bổ nhiệm chức Thượng thư. cấp bổng hai ngàn thạch cho mỗi vị, thì tốt đẹp cả, mà làm cho yên lòng quan dân, nên tăng trật với trọng thưởng, đừng quên thiên chuyển. chỉ lưu ý thánh tâm”.

Thư tâu lên vua, vua cho làm theo.

ĐỖ LÂM

Đỗ Lâm tự Bá Sơn, người Phù Phong, làm chức Quang lộc huân, vào niên hiệu Kiến Vũ thứ mười bốn, quần thần tâu vua:

“Thời cổ nhục hình rất uy nghiêm, thì dân sợ mà tuân thủ pháp lệnh. Ngày nay hiến chương sơ sai nên bị bọn gian tà coi thường không kiêng kỵ gì. Ta nên tăng các điều cấm đoán, đề phòng ngay từ nguồn gốc”.

Vua ban chiếu cho các quan công khanh. Đỗ Lâm tâu rằng:

“Phàm nhân tình bị khuất phục, thì thuần phong nghĩa tiết thương tổn; luật pháp phòng ngừa đầy đủ thì tránh được những hành động điên rồ phát tác. Khổng Tử bảo: “Lấy chính đạo dẫn dắt, lấy hình phạt mà khuất phục, dân khỏi tội mà không có liêm sỉ; lấy đức mà dẫn dắt, lấy lễ mà khuất phục, dân có liêm sỉ còn có phong cách. Cho nên các bậc minh vương thời xưa, hiểu sâu nghĩ xa, chuộng đời sống có hậu mà không coi nặng việc xử phạt. Nhà Chu có chế độ ngũ hình, không nhiều hơn ba ngàn. Khi nhà Đại Hán vừa lập, xem xét được mất các thời trước, mà bỏ vuông theo tròn, bỏ chạm trở rắc rối, chuộng đơn giản ngang ngay sỗ thẳng, dẹp sạch các chính sách hà khắc, lập nên các cấm kỵ giản dị được nhân dân trong nước hoan hỉ, Đến các đời sau, dần dần theo lối từ chương, khiến phát sinh nhiều lỗi, sai lầm.

Quà biếu quen thì biến thành ăn hối lộ; từ chuyện nhỏ thành lớn tội. Khi người trong nước coi chuyện vô liêm sỉ là thường, đến nỗi pháp luật không thể cấm, quan trên lại dưới a dua bảo vệ nhau làm vậy thì bệnh tệ lậu càng nặng. Thần ngu cho rằng nên làm theo cữ chế”. Nhà vua nghe theo.

HOÀN ĐÀM

Hoàn Đàm tự Quân Sơn, người nước Bái, làm chức Nghị lang Cấp sự trung.

Khi vua bảo ông trình bày việc cai trị thì ông nói:

“Thần nghe rằng sự hưng phế của quốc gia, tại nơi chính sự, chính sự được mất, do ở các phụ tá đủ tài đức hay không.

Phụ tá cho vua mà hiền đức thì người tài năng hiện diện khắp triều đình, việc cai trị hợp tình hợp lý hợp thể vụ; Còn phụ tá kém cỏi thì xét sai tình hình, thất thời nghi, làm nhiều việc sai trái. Phàm các nhà vua đều muốn giáo hóa dân mình theo điều thiện, nhưng không phải trong việc cai trị đều hợp lý cả, cái gọi là hiền giả biết cách thay đổi. Được gọi là cai trị giỏi là biết rõ tập tục mà thực thi việc giáo hóa, khảo sát chỗ bị mất mà thiết lập phương pháp đề phòng, càng đẩy mạnh oai đức, lần lượt khi dùng văn khi dùng võ, sau đó cần điều chỉnh theo thời vụ mà người nhạy cảm có thể xác định được cả. Ngày xưa ông Đồng Trọng Thư bảo rằng: “Việc cai trị đất nước giống như một ban nhạc hòa tấu. khi đã không hòa điệu được thì nghe chói tai ngay; phàm chói tai thì khó hòa tấu được, nên người ta phải cho ngừng tấu. Vì thế người tài như Giả Nghị lại bị đuổi việc, người nhiều mưu trí như Triều Thác lại bị tử hình. Thế nước tuy mỗi thời mỗi khác nhau mà cuối cùng người ta không dám bàn luận vì sợ bị nạn như những chuyện ngày xưa, chuyện Giả Nghị, Triều Thác vậy. Vả lại, chuyện thiết lập ra phép cấm, không có khả năng diệt được hết được những chuyện gian tà trong thiên hạ, khiến mọi người dẹp bỏ hết dục vọng, đem lại ích nước lợi nhà ngay

lập tức được. Còn nữa, chuyện lập ra pháp lệnh nhằm quyết định việc quốc gia đại sự, nặng nhẹ mỗi chuyện không giống nhau thì hoặc là mỗi việc có cách xử lý riêng, cùng một tội nhưng luận tội khác nhau, quan lại gian tham được dịp về vùi, nếu muốn sống thì luận cho sống, nếu không chạy thì coi như chết. Đó là hai công hình pháp vậy. Ngày nay có thể lệnh cho việc thông nghĩa lý, việc minh tập pháp luật, hiệu định khoa tử, thứ nhất là pháp độ của nó, ban bố xuống các quận quốc, trừ sạch các điều luật cũ. Làm như thế thì thiên hạ hiểu phương cách, mà kẻ bị tù ngục không còn tình cảnh oán hận tràn lan nữa”.

Thư tới tay vua, vua không có ý kiến gì. Bấy giờ nhà vua tin theo bói toán, nhiều vụ không dám quyết định vì còn nghi ngờ.

Hoàn Đàm lại dâng sớ tâu rằng:

“Ngày nay xuất hiện nhiều người kém tài mà giỏi kỹ xảo, phát hành đồ thư, giả xưng sấm ký, để mê hoặc bọn tham tà, lừa dối nhà vua, thì sao về lâu dài khỏi sai sự thật! Sự việc tuy có khi đúng, ví như chuyện bói toán, có khi ngẫu nhiên. Bệ hạ nên kế thừa minh đức, phát thánh ý, ngăn các thuyết công vạy của lũ tiểu nhân, thuật bày chính nghĩa của ngũ kinh, bổ sung tục ngữ của Lôi Đồng, vạch rõ cho mọi người”.

Nhà vua đọc bằng tâu, càng không vui lòng, sau đó ban chiếu, họp quần thần ở Linh Đài.

Nhà vua bảo Hoàn Đàm rằng:

“Ta cũng dùng theo sấm quyết, như thế nào? Hoàn Đàm làm thỉnh hồi lâu rồi mới nói: “Thần không đọc sấm ký”.

Nhà vua hỏi vì sao, Hoàn Đàm trả lời vì sấm ký không thuộc kinh điển nhà Nho, nhà vua nổi giận nạt: “Hoàn Đàm vô phép, không coi ai ra gì, đáng bị chém đầu”. Hoàn Đàm dập đầu lạy đến trán chảy máu, hồi lâu vua mới nguôi ngoai, tha chết. Đầy đi làm chức Quận thừa quận Lục An, sống buồn khổ,

sau chết bệnh.

PHÙNG DIỄN

Phùng Diễn tự Kính Thông, người Kinh Triệu. Vào niên hiệu Canh Thủy thứ hai, cử quan Thượng thư bộc xạ. Bào Vĩnh làm chức Đại tướng quân, dẫn quân đi an tập miền Bắc. Rồi dùng Phùng Diễn lập làm Hán tướng quân, cùng với quan Thái thú Thượng Đảng là bọn Diên Ấp tập trung sửa chữa gươm giáo áo giáp dưỡng sĩ, bảo vệ lãnh thổ. Đến khi vua Hán Thế tổ tức vị, sai quan Tông chính là Lưu Duyên tiến công cải ả Thiên tỉnh quan, Bào Vĩnh, Phùng Diễn cùng với Diên Ấp đánh nhau hơn mười trận. Sau đó tướng Diên Ấp được tin quân Canh Thủy (Vương Mãng) thua, bèn cử sứ giả chiêu an Bào Vĩnh, Phùng Diễn, nhưng Bào Vĩnh, Phùng Diễn đều nghi ngờ, không chịu đầu hàng mà còn giận Diên Ấp về lần bội ước trước đó. Phùng Diễn để lại thư cho Diên Ấp.

Thư rằng:

“Diễn này nghe rằng, làm bầy tôi, không nên có hai lòng, thờ hai chúa; Do đó mới nói rằng nên trong không có họa đâm cổ, bên ngoài không có cái lợi của Đào, của Lai, như bị tiếng của người cùng giường kêu gọi, mà dâng thành đầu hàng, trộm cảm thấy hổ thẹn với kẻ dưới nên thẹn với đám tả hữu vì cái liêm sỉ”.

Bấy giờ, người ta đồn thổi rằng Canh Thủy (Vương Mãng) theo Xích Mi ở đất Bắc, Bào Vĩnh, Phùng Diễn tin theo, nên trú binh nơi biên giới nghỉ ngơi, rồi gửi thư cho Thượng Đảng, thư rằng: “Nhà vua đang ở tại đất Úng, để thu phục nhân tâm”.

Nghe ngóng tình hình mới biết Triều đại Vương Mãng (Canh Thủy) đã chấm dứt là thật. mới chịu bãi binh, ra hàng ở Hà Nội. Nhà vua không ưa nhóm Phùng Diễn, nhưng riêng Bào Vĩnh khéo léo lập công chuộc tội, nên được nhiệm dụng,

nhưng Phùng Diễn thì bị biếm truất. Bào Vĩnh viết thư cho Phùng Diễn, thư rằng:

“Ngày xưa vua Hán Cao tổ thưởng tội của Quý Bố, giết Đinh Cố dù có công. Ngày nay gặp được minh chúa, sao còn lo rầu!” Phùng Diễn nói: “sách có câu: ‘Phạm thiên mệnh thì khó biết được, nhân đạo thì dễ giữ, bầy tôi giữ đạo, đâu có sợ chết?’” Sau đó nhà vua cử Phùng Diễn làm chức lệnh ở Khúc Dương, bắt giết bọn cướp Quách Thắng, gọi hàng hơn năm ngàn người; luận công đương phong, do có lời chống đối nên việc phong thưởng không thực hiện được.

Vào niên hiệu Kiến Vũ thứ sáu, xảy ra hiện tượng nhật thực, Phùng Diễn dâng thư trình bày 8 việc: Việc thứ nhất làm rõ đức sáng, việc thứ hai làm cho quân đội mạnh, việc thứ ba tu bổ công trình, việc thứ tư chiêu tập nhân tài, việc thứ năm phân biệt tốt xấu, việc thứ sáu đơn giản pháp lệnh, việc thứ bảy phong trật ban lộc khác nhau tùy công trạng, việc thứ tám võ trang giữ biên cảnh.

Thư đến tay vua, vua cho mời gặp mặt. Ban đầu phong Phùng Diễn làm chức Lang, Mạnh trưởng, đem tội xúi hãm Đại tính lệnh Cô Lược, bấy giờ Lược làm chức Trưởng sử Tư không, sàm tấu đến tai quan Thượng thư lệnh Vương Hộ, quan Thượng thư Chu Sinh Phong nói: “Phùng Diễn sở dĩ cầu gặp là muốn chê vua đây”. Bọn Vương Hộ lo sợ, tức thì cũng bày cách ngăn Phùng Diễn, bèn không được vào. Về sau, quan Hậu Vệ úy Âm Hưng, quan Tân Tứ hầu Âm Tụ, nhờ là bên ngoại vua nên được phú quý vinh hiển, rất kính trọng Phùng Diễn, nên Phùng Diễn giao du thân mật với nhóm ngoại thích ấy, được các tước vương ấy mời mọc tiệc tùng cùng nhau, con cháu được vào tùng sự tại các cơ quan Tư lệ. Đến khi nhà vua trừng trị tân khách của nhóm ngoại thích Tây kinh, thì Phùng Diễn cũng bị đắc tội, thường tự đến ngục, có chiếu xá tội, trở về cố quận, đóng công tự tu tỉnh, không giao du với bất cứ ai nữa. Vào cuối niên hiệu Kiến Vũ, Phùng Diễn dâng sớ tự phân trần rằng:

“Thần nhớ lại sách lược của đấng Cao tổ nhà Hán ta,

sử dụng mưu kế của Trần Bình, bỏ chỗ xa (người khác họ), tôn vinh chỗ gần (bà con). Dùng cái sáng suốt của Văn đế, dùng lòng trung trinh của Ngụy Thượng, chỉnh sửa thành phép tắc để làm cơ sở buộc tội, thưởng công. Chờ đến gần cuối nhà Tây Hán, thầy Đồng Trọng Thư đưa ra vấn đề đạo đức, trái với Công Tôn Hoảng; Lý Quảng giữ được khí tiết ở nước Hung Nô, cách điều quân nơi Vệ Thanh. Các tấm gương ấy thường khiến thần rơi lệ khi nhớ lại. Thần Phùng Diễn tự cho mình thuộc thân phận nhỏ mọn, trên không người đỡ đầu, dưới không có những người như Phùng Đường, những người có cái tài của Đồng sinh, cái thế của Lý Quảng, Tiên tổ của Phùng Diễn này, dùng tấm lòng trung trinh, mà thành cái tai họa riêng cho gia tộc mình. Thần Phùng Diễn lại sống vào thời nhiều nhương, trong cơn lửa loạn binh cách, đâu dám cầu cái thế lợi, thờ vua không có cái mưu trí dẹp bọn tà nguy, làm tướng soái mà không có cái tâm giết giặc. Vệ úy Âm Hưng, kính thận chu đáo chặt chẽ, bên trong nội bộ thì tự tu cảnh tĩnh, bên ngoài thì giữ lòng hiềm nghi, nên vẫn giữ liên lạc, Âm Hưng biết nhà thần nghèo, mấy lần muốn thay đổi bản nghiệp, nhưng thần tự biết mình không có cái tài Tam ích, thì không thể được ở nơi đất am tồn. Cho nên từ chối không dám nhận. Ngày xưa, vào thời Canh Thủy, theo chức tước mà hưởng lộc, hơn hai mươi năm, mà tài sản không nhiều, nhà vẫn nghèo, vải lụa của cải không có dư để dành, không sắm nổi xe ngựa riêng, Ngày nay, vào thời buổi đất nước thanh bình, ai ai cũng ra sức làm ăn, mà oán thù càng cao, lời quở trách om sòm. Bậc phú quý dễ làm việc thiện, bọn nghèo hèn khó lập nên công trạng gì. Bầy tôi xa xôi khó mong được thân cận triều đình, lo sợ xin tự trình bày, may mà được tha tội”.

Thư đến tay vua, nhưng cũng như thư trước đều không được vua chú ý sử dụng.

THÂN ĐỒ CƯƠNG

Thân Đồ Cương tự Cự Khanh, người Phù Phong, chuyển làm chức Thượng thư lệnh. Thế tổ thường thích đi ra ngoài du ngoạn, Thân Đồ Cương cho là hai xứ Lũng, Thục chưa yên, không nên du ngoạn đến đó. Trình bày không được vua nghe, Thân Đồ Cương bèn cho chèn bánh xe, vua mới chịu ngừng. Bảy giờ, các quan trong triều ngoài địa phương phần đông đều do tự tay vua tuyển bổ, tuyển chọn rất kỹ pháp lý nghiêm cẩn, các quan làm việc nhưng quá cực khổ, Các quan Thượng thư cận thần, chỉ biết âm thầm làm theo ý vua, quần thần không dám nói thẳng. Thân Đồ Cương thì khác, thẳng thắn can gián vua, còn dám mắng cả Hoàng Thái tử, khi còn ở Đông cung, làm tốt vai trò dạy dỗ nên Thái tử sau này là người có đức.

BÀO VĨNH

Bào Vĩnh tự Quân Trường, người Thượng Đảng, cha là Bào Tuyên bị Vương Mãng giết, thờ mẹ kế rất có hiếu, người vợ hay mắng chửi trước mặt mẹ kế, Bào Vĩnh tức thì bỏ vợ. Vì Vương Mãng cho Bào Tuyên không theo phe mình muốn diệt hết con cháu Bào Tuyên, nhưng quan Thái thú hết sức can gián bảo lãnh nên Bào Vĩnh được cho làm một chức quan. Hồi niên hiệu Canh Thủy thứ nhì, Bào Vĩnh được trưng làm chức Thượng thư bộc xạ, chuyên việc của một quan Đại tướng quân, chỉ huy tướng binh, an tập Hà Đông, bao gồm cả hai bộ Châu và Sóc. Khi vua Hán Thế tổ tức vị, cử quan Giám nghị Đại phu Trừ Đại Bá giữ tiết trưng tập Bào Vĩnh, Bào Vĩnh mới quan hệ với Đại Bá, sai sứ đến tận kinh đô Trường An. Nên nhớ là Vương Mãng (Canh Thủy) vừa qua đời, nhóm Trừ Đại Bá phát tang, phong Trừ Đại Bá chức Thượng tướng quân giữ ấn liệt hầu, tất nhiên bãi binh, Bào Vĩnh đầu vắn khăn, cùng với chư tướng và hơn trăm người bạn đồng tâm, đi Hà Nội. Nhà vua hỏi Bào Vĩnh rằng:

“Người đi với khanh là những ai vậy?”. Bào Vĩnh rời chỗ ngồi khầu đầu lạy thưa:

“Lúc thần phục vụ Canh Thủy, không hoàn thành một việc nào cả, mong dần dần họ cùng thần được hưởng phú quý, nên họ theo thần đến đây ra mắt bệ hạ”.

Vua nói:

“Khanh nói quá”.

Ý vua không hài lòng, nhưng vua vẫn bổ nhiệm Bào Vĩnh làm chức Tư lệ hiệu úy huyện Bá Lăng. Đường đến huyện Bá Lăng ngang qua mộ vua Canh Thủy (Vương Mãng), Bào Vĩnh cho xe theo bờ ruộng vào thăm mộ Vương Mãng, lính hầu bảo không nên, Bào Vĩnh nói:

“Đi ngang qua mộ vua như đích thân triều kiến vua (bắc diện), sao lại không lạy cho được? Dù bị khép tội, quan Tư lệ lễ này không thể không làm”.

Rồi xuống xe lạy mộ Vương Mãng, khóc lóc rất thảm thiết trước khi đi tiếp. Tây đến Phù Phong, Nhà vua nghe báo cáo, ý bất bình hỏi các quan công khanh, rằng:

“Phụng mệnh đi sứ như thế là thế nào?”.

Quan Thái trung Đại phu là Trương Thâm trả lời rằng: “Người có đức nhân thì hành chi tông, người trung thành

sống có nghĩa. Người nhân không bỏ gốc cũ, người trung trinh thì không quên vua cũ, hành vi cao thượng hơn người vậy”.

Trong bụng nhà vua thích tư cách của Bào Vĩnh. Luận rằng:

“Bào Vĩnh giữ nghĩa với chúa cũ, thì cũng có tình nghĩa đối với chúa mới. Thật hổ thẹn cho những người nhận được ân sủng, thậm chí nhận được ân sủng lớn. Nếu nói ơn đền oán trả, nhưng sao chưa có dịp? Thành thật có thể thích lợi dĩ tuần đạo, cư phương dĩ tùng nghĩa, chỉ khái quát người quân tử.

CHẤT UẨN

Chất Uẩn tự Quân Chương, người Nhữ Nam, được làng xóm tiến cử Hiếu liêm, được triều đình phong tước Thượng Đông thành môn hầu. Nhà vua thường ra khỏi thành đi săn bắn, đến tối mệt xa giá mới trở về, Chất Uẩn cho đóng cổng thành không cho mở. Nhà vua sai quân hầu tìm cổng thành khác. Nhà vua đành cho quay trở lại, đi vào cổng Đông trung môn. Hôm sau, Chất Uẩn dâng thư can gián vua.

Thư rằng:

“Bệ hạ đi săn bắn nơi núi rừng xa xôi suốt đêm đến sáng, bỏ bê xã tắc tông miếu. Thú dữ gió mưa sông suối, không biết giới hạn, khiến tiểu thần rất lấy làm lo lắng”.

Thư đến tay vua, vua thưởng cho hàng trăm tấm vải, biêm truất quan Trung môn hầu làm Tham phong úy.

QUÁCH CẤP

Quách Cấp tự Tế Hầu, người Phù Phong, thời Vương Mãng, làm chức Tính Châu mục, vào niên hiệu Kiến Vũ thứ chín, được phong chức Thái thú Dĩnh Châu, vào niên hiệu Kiến Vũ thứ mười một, ông được điều làm Thứ sử Tính Châu. Trong lần dự tiệc triều đình có vua dự, nghe người ta bàn chuyện tuyển bổ các chức quan, Quách Cấp nói rằng người hiền tuấn trong thiên hạ, không nên dùng người ở xứ Nam Dương. Nhà vua nghe theo, trước đây Quách Cấp đã làm những việc mà người dân ở đó mang ơn, sau đến đó thì đông đảo người già người trẻ ở Tính Châu, dất nhau, đón rước nơi đường đi, ông thăm hỏi đời sống cực khổ của dân cư địa phương, lễ kính đối với những cụ tuổi cao đức trọng, mời tham gia việc cai trị. Ngày đầu đến nhiệm sở, Quách Cấp đến bãi đất bên bờ sông Tây hà ở đó có hàng trăm đứa bé đang chơi trò chơi trúc mã, nơi đường lộ làm lễ nghinh bá.

Quách Cấp hỏi chúng:

“Các cháu từ đâu đến đây? có xa lắm không?” Một đứa đáp:

“Được tin Sứ quân đến, chúng con rất mừng rủ nhau đi đón chào”.

Quách Cấp nói lời cảm tạ. Khi Quách Cấp xong việc ở đó, các cháu bé lại kéo đến tiễn đưa Quách Cấp đến bên ngoài thành, hỏi Sứ quân ngày nào trở lại, Quách Cấp tính ngày rồi hai bên cáo từ. Khi trở lại, Quách Cấp hẹn gặp các cháu bé trước một ngày nơi đồng ruộng, hôm sau mới vào thành.

PHẦN HOÀNH

Phần Hoành tự Mĩ Khanh, người Nam Dương. Vai cậu vua Hán Thế tổ. Phần Hoành là người mềm mỏng, khiêm tốn cẩn thận, không mong được cất nhắc tước trật. Thường răn dạy con rằng: “Phú quý giàu có, chưa từng có kết cục tốt, ta không thích vinh hoa phú quý. Đạo trời ghét đầy đủ mà thích tính khiêm tốn giản dị. Các nhà quý thích thời trước đều răn dạy con cháu rất rõ. Giữ thân cho trọn, chẳng là sung sướng rồi sao? “. Con cháu ông đều thâm nhuần giáo hóa, chưa từng phạm pháp, được nhà vua rất tôn trọng.

ÂM THỨC

Am Thức tự Thứ Bá, người Nam Dương, là anh của Hoàng hậu Quang Liệt, cầm quân đi chinh phạt lập được quân công nên được phong tằng, Âm Thức khấu đầu nhún nhường nói:

“Thiên hạ vừa yên định, tướng soái có công rất đông, thần thuộc lớp sau, không dám nhận tước phong đột đầu, vì như vậy nhà vua khó trị thiên hạ”.

Nhà vua rất khen ngợi.

ÂM HUNG

Âm Hung tự Quân Lăng. Là em trai Âm Thức, Hoàng hậu triệu Âm Hung, muốn phong tước, bày dây thào ấn ở trước. Âm Hung cố từ chối nói rằng:

“Thần không lập được công lao chiến trận, mà cả nhà nhiều người được phong tước cấp đất, nay bị cả thiên hạ oán vọng, Thần được nhận ân trách của bệ hạ rất hậu, phú quý cực kỳ, không thể hơn được”.

Nhà vua khen tính khiêm nhường của Âm Hung. Tiền tài không làm mất chí của ông.

Quý nhân hỏi nguyên do, Âm Hung nói:

“Quý nhân không đọc sách sao? Khổ nỗi, bà con phía ngoại vua không biết mình là ai, không khiêm tốn, gả con chỉ muốn gả cho nhà tước vương, tước hầu phú quý, cưới dâu thì muốn dâu là công chúa, mê muội lâu thành ra bất an. Phú quý có giới hạn, nên đáng lẽ con người nên biết đủ, Khoe khoang xaxi, chỉ có hại cho mình”.

Qua đó, Quý nhân hiểu ra tự ý thàm bót yêu sách đòi hỏi này nọ, hết xin xỏ tước vị quyền lợi cho họ hàng nhà mình. Về sau nhà vua muốn bổ nhiệm Âm Hung thay Ngô Hán làm chức Đại tư mã, Âm Hung cúi đầu lạy khóc xin từ nhường, tâu rằng:

“Thần không dám tiếc tằm thân, mong sống đạo đức lâu dài, không dám làm gì quá tằm của mình”.

Ông sống hiền lành, ai cũng thương Nhà vua nghe theo, không ép.

CHU PHÙ

Chu Phù tự Thức Nguyên, người nước Bái, làm chức U Châu Mục. Sau khi Quan Thái thú Ngư Dương là Bành Sủng bị thất bại, vua Hán Thế tổ bổ nhiệm nhiều quan

Trưởng sử nhị thiên thạch đều không đảm nhiệm được, bấy giờ người ta quá tin vào bói toán sấm vi, tin đủ chuyện người ta bàn mà không tự tin, nhân dân láo nháo sinh sống không yên. Vào niên hiệu Kiến Vũ thứ sáu, xảy ra hiện tượng nhật thực.

Chu Phù nhân đó dâng sớ tâu rằng:

“Thần nghe rằng mặt trời là tổ gốc của các dương, như vai trò của một nhà vua vậy. Phàm người làm quan trị dân, làm chủ một quận một huyện, đều xem dương là đứng đầu, là cao nhất, lớn nhất. Nếu dương ở trên không sáng, tức là nếu hiện vị tôn trưởng không đủ tầm, thì động đến tam quang, ảnh hưởng đến vương triều. Bệ hạ tha thiết cầu khẩn để nhân dân khỏi bị họa độc, giúp giảm nhẹ thuế khóa cho nhân dân. Ngày nay, các vị quan chặn dân, phân đông chưa xứng chức, trái nhỏ mà trị tội lớn, há không phân biệt trắng đen? Tuy lấy thời Nghiêu, Thuấn thịnh trị vẫn nhờ thêm ba lần khảo xét. Nhà Đại Hán ta hưng thịnh cũng tích lũy nhiều công việc có hiệu quả, quan lại đều biết nhìn ra cái lợi cái hại, lấy kinh nghiệm làm quan lâu dài của mình, chỉ bảo con cháu biết mà tránh. Hiện thời các quan chức, đều có khả năng cai trị cả hay sao? Trong hội họp báo cáo liệu họ có nói quá hay không? Lấy cái công lao của trời đất, không thể vội vàng, sự nghiệp gian nan phải thường tích lũy vậy”.

TRẦN NGUYỄN

Trần Nguyên tự Trưởng Tôn, người quận Thương Ngô. Người cha làm chức Lang. Bấy giờ quan Đại tư nông Giang Phùng tâu vua nên ra lệnh cho quan Tư lệ hiệu úy đốc sát Tam phủ. Trần Nguyên dâng sớ nói rằng:

“Thần nghe rằng đế là thầy của bầy tôi, bá chủ là khách của bầy tôi, cho nên vua Chu Vũ vương lập đại công nên được tôn làm bậc thầy, vua Tề Hoàn công tôn Quản Trọng (Di Ngộ) là Trọng phụ nên được tôn làm bá chủ. Gần đây Đức Cao đế coi trọng lễ phong quan Tướng quốc, nhân mạnh đến quyền hành

của chức Tể tướng. Đến khi diệt xong nhà Tần của Vương Mãng, là thời kỳ nhà Hán bị trung suy, chính quyền nhà Hán tập trung vào việc lấy lại nước, thu tóm thiên hạ, còn kể chi những việc vặt vãnh ví như chuyện bất tín quần thần, nhiệm vụ đoạt công phụ, tôn uy cho quan Tể tướng, minh dụng thứ cử, nhiều vụ việc vụn vặt khác... Tuy không thể cấm bọn Đồng Trung âm mưu, thân vi thế lục. Cho nên bậc nhân quân đều lo vì tự kiêu, không lo bày tội kiêu; thua mất là tại mình làm, không phải do người mình giao làm. Vì thế mà có cảnh vua Văn vương cần cù làm việc đến quá trưa khi ông mặt trời đã ngả bóng, ông Chu công đang ăn vội nhả cơm để tiếp đón nhân tài, không chút kiêu cách, chỉ muốn được việc. Như tình hình hiện nay, bốn phương còn rối loạn, thiên hạ chưa thống nhất, bách tính đang nghe ngóng so đo, mở to hai con mắt, vênh cao hai lỗ tai, thì bệ hạ nên noi theo các thánh điển văn, võ, học tập đức độ của tổ tông lưu truyền lại, chịu khó đề cao các bậc tài đức, khiêm tốn chiêu đãi nhân tài, thành thật đối xử với mọi người trong thiên hạ”. Nhà vua cho làm theo.

HOÀN VINH

Hoàn Vinh tự Xuân Khanh, người quận Bái, thi đỗ kỳ thi Minh kinh được bổ chức dạy Thái tử. Mỗi lần họp triều đình, nhà vua thường bảo Hoàn Vinh giảng kinh thư cho vua nghe trước mặt các quan công khanh. Nhà vua khen ngợi, bảo:

“Ta được khanh hơi muộn”

Vào niên hiệu Kiến Vũ thứ hai mươi tám, đại hội bách quan, vua ban chiếu hỏi người tài đức dạy dỗ Thái tử. Quần thần đón ý vua, đều tâu người xứng nhất là quan Cháp Kim Ngô Âm Thức cậu Thái tử là người dạy Thái tử tốt nhất, Bác sĩ Trương Dật nghiêm chỉnh không đổi sắc mặt, tâu:

“Bệ hạ lập Thái tử vì họ Âm chăng? Vì thiên hạ

chăng? Nếu lập Thái tử vì họ Âm thì nên mời Âm hầu; Còn bề hạ lập Thái tử vì thiên hạ, thì phải chọn bậc tài đức”.

Nhà vua khen ngợi, nói:

“Muốn tìm người dạy Thái tử là để sau này giúp Thái tử cai trị đất nước Nay quan Bác sĩ không ngại nói thẳng với chính trẫm thì ngại gì không nói thẳng với Thái tử?”.

Tức bổ nhiệm Đật làm chức Thái tử Thái truyền, và bổ nhiệm Hoàn Vinh làm chức Thiếu truyền, cấp xe 4 ngựa.

ĐỆ NGŨ LUÂN

Đệ Ngũ Luân tự Bá Ngự, người Kinh Triệu, được thôn làng tiến cử Hiếu Liêm, nhà vua hỏi về việc chính trị.

Rất hài lòng, vua giữ chuyện trò đến tối, một lần vua hỏi:

“Nghe người ta nói khanh làm quan, có công của vợ, chẳng qua vợ theo để lo chuyện cơm nước cho chồng được chu đáo chứ còn gì nữa?”.

Luân trả lời:

“Thần cưới vợ ba lần, đều không có cha mẹ. Tuổi nhỏ thường bị đói vì gặp thời loạn. được người dung cho ăn cho uống thật không dám quên ơn người ta cứu mạng”.

Nhà vua bật cười, phong làm Thái thú quận Cối Kê. Người Cối Kê có tục thờ thần đa dân, ham chuyện bói toán, người dân Cối Kê thường giết trâu bò tế thần, tài sản của nhân dân thường thiếu trước hụt sau; có người ăn thịt trâu bò bị bệnh qua đời, trước khi chết kêu rống như tiếng trâu bò, lâu nay quan lại địa phương không dám ngăn cấm. Đệ Ngũ Luân đến làm quan, gửi thư đến các huyện thuộc quận Cối Kê, thông báo đến toàn dân rằng chuyện bói cúng quỷ thần là dọa dẫm lừa dối dân ngu, nên không được giết trâu bò nữa, ai còn tiếp tục thì bị phạt. Ban đầu nhân dân sợ bị phạt, nên lén lút

giết thịt trâu bò, hoặc bày vẽ nhiều có qua mắt quan trên, Đệ Ngũ Luân cho bắt xét xử thật gắt, mới dứt hẳn được. Bách tính từ đó bình an. Thời kỳ đầu vua Túc tông, Đệ Ngũ Luân làm chức Tư không.

Đến khi tướng Mã Phòng làm chức Xa kỵ tướng quân, xuất chinh đi đánh nước Tây Khương, Đệ Ngũ Luân dâng sớ tâu vua, sớ rằng:

“Thần ngu cho rằng phong hầu cho các vị quý thích để giúp họ phú quý thì họ đều không xứng đáng với chức sự mà họ đảm nhiệm. Tại sao như vậy? Dem chuyện ơn nghĩa riêng tư buộc vào phép tắc quốc gia là trái hiến pháp. Thần nghe tướng Mã Phòng đang dẫn quân Tây chinh, bắt lính phải đi vào chỗ nguy hiểm chết người thì không phù hợp với nhân đức của Thái hậu, cái tâm chí hiếu của bệ hạ, là không thương dân”.

Đệ Ngũ Luân tuy là người rất ngay thẳng, đồng thời là một viên quan rất hà khắc, ghét bọn quan tham hà khắc với dân. Đệ Ngũ Luân khi lên chức Tam công, thành thật phụ giúp vua, đề ra nhiều chính sách tốt đẹp, được nhà vua khen, khuyên cho dùng làm phong tục tốt.

Đệ Ngũ Luân tâu:

“Bệ hạ tức vị, cung kính dốc lòng thờ trời, thân thể khỏe mạnh, bình thần, cư xử rộng rãi khoan dung với kẻ dưới, trong vòng bốn năm; năm vừa qua giết quan Thứ sử, giết sáu vị quan trật cao hai ngàn thạch mà tham tàn. Đó là hành xử của bậc vua thánh sáng suốt, không bày tội nào theo kịp. Tuy nhiên mỗi lần vua ban chiếu khoan hòa mà không xuyên suốt, bảo phải tiết kiệm mà không phạt nặng thói tiêu xài xa xỉ, thói tục tệ lậu, để tồn tại lâu dài. quần thần nhiều người bất xứng với chức quan đang làm. Vua Hán Thế tổ kế thừa tàn dư tệ hại thời Vương Mãng, phải dùng nghiêm pháp mạnh mẽ trong việc cai trị, các đời sau theo đó quen tay thành phong hóa. Các viên quan do quận quốc cử tuyển, toàn là loại người kém cỏi, chưa có thể gọi là những viên quan nhìn xa trông rộng, đáp ứng

mong muốn của nhà vua. Quan Trần Lưu lệnh Lưu Dự, quan quân lệnh đi xe bốn ngựa, lâm dân tế áp, chuyên nghĩ việc giết, quan dân sâu oán, người người đều chán ghét, mà nay bàn đến, không ai có thể chống lại. Làm trái lòng trời, không theo kinh nghĩa, thành ra không thể không cẩn thận vậy. Việc tiến cử người tài đức để cầm quyền, chẳng được mấy. Thần đọc sách, tư liệu thường thấy triều nhà Tần sở dĩ mất nước nhanh vì chính lệnh quá tàn khốc, triều của Vương Mãng cũng tự diệt vong vì pháp chế hà khắc, cho nên xem qua xét lại, thực chất ở chỗ đó. Thần lại được biết các vương hầu hoàng thân quốc thích ăn chơi kiêu xa, lộng hành ngay tại kinh sư kể chi tại các nơi xa xôi? Cho nên người ta nói rằng: “thân mình bất chính, tuy lệnh chẳng ai thi hành”. Dùng thân mình theo điều dạy bảo, miệng lặp lại các điều tốt đẹp. Phàm khi âm dương hòa hợp, năm thuận mùa, vua tôi đồng tâm, thì phong hóa thành tựu. Từ quan Chế sử, Thái thú trở xuống, từ kinh sư, cập đạo xuất Lạc Dương, nên triệu kiến hết thảy, hỏi tìm rộng rãi khắp bốn phương quan sát người người. Các quan không phù hợp nữa thì nên cho về vườn, không nên gia thêm hỉ nộ”.

Đệ Ngũ Luân ra sức phò vua, nói năng, làm việc đều nghiêm túc chu đáo, không để sơ sẩy chút nào.

Có người hỏi Đệ Ngũ Luân rằng:

“Trong việc công có việc tư chăng?” Đệ Ngũ Luân trả lời:

“Trước đây có người tặng tôi con ngựa thiên lý mã, tôi tuy không nhận, nhưng mỗi quan Tam công được tuyển cử, lòng không thể quên tặng; mà cuối cùng cũng không dùng đến. Đứa con người anh của ta có bệnh, một đêm thức giấc mười lần, sau mới an giấc; con ta có tật, tuy không thức để chăm, nhưng suốt đêm thao thức không chợp mắt được. Hai trường hợp này có phải là vô tư?”.

CHUNG LÝ Ý

Chung Ly Ý tự Tử A, người Cối Kê. Khi vua Hiến tông nhà Hán lên ngôi, bổ dụng ông làm chức Thượng thư, vào thời quan Thái thú quận Giao Chỉ cất giấu một ngàn lượng vàng, bị đem ra xử, nhập tư vật vào sổ sách Đại tư nông, chiếu vua ban thưởng cho quần thần. Chung Ly Ý được thưởng nhiều loại ngọc châu, ông đều đem chôn giấu dưới đất, mà không phong chức hay tặng thưởng.

Nhà vua lấy làm lạ mà hỏi nguyên nhân, thì được trả lời rằng:

“Thần nghe rằng đức Khổng Tử nhịn khát chứ không uống nước suối Đạo Tuyền. Số châu báu này là của hối lộ, mang tiếng xấu, chôn lấp thứ xấu xa đi, không dám dùng tới”.

Nhà vua khen rằng:

“Tốt thay, xứng là lời của quan Thượng thư!”

Nên lại dùng số tiền trong kho thưởng cho Chung Ly Ý ba chục vạn, chuyển ông làm chức Thượng thư bậc xạ. Chung Ly Ý may mắn được theo vua đi dạo vườn thượng uyển, thường đi chung xe với vua, ông thường kể những chuyện vui có ý can vua, ngay lập tức nhà vua trở về cung. Vào mùa hạ, niên hiệu Vĩnh Bình thứ ba, trời hạn hán, bắt đầu xây dựng Bắc cung. Chung Ly Ý vô cung gỡ mũ dâng sớ rằng:

“Kính thưa bệ hạ, nhằm khi trời giáng cơn tiểu hạn, lòng lo ngay ngáy, trốn trong chính điện, tự xét trách mình, ngày qua trời dầy đặc mây, không lọt xuống chút ánh sáng, lẽ nào thiên tâm ứng điềm chẳng? Ngày xưa mỗi lần trời hạn hán, vua Thành Thang tự trách mình sáu chuyện sai quấy, ông nói rằng: “Chính sự không tiết kiệm chẳng? Bị dân chê ghét chẳng? Xây cung thất xa xỉ tốn kém chẳng? Cung nữ quá nhiều chẳng? Đồ lễ (bao tư) thiếu sót chẳng? Bọn nịnh thịnh thời chẳng?” Thần trộm thấy việc xây dựng Bắc cung to lớn, khiến nhân dân lao dịch xây dựng, bỏ bê nông vụ, thất mùa cây hái. Để dân lo thì mất an ninh. Nên dừng bỏ đi cho hợp lòng trời”.

Nhà vua nghe theo, ban sách chiếu, bảo rằng:

“Vua Thành Thang đưa ra sáu việc sai quấy, lỗi do một người. Sắc cho ngưng chuyện xây dựng cung điện, giảm tỉnh bất cấp, để giảm bớt tai họa”.

Chiếu vua theo đó cảm tạ toàn thể các quan công khanh và bách liêu, trời liền ứng ban cho trận mưa. Bấy giờ, chiếu vua ban vụ án Thượng thư, sai lầm ở chỗ lấy mười làm trăm. Nhà vua thấy sổ ghi thì nổi giận, cho triệu viên tướng Lang trả lời vụ việc. Chung Ly Ý vào ra mắt, khấu đầu nói:

“Nếu như đề trể là có tội, thì vai trò của bầy tôi càng lớn càng nặng tội; Lang là chức nhỏ, nhẹ tội. Tội lỗi đều do hạ thần, hạ thần đáng tội đầu”.

Rồi cởi áo xin sửa chữa. Ý của nhà vua là tha, cho phục chức Lang. Tính cách của nhà vua rất tình cảm, cận thần từ quan Thượng thư trở xuống, đến kiến xin nâng đỡ. Có chuyện vua giận viên Lang tên Tùng, Tùng trốn nơi gầm giường, vua chọc gậy vào.

Vua rất giận, nạt to:

“Ra mau! ra mau! Tùng nói:

“Thiên tử sâu sắc, chư hầu sáng láng, chưa từng nghe vua đích thân gọi viên chức Lang”.

Nhà vua bèn tha cho, triều đình không ai không sợ oai của Tùng, nên thấy từ xa thì lo tránh chạm mặt, chỉ dám nói lời can gián mà thôi, bầy tôi có người phạm sai sót thì ông liền giải cứu cho. Tuy nhà vua không thể sử dụng ông, nhưng biết ông là người chí thành. Cũng vì biết vậy nên không thể lưu lại lâu dài, cho ra địa phương làm tướng nước Lỗ. Sau khi xây dựng xong điện Đức Dương, nhà vua tổ chức đại hội bách quan, có ý riêng nói với các vị công khanh rằng:

“Nếu quan Thượng thư Chung Ly còn ở triều thì khó hoàn thành ngôi điện này”.

Khi Chung Ly Ý qua đời, di ngôn cho quan Thượng thư nên khoan dung, vì đời khi thế này khi thế khác khó lường. Nhà vua cảm thương hạ chiếu tỏ lòng thương tiếc, thưởng tiền hai mươi vạn.

TỔNG QUÂN

Tổng Quân tự Thúc Tường, người Nam Dương, chuyển làm chức Thái thú quận Cửu Giang. Quận này nhiều cộp beo hung bạo, nhiều lần gây hại, lo lắng cho nhân dân, nên họ thường kêu gọi thợ chuyên hầm bẫy, nhưng hầm bẫy lại gây nhiều thiệt hại cho dân.

Khi Tổng Quân đến nhậm chức, ông lệnh quan lại các huyện trong địa phương rằng:

“Phàm hổ báo sống trong rừng núi, giao long cá sấu, sống trong đầm ao sông biển, mỗi loài đều có nơi dung thân riêng. Vả lại xứ Giang Hoài có loài thú dữ do miền đất phía Bắc có nuôi heo gà. Ngày nay cái làm cho dân lo âu là đám quan lại tham tàn, cần phải ra sức loại bỏ, không tiếc gì cả, miễn sao hết bọn quan lại gian tham, chỉ còn người trung thiện được thăng tiến thì không cần hổ bẫy, trừ tước khóa chế”. Sau đó người ta đồn đãi, cộp beo rủ nhau bơi qua sông trốn về phía nam. Vào niên hiệu Trung Nguyên nguyên niên, nhân dân các nơi như Sơn Dương, nước Sở, nước Bái nhiều người hoảng sợ, bỏ quê tìm đến biên giới Cửu Giang, tản lạc theo phương đông tây. Vì thế mới gọi là xa gần. Lui lại vì trong huyện có hai dãy núi Đường, Hậu, nhân dân sống bốn chung quanh cùng nhau tôn thờ, đông đảo nhân dân cả nam lẫn nữ, tôn xưng là núi mẹ, mỗi năm đều đặn cúng tế, không dám kết hôn với nhau, trước sau giữ lệnh không dám cảm đoán.

Tổng Quân bèn dâng thư tâu vua, thư rằng:

“Từ nay về sau, việc làm lễ cưới, đều tổ chức tại nhà thầy bói, không quấy nhiễu nhiều dân lành”.

Từ đó, chấm dứt hẳn. Tổng Quân được phong chức Thượng thư lệnh, thường cắt xén các vụ việc hồ nghi, khiến nhà vua cho là có gian lận nên nổi giận, đày đi làm chức lang nơi biên thùy. Các quan Thượng thư hoảng sợ đều lay dập đầu tạ tội.

Tổng Quân gượng lấy bình tĩnh tâu:

“Xưa nay, là bậc trung thần giữ nghĩa, không có hai lòng. Nếu sợ oai mà để mất sự chính đáng thì Tổng Quân này dù chết cũng không dám thay lòng đổi dạ”. Quan Tiểu hoàng môn bên cạnh, tâu xin nhẹ tội. Nhà vua bớt giận, ra lệnh thay vì làm chức lang, chuyển Tổng Quân làm chức Tư lệ hiệu úy.

HÀN LÃNG

Hàn Lăng tự Bá Kỳ, người nước Lỗ, giữ chức Thị ngự sử, cùng các quan thuộc Tam phủ, có trách nhiệm xét án các vụ Sở ngục, Nhan Trung, bọn Vương Bình, Từ Liên và Toại Hương hầu Cảnh Kiến, Lang Lăng hầu Tang Tín, Hộ Trạch hầu Đặng Lý, Khúc Thành hầu Lưu Kiến. Bọn Lưu Kiến, Từ Liên... chưa từng tương kiến với Nhan Trung, Vương Bình.

Bấy giờ, vua Hiển tông (nhà Hán) rất giận, các quan đều hoảng sợ, các người liên quan dẫn tất cả những người bị hãm hại vào, không ai dám dùng tình cảm tha thứ. Hàn Lăng lòng thương họ bị oan, thử lấy các đồ vật của bọn Kiến, riêng hỏi Nhan Trung, Vương Bình, mà hai người này quanh co không thể trả lời thì Hàn Lăng biết là gian trá, bèn báo lên là bọn Cảnh Kiến không gian dối, mà bị bọn Nhan Trung, Vương Bình vu cáo. Nhiều người vô can cũng bị vu cáo như vậy.

Nhà vua cho triệu Hàn Lăng đến, hỏi:

“Bọn Cảnh Kiến như vậy, vì có gì mà Nhan Trung, Vương Bình vu cho họ?

Hàn Lăng đáp:

“Nhan Trung, Vương Bình biết vụ phạm pháp này là vô đạo, nên có nhiều cách giải thích lòng vòng, họ muốn họ tự giải quyết rõ ràng được.

Nhà vua nài:

“Tức như thế thì bốn vị hầu tước vô sự, sao không tâu sớm mà để kéo dài đến nay?”

Hàn Lăng trả lời:

“Thần khảo sát biết tuy vô sự, nhưng sợ trong nước riêng có phát hiện vụ việc gian trá, cho nên chưa báo lên vua”.

Nhà vua giận mắng:

“Con người ở hai lòng, xúc phạm vua, tội đáng chém đầu”. Tả hữu liền bắt dẫn đi, Hàn Lăng vừa đi vừa nói:

“Xin nói một câu rồi chết cũng cam, mong bệ hạ nhận ra rằng tiểu thần không dám coi thường, một lòng giúp nước mà thôi. Thần khảo xét tù nhân trong từng vụ việc, nay thì xuất không bằng vào, có thể không có ai sau trách, vì thế khảo một liên mười, khảo mười liên trăm. Còn nữa, các quan công khanh mỗi khi họp triều, bệ hạ hỏi về cái được cái mất thì họ đều quỳ lạy thưa theo cựu chế vì sợ phạm đại tội bị tru di cửu tộc. Bệ hạ ban đại ân chỉ ở bản thân người ấy, thiên hạ rất may mắn. Đến khi về nhà, tuy không nói ra mà chỉ biết trộm than, chẳng ai không biết họ bị nhiều oan, nhưng không dám hỗn láo trái lời bệ hạ. Nay được trình bày ý mình, thì chết cũng hả lòng”.

Nhà vua có ý tha, ban chiếu sai viên Lang ra về. Hai ngày sau, xa giá đến ngục Lạc Dương, xét danh sách tù nhân, tha bổng hơn ngàn người.

Luận rằng:

Nhà văn Tả Khâu Minh có câu: “Lời nói của người nhân ái, lợi ích thật rộng lớn vậy”. Một lời nói của ông Ân Anh, vua Tề cho bỏ các hình phạt khắc nghiệt. Nếu ông

Chung Ly Ý lo bắt lỗi, thì ông Hàn Lăng chỉ tránh oan ngục, tại sao vậy? Cái tình của những bậc có đức nhân vậy!”.

ĐÔNG BÌNH VƯƠNG THƯƠNG

Đông Bình vương Lưu Thương, là em cùng mẹ với vua Hiên Tông nhà Hán, Khi nhỏ ông thích kinh sách, nên trở thành người suy tư có trí tuệ; vua Hiên tông rất thương mến kính trọng. Đến khi lên làm vua, vua Hiên tông phong Lưu Thương chức Phiêu kỵ tướng quân, cao hơn các quan trong Tam công. Nhiều năm tại triều Lưu Thương góp nhiều việc bổ ích, trong vai là thần tử chí thân phụ chính cho vua anh, danh tiếng ngày càng cao, khiến ông cảm thấy bất an. Nhiều lần ông dâng sớ xin cấp ấn, lui về nước Phiên nhưng đều bị vua anh từ chối. Về sau, lời lẽ xin cấp ấn làm vua phiên quốc càng khẩn thiết, nhưng nhà vua không cho, mà chỉ cấp ấn Thượng tướng quân, thưởng thêm tiền năm ngàn vạn, vải mười vạn tấm. Vào niên hiệu Vĩnh Bình thứ mười một, Lưu Thương cùng các vương họp triều tại kinh sư. Hơn một tháng thì về nước này, nhà vua đi ra tiễn chân, khi trở vô cung, thì buồn rầu nhớ các em, sai sứ mang chiếu viết tay của mình đến các nước chư hầu, chiếu rằng: “Sau khi từ biệt, thì ngồi một mình không thấy vui, lòng ta rất buồn khổ. Ngâm đến thiên “Thái Tụng” đến thiên “Thái thực”, lại càng thấy buồn. Ngày ngày hỏi thăm Đông Bình vương Thương, ở nhà làm gì là vui nhất, Đông Bình vương Thương bảo làm việc thiện là vui nhất. Lời ấy vừa sâu sắc vừa to lớn vậy”. Khi vua Túc tông nhà Hán lên ngôi, rất tôn trọng ân lễ với Đông Bình vương Lưu Thương, còn hơn các vua trước, các vương khác không thể sánh được. Vào niên hiệu Kiến Sơ nguyên niên, xảy ra động đất, Lưu Thương vẫn an vua. Sau đó nhà vua lại đổi ý muốn làm Nguyên lăng, Hiên tiết lăng, bắt đầu nói huyện ấp, Lưu Thương nghe tin, vội dâng sớ can gián, nhà vua nghe theo cho ngưng lại. Từ đó mỗi khi hội nghị việc triều chính triều đình đều mời Lưu Thương tham dự làm tư vấn, Lưu Thương toàn tâm đóng góp

ý kiến, đều được nghe theo cho áp dụng. Nhân theo Hoàng Thái hậu, đến thăm ao đài nơi dịch đình xem đồ dùng của Âm Thái hậu thời xưa, nhà vua tổ chức tiệc chiêu đãi các sĩ phu nơi Nam cung, bỗng nhiên tái mặt, ra lệnh lưu giữ năm loại áo theo mùa của Thái hậu, cùng với áo ngự y thường ngày, Ngoài ra gửi tặng các vương và con cháu ở kinh sư. Đặc biệt tặng cho Lưu Thương và Lang Nha vương cuốn kinh thư nói: “Năm tháng trôi nhanh như bóng ngựa non nhìn qua cửa sổ, mờ mịt ông bà ở xa xôi, chỉ một lòng thương tưởng buồn nhớ ôi kìa sao cho hết! Thời gian chiêu đãi sĩ phu tại Nam cung, nhân xem lại quần áo đồ dùng ngày xưa. Nghe các thầy cho biết: “Kỷ vật còn thì người dù chết đi dù không nói ra mà nỗi buồn tự đến không sao quên được”. Tin lắm vậy! Chỉ có đức hiếu hữu của ngài, cũng khác người! Ngày nay tiền Hoàng hậu Quang Liệt bằng vuông khăn tang trắng và một tấm áo tang, để hợp với phong tục” cái ơn của người, còn muốn cho đám con cháu sau này trông thấy y phục của bà nội. Mong tinh thần cao quý nơi chín suối, hưởng đồ cúng dưỡng, khô ngôn chí giới, vọng chi như khát”. Mùa đông, niên hiệu Kiến sơ thứ sáu, mời họp triều đình. Tháng giêng, năm sau, nhà vua hứa.

Sau đó có ty tâu đề các vương trở về nước, đặc biệt chỉ giữ lại một Đông Bình vương Lưu Thương. Tháng tám, tiệc rượu xong, có ty lại nhắc đề Lưu Thương về nước, vua lại hứa. Vua viết chiếu rằng:

“Tình cốt nhục là tính trời, bất kể thân sơ xa gần mà được nhìn mặt nhau là chuyện rất quý, bùi ngùi nói không ra lời”.

Bấy giờ xa giá chờ sẵn, rơi lệ chia tay.

Sau khi Đông Bình vương Lưu Thương qua đời, nhà vua tổ chức chuyển đông tuần thú, ghé thăm Đông Bình cung, truy niệm Lưu Thương, viết những lời: “Nhớ đến người ghé thăm, xú thì còn đây mà người có còn đâu”.

Rồi khóc lóc thảm thiết, ban tặng cây gươm.

CHU HUY

Chu Huy tự Văn Quý, người Nam Dương, làm chức Thượng thư bộc xạ. Bảy giờ, mất mùa, ngũ cốc quý hiếm nhân dân thiếu đói, huyện quan cũng không đủ lương thực chi dùng, triều đình lo về việc ấy.

Quan Thượng thư Trương Lâm tâu vua rằng:

“Ngũ cốc sở dĩ quý, vì là tiền kém giá trị. Có thể làm giàu hết nhờ tiền. Có khi lấy vải lụa làm đơn vị tính thuế chung cho cả nước. Muối, thực phẩm là thứ cấp thiết, tuy quý, nhưng tiền dân không ai không cần, quan có thể tự mưu cầu lợi riêng. Tại Giao Chỉ, Ích Châu tình toán cho quan lại qua lại chợ, mua bán trân bảo thu nhất lợi lộc, thời vua Hán Vũ đế gọi đó là thu đều nhau” (quân thu).

Nhà vua đồng tình, ban chiếu cho thi hành. Riêng một mình Chu Huy tâu vua rằng:

“Các nhà hưởng lộc triều đình, theo ‘vương chế’, thì thiên tử không nói có không, vua chư hầu không nói nhiều ít, các nhà đã được hưởng lộc triều đình thì không tranh lợi với nhân dân. Ngày nay phép “quân thu” không khác với buôn bán kiếm lời. Số lời quan lấy hết thì người dân bị khốn cùng tất sinh lòng oán hận, thuế quy bằng vải lụa, thì sinh ra trộm cướp gian dối, thành thật mà nói không phải là bậc minh chủ thì khó làm được”.

Nhà vua đương nhiên dùng lời ấy của bọn Trương Lâm, được Chu Huy bàn vô thì càng được coi trọng, nên giận, trách các quan Thượng thư. Chu Huy nhân đó, cáo bệnh không chịu góp lời bàn. Từ quan Thượng thư lệnh trở xuống đều lo sợ bảo Chu Huy rằng:

“Ngày nay sắp được khiển trách, tại sao lại cáo bệnh, tai họa không nhỏ đâu!”

Chu Huy nói:

“Ta đã tám mươi tuổi được làm ở vị trí cơ mật của triều đình, đáng lẽ chết được rồi để báo ơn vua. Nếu lòng ta cảm thấy không nên mà thuận theo ý vua, vì nghĩa thần tử thì bậy. Ngày nay tai mắt ta không nghe thấy lệnh phải chết”.

Rồi ngậm miệng không nói nữa. Các quan Thượng thư không hiểu phải làm như thế nào rồi cùng tâu hặc tội Chu Huy. Nhà vua tha tội, không cho gọi chuyện nữa.

VIÊN AN

Viên An tự Thiệu Công, người Nhữ Nam. Khi làm chức Tư đồ, thì vua Hán Hòa đế còn nhỏ yếu, Thái hậu lâm triều. Viên An thấy thiên tử còn nhỏ, họ nhà ngoại vua chuyên quyền, mỗi khi dự triều hội, cùng các quan công khanh bàn chuyện quốc gia đại sự, thường than thở rơi lệ. Từ thiên tử đến các quan đại thần, đều dựa theo lời của ông. Vào niên hiệu Chương Hòa thứ tư, ông qua đời, triều đình thương tiếc. Sau đó mấy tháng, phe họ Đậu của Thái hậu thua, nhà vua đích thân nắm quyền, truy xét từng sự vụ đúng sai trước đây, truy tìm con cháu Viên An phong cho làm chức Lang.

QUÁCH CUNG

Quách Cung tự Trọng Tôn, người Dĩnh Xuyên, thông hiểu luật pháp, có người anh em ruột tham gia trong một vụ sát nhân, nhưng chưa quy án. Nhà vua cho rằng làm anh mà không dạy em thì tội của anh rất nặng, mà người em khỏi tội tử. Quan Trung thường thị Tôn Chương tâu chiếu vua, đọc nhầm rằng hai anh em đều bị trọng tội. Quan Thượng thư tâu việc Tôn Chương sửa chiếu, tội đáng bị chém ngang lưng. Nhà vua cho triệu Quách Cung để hỏi,

Quách Cung thưa:

“Chương đáng bị phạt vàng”.

Vua nói: “Chương sửa chiếu sát nhân, sao chỉ bị phạt vàng?”.

Quách Cung nói:

“Pháp lệnh có chỗ nhằm, Chương truyền lệnh tử hình là truyền nhằm, người nhằm thì nhẹ tội”.

Nhà vua nói:

“Chương là người cùng một huyện với người tù, nghi là vì lý do ấy”.

Quách Cung nói:

“Đạo nhà Chu như đá mài, sử dụng thì thẳng bằng như mũi tên bay’. Người quân tử không gian dối, không làm bậy”. Quân tử không dối trá. Quân vương là luật của trời, hình pháp không thể đứt gãy, xiên xẹo được”.

Nhà vua khen: “Đúng quá!”, chuyển Quách Cung qua làm chức Đình úy chính thức.

TRẦN SÙNG

Trần Sùng tự Chiêu Công, người nước Bái, Khi vua Hán Chương đề vừa lên ngôi, Trần Sùng làm chức Thượng thư, bấy giờ, theo cách làm việc từ niên hiệu Vĩnh Bình quan lại nghiêm chỉnh làm việc dưới sự điều động của quan Thượng thư.

Trần Sùng bèn dâng sớ tâu rằng:

“Thần nghe rằng chính sách của các vị tiên vương thưởng không quá mức quy định, trị tội không quá khung hình phạt, nhưng trong trường hợp bất đắc dĩ thì có thể thưởng cao song nhất định không phạt vượt khung được. Bệ hạ lên ngôi, nhiều lần ban chiếu cho các quan, về vô số việc đều có cơ quan nắm giữ lo liệu. Hoặc nhân việc công mà làm chuyện riêng tư, mặc

sức làm oai làm phúc. Phàm làm chính trị, như tấu đàn cầm đàn sắt trong cuộc tấu nhạc chính, khi đàn đại huyền vang lên thì các loại đàn tiểu huyền im bật. Cho nên thầy Tử Cống không khi nào không mạnh tay khi thực thi pháp luật, mà vẫn tôn xưng nhân chính của Trịnh Kiêu. Kinh Thi có câu: “Chẳng cứng chẳng mềm, chính sách yên vui” Ngày nay thánh đức đầy ắp, nên biểu dương đạo của các bậc tiên vương, bỏ hết các phép tắc phiền hà, nhẹ tay với tù nhân, mở đường sống cho mọi sinh linh”.

Nhà vua cung kính cho làm theo lời của Trần Sùng. Mỗi sự vụ đều rất khoan dung. Từ đó trở đi, vua ban chiếu cho các ty, bỏ hết các hình phạt thảm khốc, bỏ hết những điều cấm quái quỷ, cấm hơn năm mươi việc khắc nghiệt về chế độ giam giữ. Từ đó phong tục nhân dân hiền hòa, phát triển nhiều cái hay.

SÙNG TỬ TRUNG

Sùng Tử Trung tự Bá Thủy, được cất nhắc lên tới chức Thượng thư, Khi vua Hán An đế đích thân xử lý chuyện triều chính, thì tai dị xảy ra liên tiếp, vua ban chiếu cầu hiền tài giúp nước. Các quan Công khanh bách liêu, nhao nhao tiến cử lên vua. Sùng Tử Trung cho rằng việc ban chiếu thư không có tác dụng, có nhiều đề cử người có danh mà vô thực tài không thể dùng được, nên dâng sớ tính làm cho rõ ý của vua, sớ rằng:

“Thần nghe rằng bậc nhân quân có núi rừng to rộng, nghe những mưu kế thiết thực, coi trọng lời nói thẳng thắn khí tiết của bậc trung thần, không sợ lời nói trái tai. Chính vì vậy mà vua Hán Cao tổ tha tội cho Châu Xương, Vua Hán Hiếu Văn quở trách Viên Áng. Vua Hán Thế tông nghe theo lời Đông Phương Sóc cải cách nền chính trị tuyên thất, Vua Hán Nguyên đế dung thứ chuyện tự vẫn của Tiết Quang Đức.

Ngày xưa vua Tấn Bình công hỏi ông Thúc Hượng rằng: “Quốc gia khi gặp hoạn nạn, vì nguyên do gì lớn nhất? Thúc

Hướng trả lời:

“Quan đại thần hưởng lộc cao mà không can gián hết lòng, các viên quan nhỏ thì sợ bị mang tội nên không dám nói, trên dưới không thông suốt nhau, đây là mối họa lớn”. Ngày nay, mình chiêu tôn sùng đạo đức của vua Cao tông, đẩy mạnh sự thành thật của Tổng Cảnh, sửa lỗi, khắc phục chỗ yếu kém, tham khảo nơi quần thần. Nên gặp Đỗ Căn, Thành Dục Thế... trao đổi công chuyện; nếu có người góp mưu kế hay, nên dùng ngay. Tuy trái tai gai mắt, không đúng sự thực, cũng nên rộng lòng mà khoan dung, cho mọi người thấy thánh triều không chê bỏ ai, điều tốt đẹp nào. Với các bậc sĩ phu hữu đạo, trong bàn chuyện đại sự, nên hạ mình lắng nghe, để nắm cho hết ý kiến tuyệt vời của họ.

DƯƠNG CHUNG

Dương Chung tự Tử Sơn, người quận Thục, trung dụng đến lan đài, được phong chức Hiệu thư lang. Vào niên hiệu Kiến Sơ nguyên niên, xảy ra hạn hán, thất mùa, ngũ cốc hiếm quý, Dương Chung đem chuyện nhà ngục ở Quảng Lăng, Hoài Dương, Tế Nam nước Sở, tù nhân nhiều đến số vạn, lại đóng đồn trại tại những nơi tuyết vực xa xôi quan dân kêu trời, bèn dâng sớ tâu rằng:

“Thần nghe rằng tu thiện thì thiện ảnh hưởng đến đời con đời cháu, còn làm việc ác thì ác chỉ ảnh hưởng đến bản thân mà thôi, quy chế thông thường của bách vương không khác đạo lý ấy. Chính sách cai trị của nhà Tần quá tàn khốc, ngược với lòng trời, một người làm nên tội, liên lụy đến ba họ”. Vua Cao tổ nhà Hán ta bình định xong loạn lạc, lập ra ba chương hình pháp. Vua Hán Thái tông là bậc chí nhân, bỏ hết các hình phạt. Dân cư sinh sôi phát triển, đến cả loài côn trùng, công đức phủ dài vạn thế. Bệ hạ thánh minh, đức tài gồm đủ. Ngày nay tuy nạn hạn hán kéo dài liên tiếp nhiều năm, tai dịch chưa dứt, khiêm cung tự cho ít đức, tham khảo

được mất. Ba đời hưng thịnh, không thể kéo dài thêm nữa. Thần trộm tham khảo kinh “Xuân Thu”, các biến cố lộn lộn hán hán đều ứng với chế độ tàn bạo, ân huệ không thông đến lớp người ở dưới. Từ niên hiệu Vĩnh Bình trở đi, án lớn liên miên, cơ quan xét kỹ oan lạm, gia thuộc trốn ra vùng biên giới, thêm việc chinh phạt Hung Nô, mở ra ba mươi sáu nước miền Tây, lại lập các đồn quân ở Y Ngô, Lô Lan, Xa Sư, Mậu Kỷ xa xôi, binh lính đi xa thì nhớ nhà, oán trách các miền đất lạ. Ngày xưa người dân nhà Ân, gần miền Lạc ấp, oán vọng việc bỏ xứ trung thổ phi nhiêu, ham chi các miền hoang mạc xa xôi? Miền Nam ẩm thấp lại nóng nực, đầy lam chương độc hại cho con người, dân cư sâu khốn, đủ làm trời đất cảm động, biến đổi âm dương vậy. Chỉ mỗi bề hạ lưu ý xem xét tình thế. Vua Hán Hiếu Nguyên bỏ quận Châu Nhai, vua Hán Quang Vũ cắt bỏ các nước miền Tây Vực. Ngày nay việc lao dịch ở xứ Y Ngô, lính đồn trú ở nước Lô Lan, từ lâu đã không trở về, không đúng ý trời vậy”.

Nhà vua nghe theo, bãi bỏ chương trình đóng đồn vùng biên giới.

SÙNG THAM

Sùng Tham tự Trọng Đạt, người Hà Nam, Vua Hán Thuận đế phong cho Lang Tham chức Thái úy, Thời bấy giờ, trong số ba vị quan đầu triều gọi là Tam công, thì Sùng Tham có tiếng là người thẳng tính, thật thà, nhiều lần bị kẻ thân cận gài bẫy hãm hại, làm trái chỉ thị của vua, nên bị quan Tư lệ thừa cơ kết án. Đến khi địa phương tiến cử Mậu Tài, Hiếu Liêm, Sùng Tham vì bị tấu, cáo bệnh không được gặp vua. Quan phó Quảng Hán, Đoàn Cung nhân đó tâu sớ lên vua: Thần trộm nghe nói: Đàn ông làm ruộng, phụ nữ dệt may, người đi trên đường đều bảo: “Thái úy Sùng Tham, một lòng tận trung tận tiết, ăn ngay nói thẳng, lòng dạ không chút lươn lẹo gian dối, tránh xa bọn gian tà, tự xoay sở ở nơi trung chính”. Thần vẫn mong thời thế của bề hạ được an toàn, mà

xa rời bọn sàm nịnh làm hại người trung chính. Đó là chỗ cấm kỵ nhất của trời đất, là chỗ mong mỏi nhất của bậc nhân chủ.

Ngày xưa đại tướng Bạch Khởi bị buộc phải tự tử, chư hầu cùng chén chúc mừng; quý tử trở về, người nước Lỗ mừng vui vì khỏi bị khốn nạn. Phàm quốc gia có người hiền tài cai trị, nhà vua quân thì được trung an. Ngày nay thiên hạ vui mừng khi thấy bệ hạ có được các bầy tôi trung hiền như thế, mong Sùng Tham được tín nhiệm, để trị an xã tắc”. Thư đến tay vua, chiếu vua ban tức thì sai tiểu hoàng môn đi thăm bệnh của Sùng Tham, sai quan thầy thuốc cấp dương tửu phục vụ chu đáo quan Thái úy.

THÔI NHÂN

Thôi Nhân tự Đình Bá, người Trác quận. Khi Đậu Thái hậu lâm triều, thì Đậu Hiến với vai trò là ngoại thích quan trọng, ban ra tờ nội chiếu.

Thôi Nhân gửi thư can Đậu Hiến rằng:

“Người giàu thường kiêu căng, người sang thường ngạo mạn. Những người phú quý mà không kiêu ngạo, chưa có bao giờ. Ngày nay mới hưng thịnh, bách liêu đều trông chờ sung lộc, đương khi đời sống thịnh thế như thời Nghiêu Thuấn, vinh hiển như thời Quang Hoa, hỏi sao không “ngày đêm cho đến mãi mãi ngợi khen ư?”, tán dương cái mỹ của Thân bá, suy cùng chẳng như chuyện của ông Chu, ông Thiệu hay sao? Sách Quốc Ngữ có câu: “Không lo không có địa vị, chỉ lo làm sao giữ vững”. Ngày xưa Phùng Dĩ vương phong chức vị cho người bên ngoại, khen là hiền thần; gần đây Âm Vệ úy đột nhiên nhận được nhiều phước lộc. dòng họ Viêm không ai là không được tôn trọng. Dòng họ nhà Dương hầu, không thế hệ nào không giàu sang thịnh vượng. Họ hàng nhà Trọng hầu phát nhiều vị làm tướng, xây dựng dinh cơ to rộng. Nhưng họ bị chê trách mà còn di hại đến các đời sau nữa. Tại sao vậy? Chung quy là vì tự mãn mà không biết kiểm chế mình, tiến mà không

biết lui, địa vị thì cao quý mà đức nhân thì chưa đồng bộ vậy. Từ khi triều Hán lên làm thiên tử trở về sau, cho đến hai đời vua Ai đế, Bình đế, bên ngoài vua chuyên quyền, bốn vị làm to, suốt hai mươi năm, chỉ đứng đầu bảo kê cho các vị trong họ tộc mình mà thôi” Kinh Thư có câu: “Soi xét ở chỗ có ân cần chăm sóc”, có thể nào không cẩn thận cho được! Phàm ánh sáng của tính khiêm đức Kinh Dịch khen ngợi ca tụng hết sức, người nhà Nho răn tránh, ấy là phúc lớn mà cũng là nỗi lo sợ của người quân tử. Xét ra, khảo gàn, cúi ngửa theo cách thức, khắc chạm lên các đồ gỗ kiểu cách, khắc lên các bôn chứa nước chứng tỏ có bàn tay con người không phải tự nhiên mà có. Như thế, thì bách phúc ở hoa sen, lưu điều tốt lành đến muôn đời vậy”. Đến khi Đậu Hiến làm Xa kỵ tướng quân, khi Thôi Nhân làm quan, Đậu Hiến chuyên quyền kiêu ngạo phóng túng, Thôi Nhân nhiều lần can gián. Đến khi dẫn quân đi đánh Hung Nô, đường đi nhiều đoạn lởm chởm gập ghềnh, Thôi Nhân làm chức Chủ bạ, báo cáo hàng chục lần, rất là tha thiết. Đậu Hiến không thềm nghe theo, xé sớ vắt đi. Vì cho là Thôi Nhân cao tuổi, đề nghị chuyển làm chức huyện trưởng Trường Sầm. Thôi Nhân từ đó đi làm quan nơi xa, bất đắc ý, bèn từ quan về quê nhà, già chết tại nhà.

(HẾT TẬP 10)